TRUNG A HÀM

Lược Giải

TRUNG A-HÀM *Lược giải*

Bản quyền tiếng Việt © 2025, Thích Thắng Giải

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu.

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.
Mọi thông tin xin gửi về:

- Góp ý về biên tập: publication@thaihabooks.com
- Tư vấn dịch vụ xuất bản: dichvuxuatban@thaihabooks.com

THÍCH THẮNG GIẢI

TRUNG A HÀM

Lược Giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

THAIHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

MỤC LỤC

Lời thưa *9*

1. Trích Kinh Thiện Pháp, Số 1 11
2. Trích Kinh Thủy Dụ, Số 4 22
3. Trích Kinh Thiện Nhân Vãng, Số 5 39
4. Trích Kinh Thế Gian Phước, Số 7 57
5. Trích Kinh Lậu Tận, Số 10 62
6. Trích Kinh Hòa-Phá, Số 12 68
7. Trích Kinh Già-Di-Ni, Số 17 71
8. Trích Kinh Thành Tựu Giới, Số 22 80
9. Trích Kinh Phạm Chí Đà-Nhiên, Số 27 82
10. Trích Kinh Tượng Tích Dụ, Số 30 89
11. Trích Kinh Cung Kính, Số 50 92
12. Kinh Tần-Tì-Sa-La Vương Nghinh Phật, Số 62 96
13. Trích Kinh Thuyết Bổn, Số 66 99

14. Trích Kinh Đại Thiên Nại Lâm, Số 67 121
15. Kinh Chuyển Luân Vương, Số 70 124
16. Trích Kinh Niệm Thân, Số 81 141
17. Trích Kinh Chi-Ly-Di-Lê, Số 82 146
18. Trích Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Số 83 150
19. Trích Kinh Chu-Na Vấn Kiến, Số 91 155
20. Trích Kinh Lâm, Số 108 157
21. Trích Kinh Tự Quán Tâm, Số 110 163
22. Trích Kinh Thuyết Vô Thường, Số 120 165
23. Kinh Bát Nạn, Số 124 167
24. Trích Kinh Hành Dục, Số 126 176
25. Trích Kinh Oán Gia, Số 129 183
26. Trích Kinh Thiện Sanh, Số 135 192
27. Trích Kinh Anh Vũ, Số 152 220
28. Trích Kinh Bà-La-Bà Đường, Số 154 235
29. Trích Kinh Tu-Đạt-Đa, Số 155 255

30. Trích Kinh A-Lan-Na, Số 160 259
31. Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Số 165 269
32. Trích Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp, Số 171 290
33. Trích Kinh Phù-Di, Số 173 299
34. Trích Kinh Thọ Pháp, Số 175 306
35. Trích Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Số 179 315
36. Kinh Cù-Đàm-Di , Số 180 332
37. Trích Kinh Đa Giới, Số 181 342
38. Kinh Thánh Đạo, Số 189 346
39. Trích Kinh Trì Trai, Số 202 408
40. Trích Kinh Bô-Đa-Lị, Số 203 412

LỜI THƯA

Bộ *Trung A-hàm* gồm hai trăm hai mươi hai bản kinh là do Hòa Thượng Tuệ Sỹ *Việt dịch* và chú. Nay người viết chỉ tuyển chọn những bản kinh và trích lại những đoạn văn kinh trong hai trăm hai mươi bản kinh đó để viết lược giải. Khi viết, nếu có đoạn kinh văn nào đã được rõ nghĩa và dễ hiểu thì người viết sẽ không chia sẻ thêm mà chỉ viết lược giải đối với những đoạn kinh và những câu kinh cần được giải nghĩa. Tuy khả năng tu học của người viết cũng không thể nào thấu hiểu hết ý nghĩa của những đoạn văn kinh trong *Trung A-hàm này* nhưng hiểu được tới đâu thì người viết xin được chia sẻ tới đó.

Mùa Vu Lan 30.08.2023

Với tất cả tấm lòng trân trọng,

Thích Thắng Giải

1

TRÍCH KINH THIỆN PHÁP[1], SỐ 1

Chánh văn

"Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người[2]? Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín[3], người có tín là hơn, người bất tín là kém."

Lược giải

Những cư sĩ tại gia có tín tâm đối với Tam Bảo thì thiện tâm sẽ lớn hơn so với những người không có tín tâm đối với Tam Bảo. Bởi vì tín tâm đối với

---

[1] Tương đương Pāli: A. VII.64 Dammaññū-sutta; biệt dịch: No.27 Thất Tri Kinh, 1 quyển, Ngô Chi Khiêm *dịch* (Đại 1, tr.810); No.125 (39.1) Tăng Nhất, "Đẳng Pháp Phẩm" (Đại 2, tr.728).

[2] Hán: tri nhân thắng như 知人勝如. Tập dị 17, đã dẫn: tri nhân thắng liệt 知人勝劣.

[3] Hán: hữu tín, hữu bất tín 有信, 有不信. Tập dị 17, đã dẫn: hơn kém về đức hạnh.

Tam Bảo nên những vị ấy mới tu tập tất cả thiện pháp hữu lậu và cho đến thiện pháp vô lậu. Trong đó, tu tập tất cả thiện pháp hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập thiện pháp vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật.

Chánh văn

Người có tín lại có hai hạng: Thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém.

Lược giải

Những cư sĩ tại gia thường đến các tu viện, ngôi chùa để đảnh lễ Phật Bảo, thăm viếng Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo Ni thì thiện tâm sẽ lớn hơn những cư sĩ tại gia không thường đến các tu viện,

ngôi chùa để đảnh lễ Phật Bảo, thăm viếng Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo Ni.

Chánh văn

Người thường đến gặp Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ kính. Người có lễ kính là hơn; người không lễ kính là kém.

Lược giải

Những cư sĩ tại gia thường đến các tu viện, ngôi chùa để đảnh lễ Phật Bảo, thăm viếng và lễ kính Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo Ni thì thiện tâm sẽ lớn hơn những cư sĩ tại gia thường đến các tu viện, ngôi chùa để đảnh lễ Phật Bảo, thăm viếng (Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo Ni) nhưng không lễ kính Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo Ni.

Chánh văn

Người có lễ kính lại có hai hạng: có hỏi Kinh và không hỏi Kinh. Người có hỏi Kinh là hơn, người không hỏi Kinh là kém.

Lược giải

Những cư sĩ tại gia lễ kính Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo Ni và thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ thánh đế thì thiện tâm sẽ lớn hơn so với những cư sĩ tại gia lễ kính Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo Ni nhưng không thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ thánh đế

Cũng vậy, những người xuất gia tu học ở trong các tu viện, ngôi chùa lại thường đảnh lễ Sư trưởng, các vị Giáo thọ sư, các bậc thiện tri thức để thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ Thánh Đế, Kinh, Luật, Luận thì thiện tâm sẽ lớn hơn những người tu học ở trong các tu viện, ngôi chùa nhưng lại không đảnh lễ Sư trưởng, các vị Giáo thọ sư, các bậc thiện tri thức để thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ Thánh Đế.

Chánh văn

Người có hỏi Kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe Kinh và không nhất tâm nghe Kinh. Người nhất tâm nghe Kinh là hơn, người không nhất tâm nghe Kinh là kém.

Lược giải

Những cư sĩ tại gia thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ thánh đế và nhất tâm lắng nghe thì thiện tâm sẽ lớn hơn những cư sĩ tại gia thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ thánh đế nhưng không nhất tâm lắng nghe.

Cũng vậy, những người xuất gia tu học ở trong các tu viện, ngôi chùa thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ Thánh Đế, Kinh, Luật, Luận và nhất tâm lắng nghe thì thiện tâm sẽ lớn hơn những người xuất gia tu học trong các tu viện, ngôi chùa thưa hỏi ý nghĩa pháp Tứ Thánh Đế, Kinh, Luật, Luận nhưng không nhất tâm lắng nghe.

Chánh văn

Người nhất tâm nghe Kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp. Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém.

Lược giải

Những cư sĩ tại gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe và tiếp nhận ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế

thì thiện tâm sẽ lớn hơn những cư sĩ tại gia thưa hỏi rồi nhất tâm lắng nghe nhưng không tiếp nhận ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế.

Cũng vậy, những người xuất gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe và tiếp nhận ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế thì thiện tâm sẽ lớn hơn những người xuất gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe nhưng không tiếp nhận ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế.

Chánh văn

Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém.

Lược giải

Những cư sĩ tại gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe, tiếp nhận và tư duy ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế thì thiện tâm sẽ lớn hơn những cư sĩ tại gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe và tiếp nhận nhưng không tư duy ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế.

Cũng vậy, những người xuất gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe, tiếp nhận và tư duy ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế thì thiện tâm sẽ lớn hơn những người xuất gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe và tiếp nhận nhưng không tư duy ý nghĩa của pháp Tứ thánh đế.

Chánh văn

Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng đến pháp tùy pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp[1]*; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp.*

Người biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng đến pháp tùy pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém.

---

[1] Hán: Tri pháp, tri nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận ư pháp, như pháp hành chi 知法, 知義, 向法, 次法, 隨順於法, 如法行之. Pāli: atthamaññāya dhammamaññāya dhammānudhammappaṭipanno, "sau khi tư duy về nghĩa, tư duy về pháp, rồi thực hành pháp và tùy pháp".

Lược giải

Những cư sĩ tại gia thưa hỏi, nhất tâm lắng nghe, tiếp nhận, tư duy, rồi hiểu rõ nghĩa Tứ thánh đế và thực hành đúng ý nghĩa của đạo thánh đế thì thiện tâm sẽ lớn hơn những cư sĩ tại gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe, tiếp nhận và tư duy nhưng không hiểu rõ nghĩa của Tứ thánh đế và không thực hành đúng ý nghĩa của đạo thánh đế.

Cũng vậy, những người xuất gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe, tiếp nhận, tư duy rồi hiểu rõ nghĩa Tứ thánh đế và thực hành đúng ý nghĩa của đạo thánh đế thì thiện tâm sẽ lớn hơn những người xuất gia thưa hỏi, rồi nhất tâm lắng nghe, tiếp nhận và tư duy nhưng không hiểu rõ nghĩa của Tứ thánh đế và không thực hành đúng ý nghĩa của đạo thánh đế

Chánh văn

Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng đến pháp tùy pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người,

*xót thương thế gian, [**422a**] cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người, không xót thương thế gian, không cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người.*

Lược giải

Những cư sĩ tại gia do tu tập đúng với ý nghĩa của đạo thánh đế nên thành tựu được thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu. Trong đó, thành tựu thiện pháp hữu lậu là do tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Còn thành tựu thiện pháp vô lậu là do tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Đã thành tựu được như vậy, rồi những vị ấy lại còn chia sẻ ý nghĩa của đạo thánh đế cho những người khác hiểu để thực hành, thì thiện tâm sẽ lớn hơn những cư sĩ tại gia tu tập đạo thánh đế nhưng lại không chia sẻ ý nghĩa của Đạo thánh đế cho những người khác hiểu để thực tập.

Cũng vậy, những người xuất gia đã tu tập đúng với ý nghĩa của đạo thánh đế nên thành tựu được thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu.

Trong đó, thành tựu thiện pháp hữu lậu là do tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Còn thành tựu thiện pháp vô lậu là do tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Đã thành tựu được như vậy, những vị ấy lại còn chia sẻ ý nghĩa của đạo thánh đế cho tứ chúng cùng hiểu để tu tập, thì thiện tâm sẽ lớn hơn những người xuất gia tu tập đạo thánh đế nhưng lại không chia sẻ ý nghĩa của Đạo thánh đế cho tứ chúng cùng hiểu để tu tập. Vì thế, Đức Phật dạy rằng: *"Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời và người, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người khác. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có tô tinh*[1]*. Tô tinh là thứ bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích cho*

[1] Hán: nhũ, lạc, sanh tô, thục tô, tô tinh 乳, 酪, 生 酥, 熟 酥, 酥 精. Pāli: khīra (sữa), dadhi (sữa đông hay sữa chua), takka (bơ lỏng, ¼ nước), navanīta (bơ đặc), sappi (dầu bơ hay bơ tinh, đề hồ). Bản Pāli tương đương không có thí dụ này.

mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lợi và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người, trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu.

2

TRÍCH KINH THỦY DỤ[1], SỐ 4

Chánh văn

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ giảng cho các ngươi nghe về bảy hạng người ở dưới nước. Các ngươi hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ!"

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

"Thế nào là hạng người nằm mãi[2]? Hoặc có những người bị pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc rễ

---

[1] Tương đương Pāli: A. VII.15 Udakūpamā. Biệt dịch, No.29 Diêm Thủy Dụ Kinh, thất dịch, Đại 1 tr.811c; No.125 (39. 3) Tăng Nhất, "Đẳng Pháp Phẩm, kinh số 3 (Đại 2, tr.729c).

[2] Hán: thường ngọa 常 臥. Pāli: sakiṃ nimuggo nimuggo, một lần chìm là chìm luôn.

sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi dưới nước. Cũng như người chìm lỉm, nằm luôn dưới nước, Ta nói người kia cũng giống như vậy. Đó là hạng người thứ nhất của ví dụ về nước, thế gian quả thực có hạng người như vậy."

Lược giải

Ở trong đời, có những người không tin Tam Bảo, không tin nhân quả, không tin có đời này và đời sau. Vì thế, những vị ấy đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Do đó, những vị ấy mới thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại.

Chánh văn

"Thế nào là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi chìm lại? Đó là người đã làm trỗi lên tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố. Đó là hạng người ngoi lên rồi chìm lại. Như người chìm trong nước, đã ngoi lên được rồi

lại chìm. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ hai của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy."

Lược giải

Ở trong đời, có những người có tín tâm đối với Tam Bảo, rồi tin nhân quả, tin có đời này và đời sau. Vì thế, những vị ấy đã thực tập các thiện pháp như trì giới, bố thí, học tập Phật pháp và tu tập. Sau đó, những vị ấy lại mất tín tâm nơi Tam Bảo nên không tu tập các thiện pháp như trì giới, bố thí, học tập Phật pháp và tu tập. Trái lại, những vị ấy đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Vì thế, các vị ấy mới thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại.

Chánh văn

"Thế nào là hạng người ngoi lên rồi trụ? Đó là người đã trỗi tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn kiên cố, chắc chắn không mất, trì giới,

bố thí đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi trụ. Như người chìm trong nước, ngoi lên khỏi nước rồi trụ. Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ ba của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy."

Lược giải

Ở trong đời, có những người đã có tín tâm đối với Tam Bảo kiên cố nên những vị ấy đã trì giới, bố thí, học tập Phật pháp và tu tập. Với tín tâm đó, tuy những vị ấy có lưu chuyển sinh tử trong các giới loại nhưng tín tâm vẫn kiên cố không mất. Do đó, những vị ấy vẫn tiếp tục tu tập các thiện pháp như trì giới, bố thí, học tập Phật pháp và tu tập nên mới thọ quả tốt đẹp trong các giới loại.

Chánh văn

"Thế nào là hạng người ngoi lên rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh? Đó là người làm trỗi dậy tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn

*không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất; trụ trong thiện pháp; biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến [**424c**] chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần,[1] qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ[2]. Đó là hạng người ngoi lên rồi lại trụ, trụ rồi nhìn quanh.*

"Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ tư của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy."

Lược giải

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm

[1] Hán: cực thọ thất hữu 極受七有.

[2] Hán: *đắc khổ biên tế* 得 苦 邊 際. Pāli: dukkhass' antaṃ karoti, chấm dứt sự khổ.

thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Lê-Tê-Đạt-Đa, số 570*, Tôn giả Lê-Tê-Đạt-Đa dạy:

"Thế nào là thân kiến?"

"Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến."

"Làm thế nào để không có thân kiến này?"

"Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến."

Cũng vậy, Đức Phật dạy: *"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau."* (*Tạp A-hàm*, kinh *Phân biệt*, số *54*)

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông… không phải là nguyên nhân để sinh thiên, mà cho đó là nguyên nhân để sinh thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thọ quả báo ở chư thiên… Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhiều kinh chỉ ghi gọn là nghi Tứ thánh đế.

Vì sao bậc thánh Sơ quả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi? Bởi vì bậc thánh Sơ quả an trú trong chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã nên đoạn trừ được thân kiến. Nhờ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn nhận biết được như thật khổ đế - tập đế cần phải đoạn, diệt đế cần phải chứng và đạo đế cần phải tu tập nên đoạn trừ được Giới cấm thủ. Chính vì, chánh kiến vô lậu nhận biết được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì đây là nhận biết được như thật khổ đế và tập đế. Còn tâm nhận biết được như thật về khổ đế và tập đế thì đây chính là chánh kiến vô lậu tức đạo đế vô lậu. Nghĩa là, bậc thánh Tu-đà-hoàn đã nhận biết như thật khổ đế - tập đế và chứng nghiệm đạo đế vô lậu tu tập để đạt Diệt đế nên đoạn trừ được tâm nghi về giáo pháp Tứ thánh đế. Bởi vì không còn nghi về giáo pháp Tứ thánh đế nên bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả) sẽ không

còn nghi Phật, nghi Tăng và nghi Thánh giới. Cho nên, Đức Phật dạy: *"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."* (Trích *Tạp A-hàm*, kinh *Hồ Nghi Đoạn*, số *137*)

Bậc thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi trời và cõi người (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy: *"Ta chưa từng thấy một người đệ tử của ta kiến đế mà phải trải qua đến đời thứ tám"*.

Theo *Luận Câu Xá*, trang 392, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa "Thất lai" của bậc thánh Sơ quả (Tu-đà-hoàn) như sau: *"Ở đây chứng cứ nào nói mỗi thú bảy lần chứ không*

phải bảy lần trong cả hai. Trong khi kinh được đọc như vậy: 'Bảy lần chư thiên và loài người'.

Các vị Ẩm quang bộ (tức Luận chủ đã dẫn Ẩm quang bộ) *cũng đọc 'bảy lần chư thiên và loài người' như là 'mỗi thứ' riêng biệt. Ở đây không nên cố chấp.*

Vị đắc quả dự lưu giữa loài người sẽ trở lại đây mà nhập Niết-bàn. Nếu đắc quả giữa chư thiên, cũng sẽ trở lại nơi ấy."

Chánh văn

"Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lội qua. Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si[1] vơi mỏng. Còn phải một lần vãng

[1] Tức tham, sân, si. Pl., thành cú: *rāgadosamohānaṃ tanuttā*.

lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lội qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy."

Lược giải

Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân thì Ngài sẽ sinh lên nơi các cõi trời thuộc Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi trời đó, Ngài sẽ sinh lại trong nhân gian để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo *Luận Câu Xá*, trang 399, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa "Nhất lai" của bậc thánh Nhị quả (Tư-đà-hàm) như sau: *"Đây là đắc quả thứ hai, gọi là quả nhất lai, vì sau*

khi sinh lên chư thiên, rồi sinh trở lại nhân gian một lần duy nhất, sau đó không còn đời nào nữa. Kinh nói là làm mỏng tham, sân và si."

Chánh văn

"Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm hạ phần kiết dứt sạch. Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, nghi. Năm hạ phần kiết dứt sạch rồi, sanh vào cõi ấy[1]*, rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa. Đó là người ngoi lên rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn rồi lội qua; lội qua rồi đến bờ bên kia. Như người chìm trong nước ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi đi qua, đi qua rồi*

---

[1] Hán: *sanh* ư bỉ *gian* 生於彼間, chỉ sinh lên các năm cõi trời Tịnh cư. Pl., thành cú: *opapātiko hoti tattha parinibbāyī*, "*hóa sanh* lên đó, và nhập Niết-bàn tại đó."

đến bờ bên kia; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ sáu của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy."

Lược giải

Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân thì Ngài sẽ sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới như: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên (thuộc tầng thiền thứ tư trong Sắc giới). Ở nơi các cõi trời đó, các Ngài tiếp tục tu tập để đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu bậc thánh A-la-hán.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng, bậc thánh A-na-hàm sẽ đạt được định tâm thuộc tứ thiền vô lậu, chứ không phải định hữu lậu.

Bậc thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc phân biệt ngã chấp.

Còn bậc thánh A-na-hàm đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc câu sinh ngã chấp. Trong giai đoạn tu đạo của các bậc thánh giả: bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, rồi thành tựu quả vị Tư-đà-hàm; bậc thánh Tư-đà-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-na-hàm, rồi thành tựu quả vị A-na-hàm; bậc thánh A-na-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-la-hán. Trong các tiến trình ấy, các ngài chỉ đoạn trừ được phần nào chứ chưa đoạn trừ được hoàn toàn ngã chấp câu sinh. Cho đến quả vị A-la-hán thì các ngài mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh này.

Mặt khác, loại ngã chấp câu sinh này luôn cùng tồn tại với chúng ta tức vốn sẵn có, mà không cần phải chịu ảnh hưởng sự huân tập của ngoại giáo. Cho nên, trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết,* Đức Phật dạy: *"Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về*

dục tưởng, há lại có quấn chặt nơi dục chăng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quấn chặt nơi sân nhuế chăng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính của nó, nên nói là nhuế tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quấn chặt nơi thân chăng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm quấn chặt nơi giới chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quấn chặt nơi pháp chăng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên." *(Trung A-hàm,* Kinh *Ngũ Hạ Phần Kết,* số *205*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

Chánh văn

*"Thế nào là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia; đến bờ bên kia rồi được gọi là người Bà-la-môn đứng trên bờ? Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó [**425a**] về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó là người ngoi lên khỏi nước rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là vị Bà-la-môn đứng trên bờ. Như người chìm trong nước, ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ bảy của thí dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy."*

Lược giải

Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn tận khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Bởi vì, các bậc thánh như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Hữu học. Còn bậc thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu đó nên các ngài xứng đáng cho chư Thiên, loài người đảnh lễ và cúng dường.

Các bậc thánh hữu học chưa thành tựu được Tam minh. Những bậc thánh Vô học mới thành tựu được Tam minh. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Học Tam Minh*, số 871, Đức Phật dạy: *"Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học."*

3

TRÍCH KINH THIỆN NHÂN VÃNG, SỐ 5

Chánh văn

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Ta sẽ nói cho các ngươi biết về bảy nơi mà bậc thiện nhân đi đến và Vô dư Niết-bàn[1]. Các ngươi hãy lắng nghe và hãy suy nghĩ kỹ!"

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Phật dạy:

Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không

[1] *Vô dư Niết-bàn* 無餘涅槃; Pl. *anupāda-parinibbāna,* Niết-bàn không chấp thủ, được hiểu là Niết-bàn không sở y *(appaccaya-nibāna*).

có ta, cũng không có cái của ta[1]. Cái có thì được đoạn trừ[2].' Sau khi đoạn trừ, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước[3]. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng[4], nhưng vẫn chưa được chứng ngộ[5]. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu, vừa nhen đã tắt. Nên biết, Tỳ-kheo

---

[1] Hán: ngã giả vô ngã, diệc vô ngã sở 我者無我亦無 我所 (...). Pāli (A. iv. 70): *no cassa no ca me siyā*, na bhavissati na me bhavissati dịch là "nó *đã* không hiện hữu, và nó *có thể không* phải là của ta; nó sẽ không tồn tại và nó sẽ không phải là của ta." Sớ giải (AA, iv. 38): *no cassa*, nó *đã* không tồn tại, nghĩa là, nếu nghiệp tác thành ngã thể trong quá khứ (*atīte attabhāvanibbattakaṃ kammaṃ*) đã không tồn tại; và *no ca me siyā*, thì ở đây, ngã thể này *có thể* không tồn tại."

[2] Hán: *dĩ hữu tiện đoạn* 已有便斷. Pāli: yadatthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pahajāmi, "Với cái gì đang tồn tại, hiện hữu, ta đoạn trừ cái đó". Sớ giải, ibid.: cái đang tồn tại, hiện hữu (*yad atthi yaṃ bhūtaṃ*), tức là năm uẩn hiện tại (*paccupannakkhandhapañcakaṃ*).

[3] Hán: *hữu lạc bất nhiễm, hiệp hội bất trước* 有樂不染合會不著. Pāli: *so bhave na rajjati, sambahave na rajjati*, "vị ấy không đắm trước hữu (không hoan lạc trong cái đang hiện hữu), không đắm trước sinh (không hoan lạc trong cái đang xuất sinh)".

[4] Hán: *vô thượng tức tích* 無上息跡. Pāli: *atthuttariṃ padaṃ santaṃ sammapaññāya passati*, "bằng chánh trí, vị ấy thấy con đường tịch tĩnh dẫn đến mục đích tối thượng".

[5] Pāli: *taṃ ca khvassa padaṃ na sabbena sabbaṃ sacchikataṃ hoti*, "Nhưng không hoàn toàn thực chứng đạo lộ ấy".

kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết[1]*, nhưng năm hạ phần kết*[2] *đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn*[3]*. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.*

Lược giải

Chúng ta vốn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (tạp niệm) nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ được

---

[1] Hán: thiểu mạn vị tận 少慢未盡. Pāli: *na sabbena sabbaṃ mānānusayo pahīno hoti, na sabbena sabbaṃ bhavarāgānusayo pahīno hoti, na sabbena sabbaṃ avijjānusayo pahīno hoti,* "chưa hoàn toàn đoạn trừ mạn tùy miên; chưa hoàn toàn đoạn trừ hữu ái tùy miên; chưa hoàn toàn đoạn trừ vô minh tùy miên".

[2] Hán: *ngũ hạ phần kiết* 五下分結. Pāli: *pañca orambhāgiya saṃyojana*, năm kết dẫn đến tái sah Dục giới.

[3] Trung Bát-niết-bàn 中般涅槃 trường hợp Thánh giả A-na-hàm, sau khi chết ở Dục giới, trước khi tái sinh Sắc giới, nhập Niết-bàn ở khoảng trung gian. Xem Câu-xá quyển 24 (Đại 29, tr.124b). Pāli: antarā-parinibbāna.

thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả), gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm (Nhị quả), gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm (Tam quả), gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này để sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên thì ngay trong khoảng trung gian ấy sẽ lậu tận phiền não chướng nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Trung Bát-niết-bàn.

Chánh văn

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vậy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ'. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không

*đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, đóm lửa văng ra, vừa tung lên không liền tắt. Nên biết, [**427b**]Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.*"

Lược giải

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (tạp niệm) nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm, thiện ác, tôi ta. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả), gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập

làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm (Nhị quả), gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm (Tam quả), gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này để sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên thì ngay trong khoảng trung gian ấy sẽ lậu tận phiền não chướng nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Trung Bát-niết-bàn.

Chánh văn

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ'. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi

đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi từ không rơi trở lại; rơi chưa đến đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy[1]*."*

Lược giải

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (tạp niệm) nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả), gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong

[1] Ba ví dụ trên tương ứng với ba cấp Trung Bát-niết-bàn: tốc, phi tốc và kinh cửu (nhanh, không nhanh và lâu); xem Câu-xá 24 (Đại 29, tr.125a).

tâm vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm (Nhị quả), gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm (Tam quả), gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này để sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên thì ngay trong khoảng trung gian ấy sẽ lậu tận phiền não chướng nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Trung Bát-niết-bàn.

Chánh văn

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ'. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi

đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống, tới đất thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn[1]*. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy."*

Lược giải

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (tạp niệm) nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành

[1] Sanh Bát-niết-bàn 生般涅槃 vị A-na-hàm sau khi tái sanh Sắc giới một thời gian không lâu liền nhập Vô dư y Niết-bàn. Xem Tập dị 14 (Đại 26, tr.426a); Câu-xá 24 (Đại 29, tr.124b). Pāli: upahacca-parinibbāna, nhập Niết-bàn do rút ngắn tuổi thọ sau khi sanh Sắc giới. Từ Pāli upahacca có nghĩa là "làm tổn hại". Bản Hán, theo từ gốc Sankrit. là upapadya (Pāli: upapajja) có nghĩa là "sanh".

tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả), gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm (Nhị quả), gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm (Tam quả), gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này liền sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên để tiếp tục tu tập, trải qua một thời gian không lâu thì sẽ đoạn tận khổ đế - tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Sanh Bát-niết-bàn (quả vị A-la-hán).

Chánh văn

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ'. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không

đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhúm cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy; cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn[1]*. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.*"

Lược giải

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (tạp niệm) nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi

[1] Hành Bát-niết-bàn, hay Hữu hành Bát-niết-bàn 有行般涅槃 vị A-na-hàm sau khi sanh Sắc giới, trải qua một thời gian nỗ lực tu tập nữa rồi mới nhập Niết-bàn. Pāli: sasaṃkhāra-parinibbāna. Câu-xá 24 (Đại 29, tr.124b), Tập dị 14 (Đại 26, tr.426b).

khái niệm thiện ác, tôi ta. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả), gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm (Nhị quả), gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm (Tam quả), gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này liền sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên để tiếp tục nỗ lực tu tập trải qua một thời gian thì sẽ đoạn tận khổ đế - tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Hành Bát-niết-bàn (A-la-hán).

Chánh văn

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương

*lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, [**427c**] nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn[1]. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.*"

Lược giải

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm

[1] Vô hành Bát-niết-bàn 無行般涅槃 sau khi tái sanh Sắc giới, không do nỗ lực tu tập mà nhập Niết-bàn. Câu-xá 24 (Đại 26, tr.124b) cho rằng, trong Kinh tạng, Vô hành được kể trước Hữu hành, như vậy hợp lý hơn. Xem thêm Tập dị 14 (Đại 26, tr.426b). Pāli cũng kể Vô hành trước Hữu hành. Pāli: asaṃkhāra-parinibbāna.

thủ uẩn (tạp niệm) nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả), gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm (Nhị quả), gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm (Tam quả), gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này liền sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên tu tập thì sẽ đoạn tận khổ đế - tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là vô hành Bát-niết-bàn (A-la-hán).

Chánh văn

"Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ'. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy luôn cả thôn ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, cho đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá

Niết-bàn[1]. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy."

Lược giải

Chúng ta vốn sẵn có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Trong đó, tâm hữu lậu là sự tập khởi của năm thủ uẩn (tạp niệm) nên mới sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Còn tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Vì tâm này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm thiện ác, tôi ta. Do đó, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được tâm vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả), gọi là Thất lai. Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh (tập đế) đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế) nên thành tựu bậc thánh Tư-đà-hàm

[1] Thượng lưu A-già-đà Niết-bàn 上流阿迦吒涅槃 hay thượng lưu sắc cứu cánh Niết-bàn 上流色究竟涅槃 lần lượt tái sanh (trôi lên) từ các cõi Sơ thiền, cho đến cao nhất của Tứ thiền, rồi nhập Niết-bàn trong trạng thái đó. Câu-xá 24 (Đại 29, tr.124c), Tập dị 14 (Đại 26, tr.416b). Pāli: uddhaṃsoto akaniṭṭhagāmin.

(Nhị quả), gọi là Nhất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm (Tam quả), gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này liền lần lượt sinh lên cõi Sơ thiền, rồi từ cõi Sơ thiền sinh lên cõi Nhị thiền, rồi từ cõi Nhị thiền sinh lên cõi Tam thiền, rồi từ cõi Tam thiền sinh lên cõi Sắc cứu cánh thiên thuộc Tứ thiền tu tập, ở nơi ấy sẽ đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu Niết-bàn, gọi là Thượng lưu sắc cứu cánh Niết-bàn (A-la-hán).

Chánh văn

"Vô dư Niết-bàn là gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: 'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì được đoạn trừ'. Sau khi đoạn, vị ấy đạt được xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, vị ấy sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, và đã

được chứng ngộ. Ta nói rằng Tỳ-kheo kia không đi đến phía Đông, không đi đến phía Tây, Nam, Bắc, bốn duy hay thượng, hạ, mà ngay trong đời hiện tại này chứng được đạo lộ tịch tĩnh, diệt tận[1]*.*"

Lược giải

Bậc thánh A-na-hàm (Tam quả) tiếp tục an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn tận khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

[1] Hán: tức tích diệt độ 息 跡 滅 度.

4

TRÍCH KINH THẾ GIAN PHƯỚC[1], SỐ 7

Chánh văn

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú Câu-xá-di[2], ở tại vườn Cù-sa-la[3].

Bấy giờ vào lúc xế chiều, Tôn giả Ma-ha Châu-na[4], rời khỏi nơi tĩnh tọa[5] đứng dậy, đi đến chỗ Phật; đến rồi đảnh lễ, lui ngồi một bên, bạch rằng:

---

[1] Không thấy tương đương với Pāli. Biệt dịch, No.125(40.7) Tăng Nhất 34, "Thất Nhật Phẩm, kinh số 7" (Đại 2, tr.741).

[2] Câu-xá-di 拘 舍 彌 hoặc phiên âm là Kiêu-thưởng-di 憍 賞 彌. Pāli: Kosambī.

[3] Cù-sa-la viên 瞿 沙 羅 園 khu vườn do Trưởng giả Cù-sa-la cúng dường Phật. Pāli: Ghositārāma.

[4] Hán: bô thời 晡 時 theo cách tính giờ cổ của Trung quốc, vào khoảng giờ thân.

[5] Ma-ha Châu-na 摩 訶 周 那 tên Tỳ-kheo. Pāli: Mahācunda.

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể thi thiết[1] thế gian phước được chăng?" Thế Tôn nói:

*"Có thể, này Châu-na! **[428a]** Có bảy loại phước thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?" "Này Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử[2] có tín tâm cúng thí phòng xá, nhà gác cho đại chúng Tỳ-kheo. Đó là loại phước thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.*

"Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí giường nằm, đồ ngồi, đệm lông, thảm dệt, chăn len, ngọa cụ trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ hai, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

---

[1] Hán: yến tọa 宴 坐 ngồi nghỉ ngơi một mình và tập thiền; thiền tọa độc cư. Pāli: paṭisallāna.

[2] Hán: tộc tánh nam, tộc tánh nữ 族 姓 男 族 姓 女 thường nói là thiện gia nam tử/ nữ nhân, hoặc thiện nam tử, thiện nữ nhân 善 男 子 善 女 人 những người sinh vào một trong bốn giai cấp. Pāli: kulaputta, kuladuhitā.

"Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí y phục mới mẻ, sạch sẽ, đẹp đẽ. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ ba, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Lại nữa, Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, ở trong các phòng xá, thường xuyên cúng thí chúng tăng cháo buổi sáng, thức ăn buổi trưa, lại cung cấp người làm vườn[1] để sai bảo; hoặc gió, mưa, tuyết, lạnh, tự mình thân đến khu vườn mà cúng thí chu cấp thêm. Các Tỳ-kheo sau khi ăn, không lo gió, mưa, tuyết lạnh khiến y phục bị ướt át, mà ngày đêm yên vui, tư duy thiền tọa vắng lặng[2]. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

"Châu-na, có thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm, nếu đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi, hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng,

---

[1] Hán: viên dân 園 民.

[2] Đoạn này kể chung có bốn thứ: hai bữa ăn, người làm vườn, và chu cấp khi mưa gió.

hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy thường xuyên phát sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

"Châu-na, ví như nước sông Hằng-già[1] từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, thiện gia nam tử hay thiện gia nữ tử có tín tâm ấy, đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy càng sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng."

Lược giải

Những người xuất gia và những cư sĩ tại gia muốn thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật thì cần phải tu tập trí và phước. Trí chính là chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Chánh kiến tu tuệ gồm chánh kiến tu tuệ hữu lậu và chánh kiến tu tuệ vô lậu. Trong đó, chánh kiến tu tuệ hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Còn chánh

[1] Hằng-già 恒 伽 thường nói là sông Hằng. Pāli: Gaṃgā.āāa

kiến tu tuệ vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Phước gồm tài thí và pháp thí. Tài thí gồm nội tài và ngoại tài.

5

TRÍCH KINH LẬU TẬN[1], SỐ 10

Chánh văn

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Do tri, do kiến mà các lậu[2] bị tận diệt chớ không phải do không tri, không kiến.

"Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu bị tận diệt? Đó là do có chánh tư duy và không chánh tư duy[3]. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh

---

[1] Tương đương Pāli: M.2. Sabbāsava-sutta (kinh Nhất thiết lậu). Biệt dịch: No.31. Phật Thuyết Nhất Thiết Lưu Nhiếp Thủ Nhân Kinh, Hậu Hán, An Thế Cao dịch, Đại 1 tr.813; No.125(40.6) Tăng Nhất "Thất Nhật Phẩm, kinh số 6".

[2] Dĩ tri, dĩ kiến cố 以知以見故. Pāli: jānato... passato āsavānaṃ khayaṃ vadāmi, "Ta nói sự diệt tận của các lậu là do biết, do thấy".

[3] Chánh tư duy bất chánh tư duy 正思惟不正思惟. No.31. Bổn quán, phi bổn quán 本觀非本觀, suy niệm đúng đắn và suy niệm không đúng đắn. Pāli: yoniso ca manasikāraṃ ayoniso ca manasikāraṃ, có như lý tác ý và không như lý tác ý (tư niệm có phương pháp và không có phương pháp).

sẽ sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh; đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ không sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Hữu lậu và vô minh lậu chưa sanh sẽ không sanh; đã sanh liền tiêu diệt."

Lược giải

Do chúng ta tư duy về Tứ thánh đế nên chánh kiến và chánh tư duy được sinh khởi và tăng trưởng ở nơi tâm. Vì chánh kiến và chánh tư duy được sinh khởi và tăng trưởng nên tà kiến và tà tư duy được điều phục và đoạn trừ. Vì vậy, chúng ta cần phải tư duy về Tứ thánh đế thật nhiều trong đời sống của chính mình.

Chánh văn

"Các lậu được đoạn trừ do ly[1] *là gì? Tỳ-kheo khi thấy voi dữ thì nên xa lánh; thấy ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, nhà tiểu, hầm hố,*

[1] Hán: lậu tùng ly đoạn 漏從離斷. Pāli: āsavā parivajjanā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do bởi sự tránh xa.

sông ngòi, suối sâu, vách núi, ác tri thức, ác bằng hữu, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo khi ở chung một chỗ với các đồng phạm hạnh khiến cho người không nghi ngờ mà sanh nghi ngờ, là những trường hợp phải nên xa lánh[1]*. Hãy nên xa lánh tất cả ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo khi ở chung một chỗ với các đồng phạm hạnh khiến cho người không nghi ngờ mà sanh nghi ngờ. Nếu không xa lánh thì khởi sanh bứt rứt, ưu buồn. Nếu xa lánh thì không phát sanh bứt rứt, ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do ly."*

Lược giải

Chúng ta tu học thì cần phải chọn cho mình một trú xứ lành mạnh và gần gũi những người hiền thiện thì chánh kiến mới sinh khởi và phát triển. Do chánh kiến được sinh khởi, phát triển nên chúng ta mới có được an vui và hạnh phúc

[1] Nghĩa là, tránh xa những Tỳ-kheo nào giao du bạn xấu, v.v..., khiến các bạn đồng tu phải nghi ngờ.

trong đời sống hiện tại của chính mình. Đó là tâm hữu lậu bất thiện được đoạn trừ do ly.

Chánh văn

*"Các lậu được đoạn trừ do dụng[1] là gì? Tỳ-kheo khi thọ dụng y phục, chẳng phải để cầu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để trang sức, chẳng phải để mập béo mà vì để làm thân thể ở đời lâu dài, trừ bứt rứt, ưu buồn, vì để thực hành phạm hạnh, vì muốn để bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới, và vì để sống lâu, an ổn, không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì để lúc mệt mỏi có nơi nghỉ ngơi, [**432c**] để được tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, không phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo, mà chỉ để trừ bệnh hoạn, để điều hòa mạng căn, để an ổn*

[1] Hán: lậu tùng dụng đoạn 漏從用斷. Pāli: āsavā paṭisevanā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do thọ dụng.

không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sanh phiền não, sầu lo, còn thọ dụng thì không sanh phiền não sầu lo. Đó là lậu được đoạn trừ do dụng."

Lược giải

Chúng ta phải an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy để thọ dụng y phục, đồ ăn uống, nhà cửa, phòng xá, giường nệm… nên mới điều phục được tâm hữu lậu bất thiện. Đó là tâm hữu lậu bất thiện được đoạn trừ do dụng.

Chánh văn

"Các lậu được đoạn trừ do nhẫn[1] là gì? Tỳ-kheo tinh tấn đoạn trừ pháp ác, bất thiện, tu tập thiện pháp, nên luôn luôn có ý tưởng trỗi dậy[2], chuyên tâm tinh tấn; thà để cho thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy khô kiệt tất cả chớ không bỏ tinh tấn. Phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn.

---

[1] Hán: lậu tùng nhẫn đoạn 漏 從 忍 斷. Pāli: āsavā adhivāsanā pahātabbā, các lậu được đoạn trừ do sức chịu đựng.

[2] Hán: thường hữu khởi tưởng 常 有 起 想, luôn luôn có ý tưởng tỉnh thức, không ham ngủ nghỉ.

Tỳ-kheo lại phải chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy, dù gió hay nắng bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập, cũng đều có thể nhẫn chịu được. Dù thân mạng bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng, và những điều không thể ưa vui được, tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sanh bứt rứt, ưu buồn, còn nhẫn chịu được thì không sanh phiền não ưu buồn. Đó là lậu được đoạn trừ do nhẫn."

Lược giải

Trong đời sống tu tập, chúng ta cần phải an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy để nỗ lực tu tập đoạn trừ các bất thiện pháp (tà kiến, tà tư duy) và phát triển các thiện pháp (đạo thánh đế). Nhờ vậy, chúng ta mới có năng lực chịu đựng được những sự việc không đúng đắn xảy đến và thời tiết không ôn hòa như quá lạnh hay quá nóng,... Do chịu đựng được những sự việc như vậy nên tâm hữu lậu bất thiện không sinh khởi. Đó là tâm hữu lậu được đoạn trừ do nhẫn.

6

TRÍCH KINH HÒA-PHÁ[1], SỐ 12

Chánh văn

Đức Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay, Hòa-phá! Thế nào, này Hòa-phá, Tỳ-kheo nào mà vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi; vị ấy, vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi, khi cảm giác về thân tối hậu[2] sanh khởi thì biết là cảm giác về thân tối hậu sanh khởi; khi cảm giác về mạng tối hậu[3] sanh khởi thì biết là cảm giác về mạng tối hậu sanh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi

[1] Tương đương Pāli: A.IV. 195 Vappa-sutta.

[2] Hán: hậu thân giác 後 身 覺. Pāli: kāyapariyantikaṃ vedanaṃ vediyamāno, khi có cảm giác về cảm thọ của thân tối hậu.

[3] Hán: hậu mạng giác 後 命 覺. Pāli: jīvapariyantikaṃ vedanaṃ, cảm thọ của sinh mạng tối hậu.

cảm giác đã ngưng bặt, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn[1].

"Này Hòa-phá, cũng như nhân cây mà có bóng. Giả sử có người mang búa thật bén đến chặt đứt rễ cây, chặt nát ra thành nhiều khúc, phá làm mười phần, hoặc trăm phần, đốt cháy thành tro, rồi hoặc để gió thổi bay đi, hoặc mang bỏ vào trong nước. Ý Hòa-phá nghĩ sao? Bóng nhân cây mà có; bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó, nên tuyệt diệt không còn sanh nữa chăng?"

Hòa-phá trả lời rằng:

"Đúng như thế, thưa Cù-đàm."

"Này Hòa-phá, nên biết vị Tỳ-kheo kia lại cũng như vậy. Vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị kia, vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi, khi cảm giác về thân tối hậu sanh khởi thì vị ấy biết là cảm giác về thân tối hậu sanh khởi; khi cảm giác về mạng tối hậu sanh khởi thì vị ấy biết là cảm giác về mạng tối hậu sanh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi

[1] Hán: cứu cánh lãnh 究竟冷. Pāli: sīti, lạnh lùng.

cảm giác đã ngưng bặt, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn."

Lược giải

Bậc thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi, gọi là Thất lai. Bậc thánh Tư-đà-hàm làm giảm hay mỏng tham, sân, si câu sinh đối với năm thủ uẩn, gọi là Nhất lai. Bậc thánh A-na-hàm đoạn trừ năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới), gọi là Bất lai. Bởi vì ba bậc thánh này đều thuộc hàng hữu học nên chưa đoạn trừ hoàn toàn vô minh. Chỉ có những bậc thánh A-la-hán mới đoạn trừ hoàn toàn vô minh nên thành tựu được minh, tức Niết-bàn.

7

TRÍCH KINH GIÀ-DI-NI[1], SỐ 17

Chánh văn

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại Na-lan-đà[2], ở xóm Tường, rừng Nại[2].

Bấy giờ A-tư-la thiên có người con là Già-di-ni[3], sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nơi Đức Phật, cúi lạy dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Già-di-ni, con trời A-tư-la bạch Phật rằng:

---

[1] Tương đương Pāli: S.2.4.6. Pacchabhūmana-sutta (người phương Tây) hay Mataka-sutta (người đã chết). Chi tiết này không phù hợp với Pāli.

[2] Bản Cao-li: Na-nan-đà viên 那 難 陀 園; Tống-Nguyên-Minh: Na-nan-đà quốc 那 難 陀 國; Pāli: Nālandā, một thị trấn gần Rāhagaha.

[3] Tường thôn Nại lâm 牆 村 柰 林. Pāli: Pāvarika-ambavana, là một vườn xoài của Pavārika, một phú hào người Kosambi. Trong vườn xoài tại thị trấn Nālanda, ông dựng một tịnh xá cúng dường Phật.

*"Bạch Thế Tôn, các người Bà-la-môn tự cao[1], thờ chừng ấy trời[2]. Họ cho rằng, nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho [**440a**] tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời[3]. Thế Tôn là Pháp chủ, mong Thế Tôn làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời."*

Thế Tôn bảo rằng:

"Này Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thảy đều chắp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: 'Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp,

---

[1] Hán: A-tư-la thiên – Già-di-ni 阿私羅天 - 伽彌尼. Pāli: Asibandakaputta-Gāmaṇi, thôn trưởng Asibandakaputta. Bản Hán hiểu gāmaṇi (thôn trưởng) là từ riêng.

[2] Hán: sự nhược can thiên 事若干天.

[3] Bản Pāli nói, theo tập quán các Bà-la-môn phương Đông (Pacchābhūmaka), nếu có những người chết họ chỉ cần gọi tên là những người này được sanh lên cõi trời.

thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói dối, cho đến tà kiến. Mong các người nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung tất đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời.' Như vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác kia, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có thể nào vì được số đông người đều đến chắp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không?"

Già-di-ni thưa rằng:

"Không thể được, bạch Thế Tôn." Phật khen rằng:

"Lành thay, Già-di-ni, vì sao thế? Những người nam hay nữ kia, biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Nếu được số đông người đến chắp tay hướng về chúng, mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy khi thân hoại mạng chung

lại được đi đến thiện xứ sanh lên cõi trời. Việc đó không thể có.

"Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chắp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: 'Mong tảng đá nổi lên, mong tảng đá nổi lên.' Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chắp tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?"

Già-di-ni trả lời rằng:

"Không thể được, bạch Thế Tôn!"

"Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, nếu được số đông người đều đến chắp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung,

được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; điều đó không thể có được.

*"Vì sao thế? [**440b**] Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đi đến ác xứ."*

Lược giải

Đức Phật dạy những người nam hay người nữ sống với những tâm hành bất thiện như tham, sân, si nên dẫn sinh lời nói của miệng bất thiện là nói láo, nói lời thô ác, nói lời ly gián, nói lời thêu dệt; hành động của thân bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Vì vậy, sau khi những vị ấy xả bỏ báo thân thì cho dù có tập trung đông người cầu nguyện để họ được sinh lên cõi lành; kết quả đó không thể có được. Bởi vì mười loại nghiệp bất thiện ấy vốn thuộc pháp đen nên có quả báo đen, chắc chắn sẽ sinh đến cõi xấu. Do đó, chúng ta là những người tu học thì cần phải suy nghĩ thật chín chắn về ý nghĩa này.

Chánh văn

"Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Nếu như trong thôn ấp hoặc có người nam hay nữ, tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, xa lìa lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung nếu có số đông người đến đều chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: 'Này các người, nam hoặc nữ, các người đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến cũng đều xa lìa, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Các người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung, hãy đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.' Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Các người nam nữ kia, tinh tấn siêng tu lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Có thể nào vì bị số đông người đến chắp tay hướng về

người đó mà ca ngợi cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó, mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục không?"

Già-di-ni trả lời rằng:

"Không thể được, bạch Thế Tôn!" Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay, Già-di-ni! Vì sao vậy? Này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp thiện đạo là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến đều xa lìa, được chánh kiến. Nếu được số đông người đến chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Điều này không thể có. Vì sao vậy? Này Già-di-ni, bởi vì mười nghiệp đạo thiện là trắng, có quả báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến thiện xứ.

"Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hũ dầu ném vào nước; hũ bị vỡ, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, này Già-di-ni, những người

*nam hay nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chim quạ rỉa mổ, hoặc [**440c**] hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn. Tất cả trở thành cát bụi. Tâm ý thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, tinh tấn, đa văn, bố thí, trí tuệ. Người ấy, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà tự nhiên thăng lên cao, sanh đến thiện xứ.*

"Này Già-di-ni, người ấy đối với việc sát sanh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết. Đó là con đường vườn hoa[1], con đường thăng tấn, con đường thiện xứ."

---

[1] Hán: viên quán chi đạo 園觀之道, có lẽ uyyāna (Pāli, vườn hoa) do gốc động từ uyyāti: xuất phát. Sanskrti: udyāna: vườn hoa, cũng có nghĩa "tiến lên"

Lược giải

Với đời sống hiện tại này, nếu chúng ta thực tập năm pháp thiện (năm giới) thì sau khi xả bỏ báo thân sẽ đạt được quả báo sinh vào trong các cõi người. Chúng ta thực tập mười pháp thiện và cho đến bốn mươi pháp thiện thì đến giai đoạn lâm chung sẽ được quả báo sinh lên các cõi trời thuộc Dục giới. Nếu chúng ta tu tập đạt được định – tuệ thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền thì sau khi xả bỏ báo thân sẽ đạt được quả báo sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới. Nếu chúng ta tu tập đạt được định - tuệ thuộc Không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ thì đến giai đoạn lâm chung sẽ đạt được quả báo sinh lên các cõi trời thuộc Vô sắc giới. Còn nếu chúng ta kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu thì đây là nhân tu tập để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Cho nên, Đức Phật dạy rằng: *"Đó là con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ."*

8

TRÍCH KINH THÀNH TỰU GIỚI[1], SỐ 22

Chánh văn

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại mà ra vào định tưởng thọ diệt[2]; tất có trường hợp này. Nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được cứu cánh trí[3], khi thân hoại mạng chung, vượt qua khỏi trời Đoàn thực[4], sanh lên các cõi trời Ý sanh[5], tại các

---

[1] Tương đương Pāli: A. V.166 Nirodha.

[2] Tưởng tri diệt định 想知滅定. Pāli: saññāvedayitanirodha-samāpatti. Cũng nói là tưởng thọ diệt tận định, hay diệt tận định.

[3] Hán: đắc cứu cánh trí 得究竟智, chỉ chứng đắc A-la-hán quả. Pāli: aññā-ārādhānā.

[4] Đoàn thực thiên 摶食天. Pāli: Kabalīkārāhārabhakkha-devatā.

[5] Ý sanh thiên 意生天. Pāli: manomaya-kāya-devatā.

cõi ấy mà ra vào định tưởng tri diệt; tất có trường hợp này."

Lược giải

Y cứ vào đoạn kinh văn trên, chúng ta nhận thấy rằng: có những bậc thánh A-na-hàm cũng đạt được định tưởng thọ diệt. Sau khi bậc thánh xả báo thân thì Ngài sẽ sinh lên Ngũ Tịnh Cư Thiên thuộc Sắc giới để tiếp tục tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo *Luận Thành Duy Thức*, những bậc thánh A-na-hàm đạt được Diệt tận định, gọi là bậc thân chứng.

9

TRÍCH KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN[1], SỐ 27

Chánh văn

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

*"Này Đà-nhiên, nay tôi hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Bà-la-môn Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì cha mẹ mà [**457a**] tạo các việc ác. Vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung nó đi thẳng vào cõi ác, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy nói với ngục tốt thế này: 'Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao? Tôi đã vì cha mẹ mà tạo các nghiệp ác'. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể thoát khỏi sự khổ sở ấy bởi ngục tốt không?"*

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng:

[1] Tương đương Pāli: M.97. Dhānañjāni-suttam.

"Không thể." Lại hỏi:

"Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì vợ con mà tạo các việc ác. Vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, nó đi thẳng vào cõi dữ, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi bị ngục tốt bắt trói, hành hạ rất khổ sở, người ấy nói với ngục tốt như thế này: 'Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao? Tôi đã vì vợ con mà tạo các nghiệp ác'. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào thoát khỏi sự khổ sở ấy với ngục tốt không?"

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng: "Không thể."

Lại hỏi:

"Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào? Nếu có người vì nô tỳ mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung, nó đi thẳng vào cõi ác, sanh vào địa ngục. Sanh vào địa ngục rồi, khi bị ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy nói với ngục tốt như thế này: 'Ngục tốt, hãy biết cho, chớ hành hạ tôi. Vì sao? Tôi đã vì nô tỳ mà tạo các nghiệp ác'. Thế nào, Đà-nhiên, người ấy có thể nào thoát khỏi sự khổ sở ấy với ngục tốt không?"

Bà-la-môn Đà-nhiên trả lời rằng:

"Không thể."

Lược giải

Chúng ta tu học thì cần phải tu tập đạo thánh đế nhằm để thành tựu tất cả các thiện pháp. Vì nhân thiện nên chúng ta mới thọ quả lành trong đời sống hiện tại cũng như những đời sống thuộc về tương lai.

Chánh văn

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo rằng:

"Này Đà-nhiên, bây giờ tôi hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà ông trả lời. Này Bà-la-môn Đà-nhiên, địa ngục và súc sanh, nơi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Súc sanh tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, súc sanh và ngạ quỉ, loài nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Ngạ quỉ tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, ngạ quỉ và loài người, loài nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Loài người tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, người và Tứ Vương thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Tứ thiên vương tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

Này Đà-nhiên, Tứ Vương thiên và Tam Thập Tam thiên, cõi nào tốt đẹp? Đà-nhiên trả lời rằng:

"Tam Thập Tam thiên tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

"Tam Thập Tam thiên với Diệm-ma thiên cõi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Diệm-ma thiên tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, Diệm-ma thiên với Đâu-suất-đà thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Đâu-suất-đà thiên tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, Đâu-suất-đà thiên với Hóa Lạc thiên cõi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn." Lại hỏi rằng:

"Này Đà-nhiên, Hóa Lạc thiên với Tha Hóa lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Tha Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn."

"Này Đà-nhiên, Tha Hóa lạc thiên với Phạm thiên cõi nào tốt đẹp hơn?"

Đà-nhiên trả lời rằng:

"Phạm thiên là tốt đẹp hơn cả. Phạm thiên là tối Thắng Lâm."

…

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo rằng:

"Này Xá-lợi-phất, vì sao ông không giáo hóa Bà-la-môn Đà-nhiên bằng một pháp cao hơn Phạm thiên? Nếu ông giáo hóa cao hơn thì người kia sẽ nhanh chóng biết pháp tùy pháp."

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn từ lâu đời ái trước Phạm thiên, ưa thích Phạm thiên, cho Phạm thiên là rốt ráo, Phạm thiên là tôn quý, thật có Phạm thiên là Phạm thiên của ta. Do đó, bạch Thế Tôn, nên con đã giáo hóa như vậy."

Lược giải

Nếu y cứ vào lời dạy của Ngài Xá-lợi-phất qua đoạn kinh văn trên, chúng ta sẽ nhận thấy rằng trí và phước của loài người chỉ hơn trí và phước của các chúng sinh như địa ngục, súc sinh và ngạ quỷ. Vì thế, ngày nay, chúng ta cần phải nỗ lực tu học để đạt được những quả báo tốt đẹp cao hơn quả báo được làm thân người. Ví như quả báo được làm chư thiên trong Dục giới hay Sắc giới. Không chỉ vậy, chúng ta phải tu học để đạt được các thánh quả thì đây mới là ước nguyện đúng

đắn nhất. Hơn nữa, một điều đặc biệt trong đoạn kinh văn trên đó là tùy theo niềm tin, sự hiểu biết và thực tập của mỗi người để chúng ta chia sẻ Phật pháp cũng như hướng dẫn cho họ trong giai đoạn lâm chung.

10

TRÍCH KINH TƯỢNG TÍCH DỤ[1], SỐ 30

Chánh văn

"Này chư Hiền, Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi'. Vì sao thế? Này chư Hiền, Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy. Vị ấy nhàm tởm năm thủ uẩn này, thuộc trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai này, do nhàm tởm nên vô dục, vô dục liền giải thoát, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.'"

[1] Thí dụ về dấu chân voi. Tương đương Pāli: M. 28 Mahāhatthipadopama-suttaṃ.

Lược giải

Hiểu được pháp duyên khởi và thấy được như thật pháp duyên khởi là hai ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Vì sao? Bởi vì chúng ta học tập Phật pháp nên nhận thức được rằng sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã. Đây là nhận thức được pháp duyên khởi chứ không phải thấy được như thật pháp duyên khởi của năm thủ uẩn. Bởi vì thấy được như thật pháp duyên khởi là do kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn. Nhờ đó, hành giả an trú trong chánh kiến này mới nhận biết được như thật năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) là pháp duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Đây chính là thấy được như thật pháp duyên khởi của năm thủ uẩn tức khổ đế - tập đế. Với ý nghĩa đó, các bậc Luận sư trong *Luận Thành Duy Thức* dạy rằng: sau khi kiến đạo tức lãnh hội được trí vô phân biệt thì mới nhận biết được như thật tính y tha khởi (năm thủ uẩn) như huyễn, vô thường và vô ngã. Từ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trú trong chánh kiến vô lậu tu tập để

hướng đến Tư-đà-hàm và đạt được quả Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hàm và đạt được quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán và đạt được quả A-la-hán. Bởi vì thành tựu quả vị A-la-hán nên các ngài sẽ tuyên bố rằng: *"Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa."*

11

TRÍCH KINH CUNG KÍNH, SỐ 50

Chánh văn

"Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các đồng phạm hạnh nên pháp oai nghi đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Pháp oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên thủ hộ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, an chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra."

Lược giải

Những cư sĩ tại gia nào không thực hành hạnh cung kính, kính trọng đối với Sư trưởng, các bậc

phạm hạnh, các bậc thiện tri thức thuộc xuất gia và cư sĩ tại gia thì chắc chắn pháp oai nghi không được đầy đủ. Vì không thành tựu được pháp oai nghi đầy đủ nên những vị ấy sẽ không thưa hỏi để học tập Phật pháp nơi Sư trưởng, các bậc phạm hạnh, các bậc thiện tri thức thuộc xuất gia và cư sĩ tại gia. Bởi vì không học hỏi Phật pháp đúng đắn nên những vị cư sĩ tại gia ấy sẽ không có được chánh kiến. Do không có chánh kiến nên những vị cư sĩ tại gia ấy sẽ không tu tập để được yểm ly, vô dục và giải thoát. Còn những cư sĩ tại gia nào thực hành hạnh cung kính, kính trọng đối với Sư trưởng, các bậc phạm hạnh, các bậc thiện tri thức thuộc xuất gia và cư sĩ tại gia thì chắc chắn pháp oai nghi sẽ được đầy đủ. Vì thành tựu được pháp oai nghi đầy đủ nên những vị cư sĩ tại gia ấy sẽ thưa hỏi để học tập Phật pháp nơi Sư trưởng, các bậc phạm hạnh và các bậc thiện tri thức thuộc xuất gia và cư sĩ tại gia. Do học hỏi Phật pháp đúng đắn nên những vị cư sĩ tại gia ấy sẽ có được chánh kiến. Do có chánh kiến nên những vị cư sĩ tại gia ấy sẽ tu tập để được yểm ly, vô dục và giải thoát. Bởi vì yểm ly, vô dục và giải thoát nên những vị ấy

sẽ thành tựu được quả báo tốt đẹp của nhân thiên và tứ thánh quả.

Cũng vậy, những người xuất gia nào không thực hành hạnh cung kính, kính trọng đối với Sư trưởng, các bậc phạm hạnh, các bậc thiện tri thức thì chắc chắn pháp oai nghi sẽ không được đầy đủ. Vì không thành tựu được pháp oai nghi đầy đủ nên những vị ấy sẽ không thưa hỏi để học tập Phật pháp nơi Sư trưởng, các bậc phạm hạnh, các bậc thiện tri thức. Bởi vì không học hỏi Phật pháp đúng đắn nên những vị ấy sẽ không có được chánh kiến. Do không có chánh kiến nên những vị ấy sẽ không tu tập để được yểm ly, vô dục và giải thoát. Còn những người xuất gia nào thực hành hạnh cung kính, kính trọng đối với Sư trưởng, các bậc phạm hạnh, các bậc thiện tri thức thì pháp oai nghi đầy đủ chắc chắn sẽ xảy ra. Vì thành tựu được pháp oai nghi đầy đủ nên những vị ấy sẽ thưa hỏi để học tập Phật pháp nơi Sư trưởng, các bậc phạm hạnh, các bậc thiện tri thức. Do học hỏi Phật pháp đúng đắn nên những vị ấy sẽ có được chánh kiến. Do có chánh kiến nên những vị ấy sẽ tu tập để

được yểm ly, vô dục và giải thoát. Bởi vì yểm ly, vô dục và giải thoát nên những vị ấy sẽ thành tựu được quả báo tốt đẹp của nhân thiên và tứ thánh quả.

12

KINH TẦN-TÌ-SA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT[1], SỐ 62

Chánh văn

Bấy giờ, những người xứ Ma-kiệt-đà nghĩ rằng: "Nếu như sắc là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, thì ai làm, ai thọ nhận khổ, lạc?"

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của những người xứ Ma-kiệt-đà, liền bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Hàng phàm phu ngu si không học, thấy ngã là ngã mà đắm trước nơi ngã, nhưng thực ra không

[1] Bản kinh tường thuật lần đầu tiên vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra) gặp Phật và trở thành đệ tử của Phật. Tương đương Pāli: Luật tạng, Mv. I. 22. Hán biệt dịch: No.41 Phật Thuyết Tần-bà-sa-la Vương Kinh, Tống Pháp Hiền dịch; No.99 (1074) Tạp 38, kinh 1074; No.100(13) Biệt Dịch Tạp A-hàm, kinh số 13. Tham chiếu, No.200 Soạn Tập Bách Duyên Kinh quyển 2; No.1421 Ngũ Phần Luật quyển 16; No.1428 Tứ Phần Luật quyển 33; No.1435 Thập Tụng Luật quyển 24.

có ngã, không có ngã sở. Ngã vốn không, ngã sở vốn không; pháp khi sanh thì sanh, pháp khi diệt thì diệt; thảy đều do nhân duyên hội tụ mà sanh khổ. Nếu không có nhân duyên thì các khổ liền diệt. Chúng sanh do duyên tụ hội liên tục mà sanh các pháp. Như Lai sau khi thấy chúng sanh liên tục sanh ra nên nói 'có sanh có tử'. Ta bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy như thật về chúng sanh này, lúc tử lúc sanh, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ, hoặc bất thiện xứ, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, và thấy đúng như thật.

Lược giải

Chúng ta biết rằng theo quan điểm của các ngoại đạo cho rằng có một thực ngã đồng nhất với năm thủ uẩn, hoặc ngã dị biệt với năm thủ uẩn, hoặc ngã ở trong năm thủ uẩn, hoặc năm thủ uẩn ở trong ngã. Có chủ trương cho rằng ngã là một chủ tể thường hằng, châu biến, lượng đồng như hư không, tùy theo môi trường mà nó tạo nghiệp, hay thọ nhận khổ, lạc. Hoặc chủ trương tự thể của ngã là thường hằng nhưng lượng của nó thì bất định;

bởi vì nó trải rộng hay thu nhỏ tùy theo lượng của thân. Hoặc có chủ trương cho rằng tự thể của ngã là thường hằng, và cực kỳ vi tế như một cực vi, tiềm tàng chuyển vận trong thân để tạo tác sự nghiệp (Trích *Luận Thành Duy Thức*, trang *71*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú). Quan điểm về một thực ngã như vậy chỉ là khái niệm của thức nên hoàn toàn không tồn tại. Vì sao? Bởi năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên vô thường và vô ngã.

Bởi vì chúng ta sống với vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo tác các nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp, để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Vì vậy, sự hội tụ hay biến hoại năm thủ uẩn của mỗi chúng ta đều do pháp duyên sinh nên vô thường, khổ và phi ngã.

13

TRÍCH KINH THUYẾT BỔN[1], SỐ 66

Chánh văn

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ tám vạn tuổi sẽ có Đức Phật hiệu là Di-lặc[2], Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; cũng như hôm nay Ta đã thành vị Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

---

[1] Biệt dịch, No.44 Phật Thuyết Cổ Lai Trì Thế Kinh, khuyết danh dịch. Pāli, tham chiếu Thag.910-919.

[2] Di-lặc 彌勒. Pāli: Mettayya.

"Đức Phật ấy ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ. Cũng như hôm nay Ta ở trong đời này gồm Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người cho đến trời, mà tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trụ.

"Đức Phật ấy sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh. Cũng như Ta hôm nay, thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

"Đức Phật ấy sẽ quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ người cho đến trời, khéo phát khởi, hiển hiện.

"Đức Phật ấy sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo, cũng như Ta hôm nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo[1]*."*

Theo *Tăng Nhất A-Hàm, kinh số 3, phẩm 48* Đức Phật dạy về thời mà Đức Phật Di Lặc xuất hiện:

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, cùng với chúng đại Tỳ kheo 500 vị.

Bấy giờ A-nan bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Thế Tôn rằng:

"Như Lai soi tỏ huyền vi, không sự gì mà không xét. Ngài hiểu rõ hết thảy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngài biết rõ tên họ, danh hiệu chư Phật quá khứ, đệ tử Bồ tát theo hầu nhiều ít. Một kiếp, một trăm kiếp, cho đến vô số kiếp, Ngài tất quán sát biết rõ. Ngài cũng phân biệt biết rõ tên họ của quốc vương, đại thần, nhân dân; cũng như biết rõ bao nhiêu quốc giới khác nhau hiện tại. Chúng con

---

[1] Pāli: so anekasahassam… (seyyathā pi'ham) anekasatam… vị ấy có vài nghìn… (cũng như Ta) có vài trăm…

muốn biết sự kiện trong tương lai lâu xa, đức Di-lặc ra đời, là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác; đệ tử theo hầu, cùng cảnh Phật, phong tục an lạc như thế nào, trải qua bao lâu."

Phật bảo A-nan:

"Ông hãy trở về chỗ ngồi, lắng nghe Ta nói về xự xuất hiện của Di-lặc, cùng quốc độ phong túc an lạc và đệ tử nhiều ít. Hãy khéo suy nghĩ, khéo ghi nhớ trong lòng."

A-nan vâng lời Phật dạy, trở về chỗ ngồi. Phật nói:

"Trong tương lai lâu xa, ở tại quốc giới này, có thành quách gọi là Kê-đầu[1]*; đông sang tây mười hai do-tuần; nam đến bắc bảy do tuần. Đất đai màu mỡ, nhân dân đông đúc, đường xá thành hàng. Bấy giờ trong thành có Long vương tên Thủy Quang, ban đêm làm mưa thơm thấm nhuần, ban ngày trong lành mát mẻ.*

[1] Kê-đầu thành. Pāli: Ketumatī, cf. D. 26. Cakkavatti (R. iii. 75). Tham chiếu Hán, *Trường* kinh 6 (tr. 41c22).

"Bấy giờ, trong thành Kê-đầu có một con quỷ La-sát tên là Diệp Hoa.[1] Việc làm của nó đều tùy thuận pháp, không trái nghịch chánh giáo. Nó rình lúc mọi người đã ngủ, mới dọn dẹp các thứ bất tịnh dơ bẩn, rồi lại nước thơm rưới lên đất, khiến cho cực kỳ sạch thơm.

"A-nan, nên biết, lúc bấy giờ Diêm-phù-địa từ đông sang tây, từ nam lên bắc, mười vạn do tuần. Các núi, sông, vách đá đều tự tiêu diệt. Nước bốn biển dồn về một phương. Mặt đất Diêm-phù-địa trở nên bằng phẳng như mặt gương trong sáng.

"Trong toàn cõi Diêm-phù-địa, thóc gạo dồi dào, nhân dân đông đúc, có nhiều thứ trân bảo. Thôn xóm liên tiếp nhau chỉ cách khoảng tiếng gà gáy nghe được. Khi ấy các thứ hoa trái xấu dở khô chết hết, những thứ dơ bẩn cũng biến mất. Chỉ còn các loại cây trái ngon ngọt, hương thơm ngào ngạt, sanh trưởng trên đất đó.

---

[1] Diệp Hoa 葉華, có lẽ dịch nghĩa từ Skt. *elāpattra* (Pāli: *erakapatta*), cùng tên với một Long vương mà đến thời Phật Di-lặc được thoát thân rồng.

*"Khí hậu thời bấy giờ ôn hòa, bốn mùa thuận hợp. Trong thân người không có trăm lẻ tám thứ bệnh hoạn. Tham dục, sân hận, ngu si không lớn, không mãnh liệt. Tâm người bình quân, thảy đều đồng một ý. Gặp nhau thảy đều hoan hỷ, nói lời đẹp lòng với nhau. Ngôn ngữ chỉ một thứ, không có khác biệt. [**788a**] Như người Uất-đan-việt kia không khác. Vì người Diêm-phù-địa khi ấy đều đồng một thứ tiếng, không có nhiều thứ khác nhau.*

"Các hạng nam nữ bấy giờ mỗi khi có ý muốn đại, tiểu tiện, đất tự nhiên mở ra; việc xong nó tự khép lại.

"Diêm-phù-địa thời ấy có giống lúa mọc tự nhiên, không có vỏ trấu, mùi vị cực kỳ thơm ngon, ăn vào trừ các thứ bệnh khổ. Các loại vàng, bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, chân châu, rơi vãi trên đất, không ai nghĩ đến thâu lượm. Khi người dân ở đó cầm lên một thứ, họ nói với nhau: 'Người xưa do các loại châu báu này mà tàn hại lẫn nhau, giam cầm đày đọa nhau, gây thêm vô số khổ não. Ngày nay các thứ này cùng một loại với sỏi đá, không ai cất giữ.'

"Trong thời đó có vị Pháp vương xuất hiện, tên là Tương- khư[1], cai trị bằng chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, điển binh và điển tàng. Vua thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-địa, không dùng đến dao gậy mà tự nhiên đều thần phục.

"A-nan, như hiện nay có bốn kho báu[2]. Ở nước Càn-đà-việt[3] có kho báu Y-la-bát[4]. Thứ hai, tại nước Di-thê-la[5] có kho báu Ban-trù[6]. Thứ ba, tại nước Tu-lại-tra[7] có kho báu, cũng chứa nhiều

---

[1] Tương-khư 蠰佉. Trường. ibid. (tr. 42a09) Tương-già 儴伽. Pāli, ibid. (tr.75), Saṅkha.

[2] Bốn bảo tàng **寶藏**, hầm mỏ quý. Xem đoạn sau, kinh7, phẩm 51.

[3] Càn-đà-việt 乾陀越, một phiên âm khác cho Kiện-đà-la (Skt.: Gandhavati = Gandhāra). Đoạn sau, kinh 7 phẩm 51 âm là Càn-đà-vệ 乾陀衛. Tại đây,theo truyền thuyết Pali (Luật Thiện kiến), Tôn giả Mạt-điền-địa (Majjhantika) đã chinh phục Long vương Aravāḷa, quy y dân xứ này. Về sau trở thành một trong hai trung tâm lớn của Hữu bộ.

[4] Y-la-bát 伊羅鉢; Skt. *elāpatra*, nguyên tên của một Long vương, quản lý kho báu cùng tên. Xem kinh 7 phẩm 51 sau.

[5] Di-thê-la 彌梯羅. Đoạn sau, kinh 7 phẩm 51 âm là Mật-đế-la **蜜締羅**. Pali: Mithilā, kinh đô của vương quốc Videha, thời Phật.

[6] Ban-trù **般綢**, kinh 7 phẩm 51 chép **斑稠**. Nguyên tên một Long vương.Skt. Pāṇḍuka.

[7] Tu-lại-tra 須賴吒. Skt. Surasṭa.

trân bảo.[1] Thứ tư, tại Bà-la-nại, Tương khư có kho báu lớn, chứa nhiều trân bảo không kể xiết.[2] Bốn kho báu lớn này đúng lúc tự nhiên xuất hiện. Những người canh giữ kho báu[3] đến tâu vua: 'Tâu Đại vương, xin hãy dùng bảo vật trong các kho báu này mà ban phát cho những người nghèo khốn.' Đại vương Tương-khư sau khi nhận được các kho báu này cũng không cất làm của riêng, không có ý tưởng chiếm hữu tài vật.

"Thời bấy giờ trong nội cảnh Diêm-phù-địa có loại cây tự nhiên sanh ra y phục, thứ vải rất mịn và mềm mại; mọi người đến lấy mà dùng. Giống như hiện nay người Uất-đan-viết lấy y phục sanh ra tự nhiên ở trên cây không khác.

"Vua bấy giờ có vị Đại thần tên là Tu-phạm-ma[4], vốn là bạn thân của vua từ thời thơ ấu, mà vua rất yêu kính. Vả, ông này có nhan sắc đẹp đẽ,

---

[1] Kinh 7 phẩm 51: kho báu Tân-già-la 賓伽羅 ở nước Tu-lại-tra, do Longvương Tân-già-la quản lý. Skt. Piṅgala.

[2] Kinh 7 phẩm 51: Đại bảo tàng Tương-khư **壤佉** (Kst. Saṅkha) tại nước Bà-la-nại 婆羅奈 (Vāraṇasī).

[3] Kinh 7 phẩm 51: bốn Long vương hiến bốn đại bảo tàng.

[4] Tu-phạm-ma **修梵摩**. Pāli: Subrahmā.

không cao, không thấp, không gầy, không mập, không đen, không trắng, không già, không trẻ. Tu-phạm-ma có vợ tên là Tu-phạm-việt[1]*, đặc sắc bậc nhất trong các ngọc nữ, y như phi hậu của Thiên đế. Miệng bà thường có mùi thơm của hoa sen ưu-bát; thân thể luôn luôn có mùi thơm chiên-đàn; có toàn vẹn 84 tư thái của phụ nữ; không có bệnh hoạn, không hề loạn tưởng.*

*"Bấy giờ Bồ tát Di-lặc từ [**788b**] trên trời Đâu-suất quan sát cha mẹ, ai không già cũng không trẻ, bèn giáng thần xuống đó, rồi sẽ sanh ra từ hông phải, như Ta ngày nay không khác. Bồ tát Di-lặc cũng vậy. Tu-phạm-ma tức thì đặt tên cho con là Di-lặc mà thân hình được trang nghiêm bằng 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp; sắc da màu hoàng kim.*

"Con người thời ấy thọ mạng rất dài, không có các thứ tật bệnh. Thảy đều thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Phụ nữ đến 500 tuổi mới lấy chồng.

"Bồ tát Di-lặc sống tại gia không bao lâu, rồi xuất gia học đạo.

---

[1] Tu-phạm-việt 梵摩越. Pali: Subrahmī.

"Bấy giờ cách thành Kê-đầu không xa có một gốc đại thọ tên là Long hoa[1], cao một do-tuần, rộng năm trăm bộ. Bồ tát Di-lặc ngồi dưới gốc cây này mà thành đạo quả vô thượng. Vào nửa đêm Di-lặc xuất gia, ngay đêm đó thành đạo vô thượng. Khi ấy ba nghìn đại thiên sát-độ chấn động. Địa thần liên tiếp truyền nhau: 'Nay Di-lặc đã thành Phật.' Lần lượt truyền cho đến cung điện Tứ thiên vương cũng nghe: 'Di-lặc đã thành Phật đạo.' Rồi lần lượt truyền lên các cõi trời Tam thập tam, Diệm thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại. Âm thanh truyền lần lên cho đến Phạm thiên: 'Di-lặc đã thành Phật đạo.'

"Bấy giờ có Ma tên là Đại Tướng, cai trị đúng theo pháp. Khi nghe âm hưởng lan truyền danh giáo của Như Lai, hoan hỷ phấn chấn không dừng được, bảy ngày bảy đêm không ngủ. Khi ấy Ma vương dẫn vô số người nhà trời của Dục giới đi đến Phật Di-lặc, cung kính lễ bái. Di-lặc Thánh tôn lần lượt giảng thuyết các đề tài vi diệu của chánh pháp

---

[1] Long hoa 龍華. Skt. Nāgapuṣpa. Pali: Nāgapupphiya (?), nhưng khôngthấy đề cập trong văn học Pāli.

cho chư thiên; các đề tài về thí, giới, sanh thiên, dục là bất tịnh tưởng, xuất yếu là vi diệu. Sau khi thấy mọi người đã phát tâm hoan hỷ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân rộng rãi ý nghĩa cho chư thiên và loài người. Lúc đó, ngay trên chỗ ngồi có tám vạn bốn nghìn con trời dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

"Bấy giờ, Đại Tướng Ma vương bố cáo với nhân dân cõi ấy rằng: 'Các người nên nhanh chóng xuất gia. Vì sao? Hôm nay, Đức Di-lặc đã vượt qua bờ bên kia, và cũng sẽ đưa các người vượt qua.'

*"Bấy giờ, trong thành Kê-đầu có một trưởng giả tên là Thiện Tài, nghe giáo lệnh của Ma vương, lại nghe tiếng Phật, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn ngàn người đi đến Phật Di-lặc, cúi đầu lạy dưới chân, [**788c**] rồi ngồi xuống một bên. Đức Di-lặc lần lượt thuyết các đề tài vi diệu của pháp cho ông, luận về thí, giới, sanh thiên. Khi Đức Di-lặc thấy tâm ý mọi người đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân biệt rộng rãi cho mọi người. Ngay khi ấy,*

từ trên chỗ ngồi, Thiện Tài cùng tám vạn bốn nghìn người dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Thiện Tài cùng tám vạn bốn nghìn người bước lên trước bạch Phật, cầu xin xuất gia, khéo tu phạm hạnh, thành đạo A-la-hán. Đấy là hội thứ nhất của Phật Di-lặc, có tám vạn bốn nghìn A-la-hán.

"Bấy giờ, Vua Tương-khư, khi nghe đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền đi đến chỗ Phật để nghe pháp. Được Di-lặc thuyết pháp cho ông; pháp mà khoảng đầu thiện xảo, khoảng giữa thiện xảo, khoảng cuối cũng thiện xảo; nghĩa lý sâu xa.

"Một thời gian sau, vua lập thái tử; rồi đem vật trân bảo cho thợ hớt tóc, lại đem các thứ bảo vật khác cho các bà-la-môn. Sau đó, vua dẫn tám vạn bốn nghìn người đi đến chỗ Phật, cầu xin làm sa-môn. Tất cả đều thành đạo A-la-hán.

"Khi trưởng giả Tu-phạm-ma nghe Đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn nghìn bà-la-môn đi đến chỗ Phật cầu xin làm sa-môn. Thảy đều đắc A-la-hán. Duy Tu-phạm-ma đoạn trừ ba kết, rồi nhất định sẽ chấm dứt biên tế khổ.

"Mẹ của Phật là Phạm-ma-việt cũng dẫn tám vạn bốn nghìn thể nữ đi đến Phật cầu xin làm sa-môn. Các người nữ đều đắc A-la-hán; duy chỉ một người là Phạm-ma-việt đoạn trừ ba kết thành Tu-đà-hoàn.

"Những người phụ nữ sát-lợi nghe đức Di-lặc Như Lai xuất hiện thế gian thành Đẳng chánh giác, có vài nghìn vạn người đi đến Phật cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Mỗi người đều sanh tâm cầu xin làm sa-môn, xuất gia học đạo. Trong đó, hoặc có người vượt thứ lớp mà chứng ngộ; hoặc có người không chứng ngộ. Này A-nan, những người không vượt thứ lớp chứng ngộ thảy đều là những người tùy pháp hành[1]*, nhàm tởm tất cả thế gian không có gì đáng vui thích.*

"Di-lặc bấy giờ thuyết giáo pháp ba thừa. Như ngày nay trong các đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp là người hành đầu đà. Trong quá khứ đã từng tu phạm hạnh nơi chư Phật. Người này sẽ thường trợ giúp Di-lặc giáo hóa nhân dân."

---

[1] Nguyên Hán: phụng pháp. Hạng Tu-đà-hoàn lợi căn.

*Khi ấy Ca-diếp đang ngồi kiết già cách Như Lai không xa, chánh thân chánh ý, buộc niệm [**789a**] trước mắt. Bấy giờ Thế Tôn bảo Ca-diếp:*

"Nay tuổi Ta đã suy hao, gần hơn tám chục. Nhưng nay Như Lai có bốn Đại Thanh văn có thể đảm trách du hóa, mà trí tuệ vô tận, đầy đủ các phẩm đức. Bốn vị này là những ai?

Đó là Tỳ kheo Ca-diếp, Tỳ-kheo Quân-đồ-bát-hán, Tỳ kheo Tân-đầu-lô[1], Tỳ kheo La-hầu-la[2]. Các ngươi bốn Đại Thanh văn không nên bát-niết-bàn. Hãy đợi khi nào pháp Ta mất hẳn rồi hãy Bát-niết-bàn. Đại Ca-diếp cũng không nên Bát-niết-bàn. Hãy đợi cho đến Di-lặc xuất hiện thế gian. Vì sao? Các đệ tử được hóa độ bởi Di-lặc thảy đều là đệ tử của Thích-ca Văn, do sự giáo hóa của Ta được lưu lại mà dứt sạch các lậu. Trong thôn Tỳ-đề, quốc giới

---

[1] Tân-đầu-lô 賓頭盧, tức vị thứ nhất trong 16 A-la-hán kể trong *Pháp trụ ký* (T49n2030, tr. 13a9), phiên âm khác là Tân-độ-la Bạt-la-nọa-xà 賓度羅跋囉惰闍 (Skt. Pindola-bhāradvāja).

[2] La-vân **羅云**, tức La-hỗ-la 囉怙羅 (Skt., Pali: Rāhula), thứ 11 trong 16 A-la-hán kể trong *Pháp trụ ký* (tr. 13a14).

Ma-kiệt, Đại Ca-diếp sẽ trú trong núi ở đó[1]. Về sau, Di-lặc Như Lai sẽ dẫn vô số tùy tùng đi đến núi này. Do ân đức của Phật, các quỷ thần sẽ mở cửa núi, và được thấy Ca-diếp trong hang thiền. Khi ấy đức Di-lặc duỗi cánh tay phải chỉ Ca-diếp mà bảo đại chúng: 'Đây là đệ tử của Phật Thích-ca Văn trong thời quá khứ xa xưa, tên là Ca-diếp, vẫn tồn tại cho đến nay, là vị đầu đà khổ hành bậc nhất.' Mọi người khi ấy tán thán là chưa từng có. Ngay lúc ấy, vô số trăm nghìn người dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

"Đây gọi là hội thứ nhất[2], có chín mươi sáu ức người thành A- la-hán. Những người ấy đều là đệ tử của Ta. Vì sao? Thảy đều do Ta giáo hóa mà được như vậy; và cũng do nhân duyên bốn sự[3] là huệ thí, nhân ái, lợi người và đẳng lợi.

---

[1] Truyền thuyết phương Bắc, Đai Ca-diếp hiện vẫn nhập định trong núi Kê túc (Skt. Kukkuṭapāda-giri), nước Ma-kiệt-đà; cf. *Phú pháp nhan duyên* (T50n2058, tr. 301a16); *Pháp Hiển truyện* (T51n2085, tr. 863c27); *Tây vực ký 9* (T51n2087, tr. 919b25).

[2] Có thể có sự nhầm lẫn trong bản Hán này.

[3] Tứ sự 四事, đây chỉ bốn nhiếp sự, mà nội dung Hán dịch ở đây có khác.

"Này A-nan, bấy giờ Di-lặc Như Lai sẽ lấy y tăng-già-lê của Ca-diếp rồi khoác lên mình, tức thì thân thể của Ca-diếp tự nhiên rã như sao. Di-lặc mới dùng đủ các loại hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn có tâm cung kính đối với Chánh pháp. Di-lặc cũng do Ta giáo hóa mà được thành đạo vô thượng chân chánh.

"A-nan, nên biết, hội thứ hai của Phật Di-lặc có 94 ức người, đều là A-la-hán, cũng đều là đệ tử di giáo của Ta, hành cúng dường bốn sự mà được như vậy.

"Lại nữa, hội thứ ba của Phật Di-lặc có 92 ức người, đều A-la- hán, cũng là đệ tử di giáo của Ta.

*"Thời bấy giờ, các Tỳ kheo đều có họ là đệ tử Từ thị, như ngày nay các Thanh văn [**789b**] đều được gọi là đệ tử Thích-ca.*

"Bấy giờ, đức Di-lặc thuyết pháp cho các đệ tử: 'Tỳ kheo các ngươi, hãy tư duy về tưởng vô thường, tưởng lạc có khổ, tưởng chấp ngã và vô ngã, tưởng thật có Không, tưởng sắc biến, tưởng bầm xanh, tưởng sình chương, tưởng ăn chưa tiêu hết, tưởng máu huyết, tưởng hết thảy thế gian không có đang

vui thích. Vì sao vậy? Tỳ kheo nên biết, mười tưởng này đều là những điều đã được Thích-ca Văn Phật trong quá khứ nói cho các ngươi, để được dứt sạch hữu lậu, tâm được giải thoát.

"Trong đại chúng này, hoặc có người vốn là đệ tử của Phật Thích-ca Văn, thời quá khứ đã tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc phụng trì pháp của Phật Thích-ca Văn, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn cúng dường Tam bảo, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà tu hành gốc rễ thiện trong khoảng chừng búng ngón tay, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca hành bốn vô lượng tâm, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì năm giới, ba tự quy y, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở Phật Thích-ca Văn khởi dựng tháp miếu, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca mà tu sửa chùa, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì tám pháp quan trai, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà cúng dường hương hoa, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật ấy nghe Phật pháp mà buồn khóc rơi lệ, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn chuyên ý

nghe Pháp, nay đến chỗ Ta. Hoặc suốt đời khéo tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc chép, đọc tụng, thọ trì, nay đến chỗ Ta. Hoặc người thừa sự cúng dường mà nay đến chỗ Ta.

"Rồi đức Di-lặc nói bài kệ này:

Tăng trưởng đức giới, văn,
Nghiệp thiền và tư duy,
Khéo tu hành phạm hạnh,
Người ấy đến chỗ Ta.
Khuyên thí, tâm hoan hỷ,
Tu hành cội nguồn tâm,
Ý không sai biệt tưởng,
Người ấy đến chỗ Ta.
Hoặc phát tâm bình đẳng,
Và thừa sự chư Phật,
Thức ăn cúng Thánh chúng,
Người ấy đều đến Ta.
Hoặc tụng giới, khế kinh,
Khéo tập, thuyết cho người,

Nhiệt hành nơi gốc pháp,
Ngày nay đến chỗ Ta.
Họ Thích khéo giáo hóa,
Cúng dường các xá-lợi,
Thừa sự pháp, cúng dường,
Ngày nay đến chỗ Ta.
Nếu ai sao chép kinh,
Ban[1] bố trên lụa trắng[2].
Những ai cúng dường kinh,
Nay đều đến chỗ Ta.
Lụa là và các vật,
Cúng dường nơi chùa tháp,
Tự xưng Nam mô Phật,
Thảy đều đến chỗ Ta.
Ai cúng dường hiện tại,

---

[1] Văn bản in là tụng 頌, cước chú in là ban 頒, TNM: ban 班.

[2] Tố thượng 素上. Do chữ ban 頒 đọc là tụng 頌 nên có người đoán đây là chữ án 案 (án thư), thay vì tố 素. Nhưng Ấn Độ không có tục đọc sách trên án thư.

Và chư Phật quá khứ;
Thiền định, chánh bình đẳng,
Cũng không có tăng giảm,
Cho nên, đối Phật pháp,
Thừa sự nơi Thánh chúng,
Chuyên tâm thờ Tam bảo,
Tất đến chỗ vô vi.

"Này A-nan, nên biết, Di-lặc Như Lai sẽ nói bài kệ này giữa đại chúng.

"Bấy giờ trong đại chúng, chư thiên và loài người tư duy mười tưởng, khi ấy có mười một triệu[1] người dứt sạch trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh. Trong một nghìn năm, trong chúng không có cáu bẩn, Di-lặc Như Lai bấy giờ chỉ nói một bài kệ làm cấm giới:

Miệng, ý không hành ác,
Thân cũng không sai phạm,
Trừ sạch ba nghiệp này,

[1] Hán: thập nhất cai 十一垓; mỗi *cai* là 10 triệu. Con số ở đây chỉ có tính tượng trưng.

Chóng vượt vực sanh tử.

"Sau một nghìn năm, sẽ có người phạm cấm giới, bấy giờ mới chế giới.

"Di-lặc Như Lai sẽ thọ tám vạn bốn nghìn năm. Sau khi Bát-niết-bàn, di pháp của Ngài sẽ tồn tại tám vạn bốn nghìn năm. Sở dĩ như vậy, vì chúng sanh thời bấy giờ thảy đều có căn tính linh lợi. Nếu có thiện tử, thiện nữ nhân nào muốn thấy Phật Di-lặc và các Thanh văn trong ba hội, thành Kê-đầu, và bốn đại bảo tàng, muốn được ăn thứ lúa tự nhiên, mặc loại y phục tự nhiên, rồi khi thân hoại mạng chung sanh lên trời, những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hãy chuyên cần tinh tấn, không sanh lười biếng, và hãy cúng dường thừa sự các pháp sư bằng các thứ hương hoa thơm, cùng các phẩm vật cúng dường chớ để thiếu thốn.

A-nan, hãy học điều này như vậy."

Bấy giờ, A-nan và các chúng hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Y cứ vào lời dạy của Đức Phật qua hai bản kinh nêu trên, chúng ta có thể nhận biết được hai điều: thứ nhất, khi loài người thọ tám vạn tuổi thì sẽ có Đức Phật hiệu Di Lặc thị hiện. Thứ hai, thế giới loài người này chưa đi đến giai đoạn phải hủy diệt.

14

TRÍCH KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM[1], SỐ 67

Chánh văn

"Này A-nan, nay Ta xuất hiện ở đời, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật[2], Thế Tôn. Nay Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, vì trời và người mà cầu nghĩa lợi và lợi ích, cầu an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Vì đã rốt ráo phạm hạnh, nay Ta lìa khỏi sự sanh,

---

[1] Bản Hán, quyển 14. Pāli, M.83 Makhādeva-suttanta; tham chiếu Bản sanh, J.9. Makhādeva-Jātaka. Hán, No.125(1) Tăng Nhất 1, Tựa, Đại 2 tr.549; No.125 (50.4) Tăng Nhất 48, Đại 2 tr.806c.

[2] Trong bản Hán: hiệu Phật 號 佛.

tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc than, ảo não. Nay Ta đã thoát mọi khổ đau.

"Này A-nan, nay Ta chuyển trao pháp kế thừa này cho ông, ông cũng phải chuyển trao pháp kế thừa này lại, chớ để cho Phật pháp dứt đoạn.

"Này A-nan, thế nào là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho ông và bảo ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật pháp dứt đoạn? Đó chính là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Này A-nan, đó chính là pháp kế thừa mà nay Ta đã chuyển trao cho ông, và ông cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chủng đứt đoạn."

Lược giải

Tuy đạo thánh đế gồm có 37 pháp nhưng trong đó Bát chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thâu tóm tất cả các đạo đế còn lại như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực và thất giác chi. Lại nữa, Bát chánh đạo gồm Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là

tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu các bậc thánh hữu học và bậc thánh Vô học. Trong đó, bậc thánh hữu học thành tựu tám chi: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Còn bậc thánh Vô học thành tựu mười chi tức thêm hai chi nữa là chánh giải thoát và chánh trí. Chính vì thế, Đức Phật đã chuyển trao lại giáo pháp Bát chánh đạo cho Ngài A-nan thừa kế và tiếp tục trao truyền lại để cho Phật pháp không bị đoạn diệt.

15

KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG, SỐ 70

Chánh văn

"Này Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ của con người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha thọ tám vạn tuổi, con thọ bốn vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ còn bốn vạn tuổi và con thọ hai vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai vạn tuổi, người con chỉ thọ một vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một vạn tuổi thì trong nhân dân có người có đức, có người vô đức. Nếu ai vô đức thì ghen ghét người có đức và phạm tà hạnh với vợ của người. Do đó kẻ nghèo

khốn không có của cải, không được cấp phát, càng nghèo khốn hơn. Vì càng nghèo khốn nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn nên chém giết gia tăng. Vì chém giết gia tăng nên nói dối, nói hai lưỡi gia tăng. Vì nói dối, nói hai lưỡi gia tăng nên tật đố, tà dâm gia tăng. Vì tật đố, tà dâm gia tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ một vạn tuổi, người con chỉ thọ năm ngàn tuổi.

*"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ hai ngàn năm trăm tuổi thì ba pháp khác lại hưng thịnh; đó là, lưỡng thiệt, ác khẩu và phù phiếm. Vì ba pháp này hưng thịnh nên [**523a**] tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.*

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai ngàn năm trăm tuổi, người con chỉ thọ một ngàn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một ngàn tuổi thì một pháp hưng thịnh, đó là tà kiến. Vì pháp này

hưng thịnh nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu.

"Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu, thì người cha chỉ thọ một ngàn tuổi, người con chỉ thọ năm trăm tuổi.

"Này Tỳ-kheo, khi loài người thọ năm trăm tuổi thì con người lúc ấy hoàn toàn[1] không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau. Lúc loài người không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau, cho nên này Tỳ-kheo, lúc đó người cha chỉ thọ năm trăm tuổi, người con chỉ thọ hai trăm năm mươi tuổi, hoặc hai trăm tuổi.

"Này Tỳ-kheo, hiện giờ nếu có ai được trường thọ thì được một trăm tuổi và có thể là không chừng." Đức Phật lại bảo:

---

[1] Trong để bản: tận thọ 盡 壽 (suốt đời). Có lẽ dư chữ thọ. Ba bản Tống-Nguyên-Minh không có.

"– Một thời gian lâu xa về đời vị lai, sẽ có lúc con người chỉ thọ mười tuổi; khi ấy con gái sanh ra mới năm tháng[1] *đã lấy chồng.*

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có một giống lúa tên là bại tử[2]*, là thức ăn ngon nhất. Cũng như lúa gạo*[3] *là thức ăn ngon nhất của loài người hôm nay. Này Tỳ-kheo, cũng giống như thế, lúc con người thọ mười tuổi thì có loại lúa tên là bại tử, là món ăn ngon nhất.*

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, những thứ mỹ vị mà ngày nay hiện có như tô-du, muối, mật[4]*, mía, đường thì thời ấy những thứ này sẽ biến mất tất.*

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy sẽ được người khác kính trọng. Cũng như hiện giờ, nếu ai tạo mười thiện nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác

---

[1] Hán: ngũ nguyệt 五月. Cf. No.1(6), cung vậy. Pl. D 26: *pañcavassikā kumārikā alaṃpateyyā bhavissanti*, con gái năm tuổi sẽ đi lấy chồng.

[2] Bại tử 稗 子; loại cỏ giống như lúa. Pāli: hột kudrūsa.

[3] Canh lương 粳 糧; Pāli: sāli-mamsodana.

[4] Trong bản: diêm, mật 鹽 蜜. Theo liệt kê thông thường thì chỗ này là thạch mật tức đường phèn.

kính trọng. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, cũng như vậy, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác kính trọng.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi thì hoàn toàn không có một danh từ 'thiện', huống nữa là có tạo mười thiện nghiệp đạo.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có người tên là Đàn Phạt[1], đi đến khắp mọi nhà mà đàn phạt.

*"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, thì mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt, con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em thân thuộc đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau. Cũng như người thợ săn trông thấy con nai thì có tâm giết hại rất mãnh liệt. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi cũng lại như thế, mẹ đối với con có tâm giết hại rất mãnh liệt. Cha con, anh em, chị em quyến thuộc [**523b**] đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau.*

[1] Đàn Phạt 彈罰; đàn hạch và trừng phạt? Không rõ Pāli.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có nạn đao binh bảy ngày[1]*. Nếu ai có nắm cỏ thì cỏ biến thành dao. Nếu nắm cây củi thì cây củi cũng biến thành dao. Ai cũng dùng dao ấy để giết hại lẫn nhau. Qua bảy ngày, nạn đao binh chấm dứt."*

Lược giải

Bởi vì các chúng sinh đã sống với tâm tà kiến và tà tư duy nên dẫn sinh tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng. Cho nên, tuổi thọ của loài người sẽ giảm xuống và nhan sắc trở thành thô xấu. Khi tuổi thọ của loài người giảm xuống cho đến lúc chỉ còn thọ mười tuổi thì sẽ xảy ra nạn đao binh trong bảy ngày. Qua bảy ngày thì nạn đao binh ấy mới chấm dứt. Do đó, ngày nay chúng ta tu học thì cần phải suy tư ý nghĩa của đoạn kinh văn trên!

Chánh văn

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có nạn đao binh bảy ngày. Nếu ai có nắm cỏ thì cỏ biến thành dao. Nếu nắm cây củi thì cây củi cũng

[1] Đao binh kiếp 刀 兵 劫. Pāli: satthantara-kappa.

biến thành dao. Ai cũng dùng dao ấy để giết hại lẫn nhau. Qua bảy ngày, nạn đao binh chấm dứt.

"Bấy giờ cũng có người biết thẹn thùng, xấu hổ, nhờm tởm, chán ghét, không ưa những sự hung ác kia. Lúc có nạn đao binh bảy ngày, họ đi vào núi non hoặc đồng nội, ẩn náu ở nơi yên ổn. Sau bảy ngày ấy, thì từ núi non đồng nội, nơi yên ổn đi ra, trông thấy nhau sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng. Cũng như mẹ hiền chỉ có một đứa con đã xa cách lâu ngày, nay từ phương xa trở lại gia đình yên ổn, mẹ con thấy nhau hoan hỷ, sanh lòng thương mến nhau vô cùng. Những người kia, sau bảy ngày từ núi non đồng nội, nơi yên ổn đi ra, trông thấy nhau sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng, cũng giống như thế. Trông thấy nhau rồi, liền nói rằng: 'Chư Hiền, ta nay thấy nhau còn được yên ổn. Chúng ta vì tạo pháp bất thiện nên gặp gỡ nơi đây, thân thuộc chết sạch. Chúng ta hãy cùng nhau thực hành thiện pháp. Làm thế nào để chúng ta cùng thực hành thiện pháp? Chúng ta đều là kẻ sát nhân, nay nên xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, chúng ta nên thực hành thiện pháp ấy.'

"Những người kia cùng nhau thực hành thiện pháp, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ mười tuổi sanh ra con thọ hai mươi tuổi. "Này Tỳ-kheo, người thọ hai mươi tuổi lại nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để chúng ta cùng làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta hãy xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh nhưng vẫn còn lấy của không cho. Chúng ta nên xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai mươi tuổi sanh con thọ bốn mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ bốn mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta

*đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, nhưng vẫn còn tà dâm. Chúng ta nên [**523c**] xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.'*

"Những người kia cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ bốn mươi tuổi sanh con thọ tám mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ tám mươi tuổi cũng nghĩ thế này: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, nhưng vẫn còn nói dối. Chúng ta nên xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện ấy. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ tăng lên,

hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, khi loài người tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ tám mươi tuổi sanh con thọ một trăm sáu mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ một trăm sáu mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nhưng chúng ta vẫn còn nói hai lưỡi. Chúng ta nên xa lìa nói hai lưỡi đoạn trừ nói hai lưỡi. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi làm việc thiện ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một trăm sáu mươi tuổi sanh con thọ ba trăm hai mươi tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ ba trăm hai mươi tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn nữa? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối; xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, nhưng vẫn còn nói thô ác. Chúng ta nên xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi làm việc thiện ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ ba trăm hai mươi tuổi sanh con thọ sáu trăm bốn mươi tuổi.

*"Này Tỳ-kheo, người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu [**524a**] học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ, chúng ta nên cùng nhau học điều thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta cùng làm việc thiện nhiều hơn?*

Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, nhưng chúng ta vẫn còn nói phù phiếm. Chúng ta nên xa lìa nói phù phiếm, đoạn trừ nói phù phiếm. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi sanh con thọ hai ngàn năm trăm tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ hai ngàn năm trăm tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói

hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, xa lìa lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, nhưng còn tham lam tật đố. Chúng ta nên xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai ngàn năm trăm tuổi sanh con thọ năm ngàn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ năm ngàn tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa nói thô ác, đoạn trừ nói thô ác, xa lìa lời

nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, nhưng vẫn còn sân hận. Chúng ta nên xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ năm ngàn tuổi sanh con thọ một vạn tuổi.

*"Này Tỳ-kheo, người thọ một vạn tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. [**524b**] Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố,*

xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, nhưng vẫn còn tà kiến. Chúng ta nên xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến. Chúng ta nên cùng nhau tu học việc thiện này.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một vạn tuổi sanh con thọ hai vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, người thọ hai vạn tuổi cũng nghĩ rằng: 'Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn nữa. Làm thế nào để chúng ta làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác, xa lìa lời nói phù phiếm, đoạn trừ lời nói phù phiếm, xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố, xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến,

nhưng vẫn còn có phi pháp dục, ác tham hạnh và tà pháp. Chúng ta nên xa lìa ba pháp ác bất thiện này, đoạn trừ ba pháp ác bất thiện này. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.'

"Những người kia cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai vạn tuổi sanh con thọ bốn vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc loài người thọ bốn vạn tuổi thì biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội lỗi đời sau. Loài người nhân vì hiếu thuận với cha mẹ, cung kính tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội đời sau, cho nên này Tỳ-kheo, người thọ bốn vạn tuổi sanh con thọ tám vạn tuổi.

"Này Tỳ-kheo, lúc người thọ tám vạn tuổi, châu Diêm-phù này giàu có cùng tột, nhân dân đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con gà bay.

"Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới có thể lấy chồng. Này Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi thì chỉ có những chứng bệnh như đại tiểu tiện, nóng, lạnh, muốn ăn uống và già.[1] Ngoài ra, không còn tai họa nào nữa."

Lược giải

Sau nạn đao binh, loài người lúc ấy bắt đầu biết tu tập các thiện nghiệp và cho đến tu tập mười thiện nghiệp nên tuổi thọ được tăng dần lên và hình sắc cũng trở nên đẹp đẽ. Khi tuổi thọ của loài người được tăng dần lên cho đến lúc thọ tám vạn tuổi thì khi ấy sẽ có Đức Phật hiệu Di Lặc thị hiện. Với y cứ này, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thuyết Bổn* và *Tăng Nhất A-hàm*, kinh số *3*, phẩm *48*, Đức Phật đều có dạy như vậy.

---

[1] No. 1(6): chín thứ bệnh: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục, ham ăn và già. D 26 (iii. tr. 75), chỉ có ba thứ bệnh: ham muốn, đói và già (*manussesu tayo ābādhā bhavissanti, icchā, anasanaṃ, jarā*).

16

TRÍCH KINH NIỆM THÂN[1], SỐ 81

Chánh văn

*"Tỳ-kheo khi phát sanh tâm niệm ác, bất thiện, liền bằng niệm pháp thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng thẳng lên thân cây, rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm pháp thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành **[555b]** tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết như thật như vậy như vậy."*

[1] Tương đương Pāli M.119 Kāyagatāsati-suttaṃ.

Lược giải

Khi chúng ta sinh khởi những tâm hành bất thiện như tham, sân, si, mạn, nghi thì lúc ấy hãy tác ý để sinh khởi những tâm hành thiện như niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm hơi thở vào ra, niệm vô thường, niệm sự chết và niệm Niết-bàn. Nhờ đó, tâm thiện được sinh khởi nên tâm bất thiện được điều phục. Cho nên, Đức Phật dạy chúng ta cần phải thực tập như vậy.

Chánh văn

"Tỳ-kheo tu tập niệm thân như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi, nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn,

đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm[1]. Khi được định tâm rồi thì biết như thật như vậy[2]. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

"Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo tỉnh giác[3] khi vào, khi ra, khéo phân biệt khi nhìn[4], khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngước; nghi dung chững chạc, khoác tăng-già-lê ngay ngắn, ôm bát chỉnh tề; đi đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng, đều biết rõ như thực."

Lược giải

Y cứ vào ý nghĩa của đoạn kinh văn trên, chúng ta có thể phân tích qua hai cái biết: một, cái hiểu biết của những người không tu tập. Hai, cái biết của những người tu tập. Cái biết của những người

---

[1] Pāli: ye gehasitā sarasaṃkappā te pahīyanti... ajjhattam eva cittaṃ santiṭṭhati sannisīdati ekodi hoti samādhīyati; đoạn những niệm tưởng tư duy liên hệ thế tục... nội tâm an lập, an trụ, chuyên nhất, nhập định.

[2] Tri thượng như chân 知 上 如 真; không rõ ý.

[3] Nguyên Hán: chánh tri 正 知. Pāli: saṃpajāna, nhận thức cụ thể (mình đang làm gì).

[4] Hán; thiện quán phân biệt. Pl.: ālokite volikite saṃpajānakārī, tỉnh giác khi nhìn, khi quan sát.

tu tập lại có hai: một, cái biết thuộc chánh kiến hữu lậu; hai, cái biết thuộc chánh kiến vô lậu.

Như vậy, thế nào là cái hiểu biết của những người không tu tập? Những người không tu tập đạo thánh đế mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì họ cũng nhận thức rõ ràng là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và phân biệt các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là sự hiểu biết thuộc về vô minh, tham ái, chấp thủ (tập đế) vào năm thủ uẩn (khổ đế) làm thực ngã.

Thế nào là cái nhận biết thuộc chánh kiến hữu lậu? Đây là chỉ cho những người tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Vì thế, những vị ấy an trụ trong định - tuệ thuộc hữu lậu để đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì những vị đó cũng nhận biết là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc

như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là cái nhận biết thuộc chánh kiến hữu lậu. Với ý nghĩa tu tập Bát chánh đạo hữu lậu, người viết đã trình bày ở kinh Thánh Đạo.

Thế nào là cái nhận biết thuộc chánh kiến vô lậu? Đó là những bậc thánh giả đang tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Vì vậy, những bậc thánh giả đã an trụ trong định - tuệ vô lậu để đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ,… thì các ngài cũng nhận biết là đang đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi, cúi, ngước, ăn uống, ngủ nghỉ và nhận biết các sự vật như con người, ngôi nhà, rừng cây, các màu sắc như xanh, đỏ, tím, vàng… Đây chính là cái nhận biết thuộc chánh kiến vô lậu. Với ý nghĩa tu tập Bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở kinh Thánh Đạo.

17

TRÍCH KINH CHI-LY-DI-LÊ, SỐ 82

Chánh văn

*"Này chư Hiền, hoặc có một người lúc ở trước Đức Thế Tôn và trước các đồng phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tàm, khả quý, khả ái, khả kính thì người ấy khéo léo thủ hộ. Nhưng sau đó, khi không còn ở trước Đức Thế Tôn và trước các đồng phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão khả tàm, khả quý, khả ái, khả kính, thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì tâm sanh tham dục, tâm sanh ham muốn, rồi thì **[558b]** thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, có một hạng người như vậy.*

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. ***[558c]*** *Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.*

"Này chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiền; được Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiền; được Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo."

Lược giải

Có những vị tuy tu tập đạt được các định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền nhưng rồi sau đó vẫn bỏ đời sống xuất gia tu học để trở lại với đời sống cư sĩ tại gia. Do đó, Đức Phật dạy: Nếu chúng ta tu tập đạt được định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền thì hãy an trụ trong các định tâm ấy quán sát sự tập khởi của năm thủ uẩn là vô thường, khổ và vô ngã để kiến đạo, tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu. Bởi vì lãnh hội được chánh kiến vô lậu nên vị ấy đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ, nghi và thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn. Từ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong chánh kiến vô lậu nỗ lực tu tập để đạt được thánh quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm và cho đến thành tựu quả vị A-la-hán. Những bậc thánh A-la-hán đã chấm dứt phần đoạn sanh tử nên các ngài là bậc đại thiện tri thức của tất cả chúng sinh trong ba cõi, tức Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

18

TRÍCH KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THỤY MIÊN[1], SỐ 83

Chánh văn

Một thời Đức Phật trú tại nước Bà-kì-sấu[2], ở rừng Bố trong núi Ngạc, [559c] trong vườn Lộc dã[3].

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở tại nước Ma-kiệt-đà, trong làng Thiện tri thức[4]. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy nhưng mắc phải chứng

---

[1] Tương đương Pāli A.7.58 Pacalāyamāna-sutta. Biệt dịch DTK.47.

[2] Bà-kì-sấu 婆 奇 廋. Pāli: Bhaggesu, giữa những người Bhagga.

[3] Ngạc sơn Bố lâm Lộc dã viên 鱷山怖林鹿野園. Pāli: trong núi Cá sấu, rừng Khủng bố, chỗ nuôi hươu. Xem kinh 74.

[4] Thiện tri thức thôn 善知識村. Pāli: Kallavāḷamuttagāma. Ngài Đại Mục-kiền-liên ở đây ngay sau khi vừa xuất gia. Kinh này được nói vào lúc này. Bảy ngày sau đó, Ngài đắc quả A-la-hán.

buồn ngủ. Đức Thế Tôn ở xa biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy và mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết như vậy, Ngài liền như vậy mà nhập định[1]*. Do định như vậy, trong khoảnh khắc, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Bà-kì-sấu, rừng Bố trong núi Ngạc, trong vườn Lộc dã, Đức Thế Tôn bỗng biến mất khỏi chỗ đó, qua đến nước Ma-kiệt-đà, thôn Thiện tri thức, trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Rồi Đức Thế Tôn xuất định và nói rằng:*

"Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang bị buồn ngủ chi phối. Này Đại Mục-kiền-liên, ngươi đang bị buồn ngủ chi phối [2]*."*

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

"Quả thật vậy, bạch Đức Thế Tôn." Phật lại nói:

"Này Đại Mục-kiền-liên, nếu như sở tướng[3] *nào gây buồn ngủ, ngươi chớ tu tập tướng ấy và cũng*

---

[1] Như kỳ tượng định.

[2] Pāli: *pacalāyati*, ngủ gật.

[3] Sở tướng 所 相, ở đây, đề mục thiền định. Pāli: saññā, tưởng.

đừng phát triển[1] *nó. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.*

"Nếu chứng buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục- kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, quảng bá và tụng đọc. Như vậy mới có thể diệt trừ được buồn ngủ.

"Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, rồi diễn rộng ra cho người khác nghe. Như vậy sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

"Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, tâm suy niệm, tâm suy tư. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy dùng hai tay day[2]

---

[1] Quảng bá 廣 播. Pāli: *bahulīkaroti*, tu tập nhiều.

[2] Hán: môn mô 捫摸 (mằn mò). Pāli: *ubho kaṇṇasotāni āviñcheyyasi*, ngươi hãy *vặn* (hay *kéo*?) hai lỗ tai.

hai lỗ tai. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

"Nếu sự buồn ngủ của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và dội ướt thân thể. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

"Nếu thụy miên của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, xem khắp bốn phương, sao. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

"Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy đi ra ngoài thất, đến khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, thủ hộ các căn, tâm an trụ bên trong, khởi hậu tiền tưởng[1]*. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.*

"Nếu sự buồn ngủ của ngươi không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy, trải ni-sư-đàn,

---

[1] Hậu tiền tưởng 後前想, quán tưởng sau lưng như là trước mặt. Pāli:*pacchāpuresaññī*.

ngồi kiết già. Như vậy, sự buồn ngủ mới có thể ***[560a]*** *được diệt trừ.*

"Nếu sự buồn ngủ của ngươi vẫn không diệt trừ, thì này Đại Mục-kiền-liên, hãy trở vào thất, gấp y uất-đa-la-tăng bốn lớp trải trên giường, gấp tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi tưởng ánh sáng[1]*, lập chánh niệm chánh trí và luôn luôn khởi ý tưởng muốn trỗi dậy*[2]*."*

Lược giải

Khi chúng ta tu tập mà bị buồn ngủ thì hãy thực hành những phương pháp đối trị buồn ngủ qua đoạn kinh văn nêu trên.

---

[1] Minh tưởng 明想 hay quang minh tưởng, lấy các loại ánh sáng để làm đề mục, tập trung tư tưởng trên đó. Pāli: *ālokasaññā*, đề cập đến sau khi ngắm các ngôi sao không thành công.

[2] Dục khởi tưởng 欲起想. Pāli: *uṭṭhānasaññā*.

19

TRÍCH KINH CHU-NA VẤN KIẾN[1], SỐ 91

Chánh văn

"Chu-na, nếu có người tự mình không điều phục, người khác không điều phục, mà muốn có sự điều phục, sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình chìm, người khác chìm mà muốn vớt lên, sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình không Bát-niết-bàn, người khác không Bát-niết-bàn mà muốn dẫn đến nhập Niết-bàn, sự kiện ấy không bao giờ có.

"Chu-na, nếu có người tự mình điều phục được, người khác không điều phục được, mà muốn có sự điều phục, sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình không chìm, người khác bị chìm mà muốn vớt lên, sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình Bát-niết-bàn,

[1] Tương đương Pāli, M.8. Sallekha-suttaṃ.

người khác không Bát-niết-bàn mà muốn đưa đến Niết-bàn, sự kiện ấy có xảy ra."

Lược giải

Nếu chúng ta không thành tựu được chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ thì không thể chia sẻ Phật pháp cho người khác cũng thành tựu được chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Khi nào chúng ta thành tựu được chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ thì mới chia sẻ Phật pháp cho người khác cũng thành tựu được chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

20

TRÍCH KINH LÂM, SỐ 108

Chánh văn

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Tỳ-kheo nương vào khu rừng này để ở. Vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở vì lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn[1], ý nghĩa này được thành tựu đối với ta. Những điều người học đạo cần như y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn.'

"Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của

[1] Sa-môn nghĩa 娑門義, nên hiểu là mục đích của Sa-môn; hoặc, lợi ích của Sa-môn.

Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn.' Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy: 'Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống; nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo, là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa này không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu một cách dễ dàng không khó khăn.' Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, nên từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác."

Lược giải

Nếu chúng ta xuất gia tu học tại một trú xứ mà có đầy đủ vật chất như y phục, ăn uống, giường nệm, thuốc thang,… nhưng không thành tựu được chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ, thì hãy đảnh lễ Sư trưởng và đại chúng để xin đi tới những nơi khác tu học nhằm thành tựu được

chánh kiến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Đó là vì muốn thành tựu được ý nghĩa của việc xuất gia.

Chánh văn

"Rồi Tỳ-kheo ấy [598a] nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn và ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: 'Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng nay để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn.'

"Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, nên ở lại khu rừng này."

Lược giải

Nếu chúng ta xuất gia tu học tại một trú xứ mà thành tựu được chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ, nhưng nơi đây lại thiếu thốn về vật chất như y phục, ăn uống, giường nệm, thuốc thang,… thì cũng phải ở lại nơi trú xứ này để tu học với Sư trưởng và đại chúng. Đây là do ý nghĩa của việc xuất gia được thành tựu.

Chánh văn

"Rồi vị ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, nhưng ý nghĩa ấy không thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: 'Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy không được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng,

thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn.'

"Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay giữa đêm mà đi, chớ có cùng người cáo biệt."

Lược giải

Nếu chúng ta xuất gia tu học tại một trú xứ mà không thành tựu được chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ, và lại thiếu thốn về vật chất như y phục, ăn uống, giường nệm, thuốc thang,… thì phải rời khỏi trú xứ này để đi tới những trú xứ khác tu học nhằm thành tựu được chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Đó là vì muốn thành tựu được ý nghĩa của việc xuất gia.

Chánh văn

"Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, giường chõng,

thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: 'Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt ý nghĩa của Sa-môn, ý nghĩa ấy được thành đạt đối với ta. Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, ***[598b]*** *thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách dễ dàng không khó khăn.'*

"Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, nên nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung."

Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở, cũng vậy, giữa bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác.

Lược giải

Nếu chúng ta xuất gia tu học nơi một trú xứ mà thành tựu được chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ và lại đầy đủ về vật chất như y phục, ăn uống, giường nệm, thuốc thang,… thì phải ở lại nơi trú xứ này tu học cho đến khi lâm chung. Đây là do ý nghĩa của việc xuất gia được thành tựu.

21

TRÍCH KINH TỰ QUÁN TÂM[1], SỐ 110

Chánh văn

"Ta nói, không được cất chứa tất cả y nhưng cũng nói được quyền cất chứa tất cả y áo. Loại y nào Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, y áo như vậy Ta nói không được cất chứa. Loại y nào Ta nói được quyền cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, y áo như vậy Ta nói được quyền cất chứa. Cũng như y áo, về uống ăn, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy.

"Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người.

[1] Tương đương Pāli, A. 10. 51 Sacitta.

Người thế nào mà Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác bất thiện, suy thoái pháp thiện, người như vậy Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quyền quen thân? Nếu quen thân người, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện, người như vậy Ta nói được quyền quen thân."

Lược giải

Đức Phật dạy: nếu chúng ta cất chứa y áo, giường nệm, thuốc thang, thực phẩm ăn uống… và quen thân với tất cả mọi người mà tâm tăng trưởng thiện pháp thì được quyền cất chứa và quen thân.

22

TRÍCH KINH THUYẾT VÔ THƯỜNG[1], SỐ 120

Chánh văn

"Có chúng sanh và chín trú xứ của chúng sanh[2], cho đến cõi đệ nhất hữu với hành còn tàn dư, tức cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ[3], ở trong khoảng trung gian đó, là bậc đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu; đó chính là vị A-la-hán ở trong đời. Vì sao vậy? Vì trên đời này, A-la-hán đã được an ổn khoái lạc."

---

[1] Tương đương Pāli S.xxii.76 Arahanta-sutta.

[2] Hán: hữu tình cư, chỗ chúng sanh cư ngụ. Pāli: sattāvasā.

[3] Hán: hữu tưởng vô tưởng xứ hành dư đệ nhất hữu 有想無想處行餘第一有, chỉ Hữu đỉnh thiên, cõi cao nhất trong tam hữu, tức cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tầng thứ tư của vô sắc định. Pāli: yāvatā sattāvasā, yāvatā bhaggaṃ, cho đến các cảnh vức của hữu tình, cho đến chóp đỉnh của (ba) Hữu.

Lược giải

Chín trú xứ của chúng sanh: (1). Chúng sanh thuộc Dục giới, (2). Cõi Sơ thiền, (3). Cõi Nhị thiền, (4). Cõi Tam thiền, (5). Cõi Tứ thiền, (6). Cõi Không vô biên xứ, (7). Cõi Thức vô biên xứ, (8). Cõi Vô sở hữu xứ, (9). Cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Khi hành giả tu tập đạt được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì chỉ còn lại tàn dư vi tế của tâm hữu lậu. Ở nơi định đó, nếu hành giả tu tập đạt được Diệt tận định thì sẽ lậu tận và thành tựu quả vị A-la-hán. Chúng sinh ở trong chín cõi đó thì bậc thánh A-la-hán là bậc đệ nhất, là tối thượng, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu.

23

KINH BÁT NẠN[1], SỐ 124

Chánh văn

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

***[613b]** Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:*

"Người tu phạm hạnh có tám nạn[2], tám phi thời[3]. Những gì là tám?

"Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải,

---

[1] Tương đương Pāli: A.8.29 Akkhaṇā. Tham chiếu, No.125 (42.1) Tăng Nhất 36, "phẩm Bát Nạn" kinh số 1.

[2] Bát nạn 八 難. Pāli: atth' akkhaṇā, tám trường hợp không may mắn, không gặp vận, bất hạnh.

[3] Phi thời 非 時. Pāli: asamaya, không đúng lúc, trái thời.

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào chốn địa ngục. Đó là nạn thứ nhất đối với người tu phạm hạnh.

"Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào loài súc sanh, vào loài ngạ quỷ, sanh vào cõi trời Trường thọ[1], sanh ở xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Đó là nạn thứ năm[2] đối với người tu phạm hạnh.

---

[1] Trường thọ thiên 長 壽 天, chỉ Vô tưởng thiên. Pāli: dīghāyukaṃ devanikāyaṃ.

[2] Trong này kể gồm luôn cả súc sanh (tiracchānayoniṃ), ngạ quỷ (pettivisayaṃ), Trường thọ thiên (dīghāyakaṃ devanikāyaṃ), và biên địa (paccantimesu janapadesu).

"Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh[1] nhưng lại điếc, câm, ú ớ như dê kêu[2], dùng tay thay lời, không thể nói nghĩa thiện ác. Đó là nạn thứ sáu, việc phi thời thứ sáu đối với người tu phạm hạnh.

"Lại nữa, vào lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác, nhưng lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói

---

[1] Hán: trung quốc 中國. Pāli: *majjhimesu janapadesu*, chỉ những nước ở trung bộ Ấn-độ.

[2] Như dương minh 如 羊 鳴. Pāli: *eḷamūga*, vừa điếc vừa câm.

như vầy: 'Không bố thí, không trai tự, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này đời khác, không cha không mẹ, ở đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ.' Đó là nạn thứ bảy đối với người tu phạm hạnh.

"Lại nữa, vào lúc Như Lai, ***[613c]*** *Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy thì bấy giờ người ấy lại sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác và có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy: 'Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác*

chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ.' Đó là nạn thứ tám, việc phi thời thứ tám đối với người tu phạm hạnh.

"Người tu phạm hạnh có một điều không nạn, một việc đúng thời. Thế nào là một điều không nạn, một việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh? Lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác, có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy: 'Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và

thế giới khác, thành tựu an trụ.' Đó là điều không tai nạn, việc đúng thời đối với người tu phạm hạnh."

Khi ấy Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

"Nếu được làm thân người,
Pháp được thuyết vi diệu,
Mà không chứng đạo quả,
Tất không phải gặp thời.
Nói nhiều nạn phạm hạnh;
Người ở vào đời sau,
Nếu như gặp phải thời,
Điều quá khó ở đời.
Muốn được lại thân người,
Và nghe pháp vi diệu;
Cần phải siêng năng học;
Mình tự thương mình thôi.
Luận bàn, nghe pháp lành;
Chớ chần chừ lỡ dịp.
***[614a]** Nếu để mất dịp này,*

Tất lo đọa địa ngục.
Nếu không sanh gặp thời,
Không được nghe pháp lành;
Như người buôn mất của;
Chịu sanh tử không cùng.
Nếu sanh được thân người,
Được nghe pháp chánh thiện,
Vâng theo Thế Tôn dạy,
Chắc chắn sẽ gặp thời.
Nếu đã gặp thời rồi,
Siêng tu chánh pháp hạnh,
Để tựu thành pháp nhãn,
Đấng Nhật Thân đã nói[1].
Người ấy thường tự giữ
Tiến lên, lìa các sử,
Đoạn diệt mọi kết sử,

[1] Nhật thân 日親, bà con của mặt trời, chỉ dòng họ Thích. Pl.: *diccabandhu*.

Hàng ma, quyến thuộc ma;

Người ấy vượt thế gian,

Đã diệt tận các lậu."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành."

Lược giải

Đời sống hiện tại này, tuy chúng ta đã cách rất xa thời gian Đức Phật thị hiện nhưng giáo pháp của Ngài vẫn được các bậc hiền thánh kết tập, lưu giữ, dịch thuật và chú giải. Nhờ vậy, chúng ta mới có điều kiện để học và tu tập, đây là phước đức rất lớn. Vì thế, chúng ta cần phải nỗ lực tu học để thành tựu được chánh kiến thuộc về văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Chánh kiến tu tuệ gồm chánh kiến tu tuệ hữu lậu và chánh kiến tu tuệ vô lậu. Trong đó, chánh kiến tu tuệ thuộc hữu lậu chính là do tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn chánh kiến tu tuệ vô lậu chính là do tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát

chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở kinh Thánh Đạo.

24

TRÍCH KINH HÀNH DỤC[1], SỐ 126

Chánh văn

[615a9] *Tôi nghe như vầy:*

Một thời Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên, thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người hành dục[2]?" Đức Thế Tôn dạy:

"Này Cư sĩ, ở đời gồm có mười hạng người hành dục. Những gì là mười?

---

[1] Bản Hán, quyển 30. Tương đương Pāli, A. 10. 91 Kāmabhogī.

[2] Hành dục (nhân) 行 欲 人. Pāli: kāmabhogī, người hưởng thụ dục lạc.

"Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ; cũng không nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, này Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo,

sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cũng không nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

***[615b]** "Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.*

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cũng không nuôi cha mẹ, vợ con,

tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Nhưng khi có của cải rồi lại bị đắm nhiễm, hệ lụy. Khi đã bị hệ lụy, đắm nhiễm, không thấy được tai hoạn, không biết đến

sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

"Lại nữa, Cư sĩ, có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết được sự xuất yếu mà tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục.

"Này Cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. ***[615c]*** *Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất.*

"Này Cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm

cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng.

"Này Cư sĩ, có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, tôi tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

"Cũng như con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Này Cư sĩ, cũng như vậy, so với

các người hành dục khác, kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu."

Lược giải

Những cư sĩ tại gia phải y cứ vào ý nghĩa của đoạn kinh văn trên để xem xét lại mình thuộc về hạng người nào trong mười hạng người. Sau đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để trở thành hạng người tối thượng bậc nhất trong mười hạng người.

25

TRÍCH KINH OÁN GIA[1], SỐ 129

Chánh văn

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Có bảy pháp oán gia[2] để gây thành oán gia; tức là khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Những gì là bảy?

"Oán gia thì không muốn oán gia có sắc đẹp. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sắc đẹp? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế; người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thân[3] vẫn xấu. Vì sao như vậy? Vì bị chi

---

[1] Tương đương Pāli A.7.60. Kodhana-sutta.

[2] Thất oán gia pháp 七怨家法. Pāli: sattime dhammā sapattakantā sapattakaraṇā, bảy pháp được kẻ thù yêu thích, tạo thành kẻ thù.

[3] Sắc, đây chỉ màu da. Pāli: vanna.

phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

*"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia [**617c**] ngủ nghỉ an lành. Vì sao oán gia không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế; người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm mềm, hai đầu kê gối, được phủ bằng thảm quý, bằng da sơn dương*[1]*, nhưng giấc ngủ vẫn âu lo, đau khổ. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ hai để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.*

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn. Vì sao oán gia không muốn oán gia có lợi lớn? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế,

---

[1] Ca-lăng-già-ba-hòa-la-ba-già-tất-đa-la-na, phiên âm. Ca-lăng-già: tên xứ. Ba- hòa-la: dịch là ác. Ba-già-tất-đa-la-na: dịch là áo gối (phiên Phạn ngữ 10, No.2130, trang 1051b). Pāli: kadalimigapavara-paccattharaṇa.

thì người ấy đáng lẽ được lợi, hai điều ấy không trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ ba để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu. Vì sao oán gia không muốn oán gia có bằng hữu? Người hay sân nhuế bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ tư để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi. Vì sao oán gia không muốn oán gia có sự khen ngợi? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô tiếng xấu đồn khắp. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ năm để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

*"Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia quá giàu sang. Vì sao oán gia không muốn oán gia quá giàu sang? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế; người ấy tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là [**618a**] pháp oán gia thứ sáu để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.*

"Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia khi thân hoại mạng chung được đến chỗ an lành, sanh ở cõi trời. Vì sao oán gia không muốn oán gia đến chỗ an lành? Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thân khẩu ý tạo ác nghiệp; người ấy sau khi thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ bảy để gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

"Đó là cả bảy pháp oán gia gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế."

Khi ấy Đức Thế Tôn nói tụng rằng:

"Người sân, sắc da xấu;
Nằm ngủ, khổ không yên.
Đáng lẽ được của nhiều,
Trở lại bị bất lợi.
Kẻ bằng hữu thân thiết,
Xa lìa người sân nhuế.
Luôn luôn tập sân nhuế,
Tiếng xấu đồn khắp nơi.
Sân gây nghiệp thân khẩu,
Nhuế buộc ràng nghiệp ý.
Người bị nhuế chế ngự,
Mất tất cả tài vật.
Sân nhuế sanh bất lợi,
Sân nhuế sanh tâm nhơ.
Sợ sệt sanh bên trong,
Người không thể biết được.
Người sân không biết nghĩa,

Người sân không hiểu pháp,
Không mắt, mù mịt tối,
Là người ưa sân nhuế.
Nhuế dậy, sắc da ghê,
Như lửa mới bốc khói,
Từ đó sanh ghét ghen,
Duyên sân lại do đó.
Việc làm của người sân,
Dù thiện và bất thiện,
Sau khi cơn sân qua,
Nóng lòng như lửa đốt.
Gọi là nghiệp phiền nhiệt,
Và các pháp buộc ràng.
Tất cả Ta đã nói,
Các ngươi hãy nghe kỹ.
Người sân nghịch hại cha,
Và với cả anh em,
Cũng giết hại chị em,

Người sân nhiều tàn khốc.
Sanh ra và lớn lên,
Được thấy thế gian này,
*[**618b**] Nhờ mẹ được sống còn,*
Khi sân cũng sát hại.
Không xấu, không hổ thẹn,
Sân triền, không nói năng,
Người bị sân chế ngự,
Miệng nói không chừa gì.
Tạo tác tội nghịch si,
Để mình tự yểu mạng,
Khi làm không tự biết,
Do sân sanh sợ hãi.
Tự buộc trói thân mình,
Ái lạc không cùng cực,
Dù ái niệm tự thân,
Người sân cũng tự hại.
Hoặc tự đâm bằng dao,

Hoặc nhảy xuống hang sâu,
Hay dùng dây thắt cổ,
Uống các loại thuốc độc,
Đó là tượng sân nhuế.
Là chết bởi vì sân,
Tất cả đều dứt hết,
Dùng tuệ mới biết được.
Nghiệp bất thiện dù nhỏ,
Người trí biết liền trừ.
Nên nhẫn nại hạnh này,
Màu da không dữ dằn,
Không nhuế, cũng không ưu,
Khói tắt không cao ngạo,
Chế ngự đoạn sân nhuế,
Tịch diệt, không còn lậu."

Lược giải

Những người không có niềm tin đối với Tam Bảo, không tu tập giới, không thực hành bố thí và

không học tập để có đa văn trí tuệ. Do đó, những vị ấy đã sống với vô minh, ái và thủ vào sự tập khởi của năm thủ uẩn làm thực ngã nên tâm dẫn sinh nhiều phiền não bất thiện. Vì thế, chúng ta tu học thì cần phải nỗ lực tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu người viết đã chia sẻ ở phần kinh Thánh Đạo.

26

TRÍCH KINH THIỆN SANH[1], SỐ 135

Chánh văn

"Bạch Thế Tôn, con vâng lời trối của cha nên con cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng. Mỗi sáng sớm tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá câu-xá còn tươi đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương rằng: Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.

[1] Tương đương Pāli D.31 Siṅgālovāda-suttanta. Hán, biệt dịch No.1(16) Trường A-hàm Kinh 16 "Thiện Sinh"; No.16. Phật Thuyết Thi-ca-la-việt Lục Phương Lễ Bái Kinh, Hậu Hán, An Thế Cao dịch; No.17 Phật Thuyết Thiện Sinh Tử Kinh, Tống, Chi Pháp Độ dịch.

"Cũng như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng chúng sanh đó rồi, chúng sanh đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi."

Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy, Ngài nói rằng:

"Này con trai Cư sĩ, Ta nói có sáu phương, chớ không nói là không có. [639b]Này con trai Cư sĩ, nếu có người khéo phân biệt sáu phương, xa lìa những nghiệp ác bất thiện ở bốn phương, người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng. Sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ sanh đến thiện xứ, sanh vào cõi trời. Này con trai Cư sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, bốn loại ô uế[1]*. Những gì là bốn? Này con trai Cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh; lấy vật không được cho, tà dâm, vọng ngôn, là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh."*

---

[1] No.1(16): nghiệp kết. Pāli: cattāro kamma-kilesā, bốn phiền não, hay bốn sự ô nhiễm, của nghiệp.

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

"Sát sanh cùng trộm cắp,

Tà dâm lấy vợ người,

Lời nói không chân thật,

Bậc trí không ngợi khen.

"Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì? Đó là bị dục chi phối, bị sân hận chi phối, bị sợ hãi chi phối và bị ngu si chi phối[1]."

Rồi Đức Phật dạy tiếp bài kệ:

"Dục, nhuế, bố và si;

Hành vi ác, phi pháp,

Thanh danh tất bị diệt,

Như mặt trăng sắp tàn.

"Này con trai Cư sĩ, con người do bốn việc mà được nhiều phước. Bốn việc đó là gì? Đó là không bị dục chi phối, không bị sân hận chi phối, không bị sợ hãi chi phối và không bị ngu si chi phối."

---

[1] Hán: hành dục, hành khuể (nhuế), hành bố, hành si 行欲, 行恚, 行怖, 行癡. Pāli: chandāgatiṃ dosāgatiṃ bhayāgatiṃ mohāgatiṃ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy bài kệ:

"Đoạn dục, không nhuế, bố,
Không si, hành pháp hành;
Thanh danh được tròn đủ,
Như mặt trăng dần đầy.

"Này con trai Cư sĩ, kẻ mong cầu của cải nên biết sáu điều phi đạo[1]. Sáu điều đó là gì? Một là chơi bời cờ bạc các thứ[2] mà mong cầu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc[3] mà mong cầu tài vật là phi pháp.

Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi ác tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là quen lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp.

---

[1] Lục phi đạo 六 非 道. Pāli: cha bhogānaṃ apāya-mukhāni, sáu nguyên nhân cho sự hao tài.

[2] Hán: chủng chủng hý 種 種 戲; Pāli: jūta-ppamāda-ṭṭhānuyogo, đam mê cờ bạc.

[3] Hán: phi thời hành 非 時 行. Pāli: vikāla-visikhā-cariyānuyogo, du hành đường phố phi thời.

"Này con của vị Cư sĩ, với kẻ chơi bời bài bạc, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là, thắng[1] thì sanh oán thù. Hai là, thua thì sanh xấu hổ. Ba là, mắc nợ[2] thì ngủ không yên. Bốn là, khiến kẻ thù vui mừng. Năm là, khiến thân thuộc lo âu. Sáu là, nói giữa đám đông không ai tin dùng. Này con trai Cư sĩ, người chơi bài bạc thì làm việc không kinh doanh. Làm việc không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có được. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

"Này con trai Cư sĩ, ***[639c]*** *với người rong chơi không phải lúc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là không tự giữ mình. Hai là không giữ gìn tài vật. Ba là không giữ gìn vợ con. Bốn là bị người nghi ngờ[3]. Năm là sanh nhiều khổ hoạn[4]. Sáu là bị người hủy báng[5].*

---

[1] Trong bản Hán: phụ 負 "thua". Theo ngữ cảnh, phải hiểu "thắng".

[2] Trong bản Hán: phụ 負, ở đây nên hiểu là "mắc nợ".

[3] Pāli: saṃkiyo hoti pāpakesu ṭhānesu, bị tình nghi các trường hợp phạm tội.

[4] Nghĩa là, chuốc vào thân những chuyện rắc rối.

[5] Pāli: nạn nhân của tin đồn thất thiệt.

Này con trai Cư sĩ, người rong chơi không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng tiêu hao.

"Này con của vị Cư sĩ, với người đam mê rượu chè, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là tài sản hiện tại bị tổn thất. Hai là thân bị nhiều bệnh hoạn. Ba là đấu tranh càng tăng trưởng. Bốn là để lộ chỗ kín. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là mất trí, thành ngu. Này con của vị Cư sĩ, người đam mê rượu thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

"Này con nhà Cư sĩ, người gần gũi tri thức ác, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là thân cận giặc cướp. Hai là thân cận kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say sưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tụ hội chơi bời. Sáu là lấy đó làm

thân hữu, lấy đó làm bạn đồng hành[1]. Này con nhà Cư sĩ, người gần gũi ác tri thức thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

"Này con trai Cư sĩ, với người đam mê kỹ nhạc, nên biết có sáu món tai họa. Sáu món đó là gì? Một là mê nghe ca. Hai là mê xem vũ. Ba là mê đánh nhạc. Bốn là mê xem lắc chuông.[2] Năm là thích vỗ tay.[3] Sáu là thích tụ hội đông người. Này con nhà Cư sĩ, người đam mê kỹ nhạc không phải lúc thì việc làm không kinh doanh. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao.

---

[1] Dịch sát: dĩ thử vi thân hữu dĩ thử vi bạn lữ 以此為親友以此為伴侶; tối nghĩa. Pāli: ye sāhasikā tyāssa mittā honti, te sahāyā, "những kẻ thô bạo, thật vậy, là những người bạn, những người đồng hành của nó". Bản Hán hiểu sāhasika (thô bạo) cùng gốc với sahāya (bằng hữu).

[2] Hán: lộng linh 弄鈴, một loại nhạc cụ, chuông nhỏ cầm tay, Pl.: *pāṇissara*?

[3] Hán: phách thủ 拍手, một loại nhạc cụ, dùng tay đánh nhịp?

"Này con nhà Cư sĩ, với người lười biếng, nên biết có sáu tai họa. Sáu món đó là gì? Một là quá sớm, không làm việc. Hai là quá trễ, không làm việc. Ba là quá lạnh, không làm việc. Bốn là quá nóng, không làm việc. Năm là quá no, không làm việc. Sáu là quá đói, không làm việc. Này con nhà Cư sĩ, người lười biếng không phải lúc thì việc làm không kinh doanh được. Việc làm không kinh doanh thì công nghiệp không thành. Tài vật chưa có được thì không thể có. Tài vật [640a] đã có sẵn thì càng lúc càng bị tiêu hao."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

"Bài bạc, đuổi theo sắc,
Nghiện rượu, thích đánh nhạc,
Gần gũi ác tri thức,
Lười biếng không làm việc,
Buông lung không giữ mình;
Những thứ ấy hại người.
Tới lui không giữ gìn,
Tà dâm, lấy vợ người,

Trong tâm thường kết oán,
Cầu nguyện không có lợi,
Uống rượu, nhớ nữ sắc;
Những thứ ấy hại người.
Thường xuyên hành bất thiện,
Ngoan cố không nghe lời,
Chửi Sa-môn, Bà-la-môn,
Điên đảo có tà kiến,
Hung bạo làm nghiệp đen,
Những thứ ấy hại người.
Thiếu thốn không của cải,
Uống rượu, mất áo quần,
Mang nợ, như chìm suối,
Kẻ ấy phá họ hàng;
Thường đi đến lò rượu,
Gần gũi bằng hữu xấu,
Muốn được của không được,
Lấy bạn bè làm vui.

Có nhiều bạn hữu ác,

Thường theo bạn không lành,

Đời nay và đời sau,

Hai đời đều bại hoại.

Người làm ác giảm lần;

Làm lành lần hưng thạnh.

Tập thù thắng càng tăng.

Cho nên phải tập thắng;

Tập thắng thì được thắng;

Thường theo trí tuệ thắng.

Càng được giới thanh tịnh,

Càng an vui vi diệu.

Ngày thì ưa ngủ nghỉ,

Đêm lại thích rong chơi;

Buông lung, thường uống rượu;

Ở nhà không yên được.

Quá lạnh và quá nóng,

Đều lười biếng không làm;

Rốt cuộc không sự nghiệp,
Không kiếm ra tài vật.
Hoặc lạnh và quá nóng,
Bất kể, như ngọn cỏ.
Siêng làm việc như vậy,
Suốt đời đều an vui.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn hạng người không thân cận, tuồng như thân cận[1]. Bốn hạng người đó là gì? Một là biết việc[2], thì chẳng phải thân cận in tuồng thân cận. Hai là trước mặt nói lời dịu ngọt[3], thì chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Ba là lời nói khéo[4] thì chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn là bạn đưa đến chỗ ác thì chẳng thân cận [640b] in tuồng như thân cận.

---

[1] Pāli: *amittā mittapaṭirūpakā*, không phải bạn mà có vẻ bạn.

[2] Hán: tri sự 知事. No.1(16) úy phục. Pāli: *aññadatthuharo*, hạng người vật gì cũng lấy. Hình như, trong bản Hán, *aññad* (khác) được hiểu là *aññā*(*d*) (biết); *atthu*, động từ mệnh lệnh cách: mong nó là; được hiểu là *attha*: sự việc.

[3] Pāli: anuppiya-bhāṇī, nói ngọt, tức nịnh hót.

[4] Hán: ngôn ngữ 言語, không rõ ý. Pāli: *vacīparamo*, nói giỏi.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp nên người biết việc dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp ấy là gì? Một là do biết việc mà đoạt của. Hai là cho ít lấy nhiều. Ba là hoặc vì sợ mà làm. Bốn là hoặc vì lợi mà hùa theo."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Người lấy biết làm việc,

Nói năng rất êm dịu,

Sợ, vì lợi hùa theo,

Biết chẳng thân, tuồng thân.

Nên xa lìa kẻ ấy

Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn trường hợp, trước mặt nói lời dịu ngọt, dù chẳng thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là bày ra những việc hay đẹp. Hai là xúi làm các việc ác. Ba là trước mặt ngợi khen. Bốn là sau lưng nói việc xấu."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Nếu đặt chuyện hay ho,

Xúi làm ác bất thiện,

Đối mặt thì ngợi khen,

Sau lưng lại nói xấu;

Nếu biết hay và ác,

Và biết hai lối nói,

Dù thân, không nên thân;

Biết người ấy như vậy,

Nên xa lìa kẻ ấy;

Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp, nói khéo dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là chấp nhận việc đã qua. Hai là bàn bạc việc ngày mai[1]. Ba là dối trá không nói thật. Bốn là việc hiện tại thì hỏng; nhận nói rằng 'tôi sẽ làm' nhưng không làm."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Nhận việc qua, chưa đến;

[1] Một và hai, No.1(14): việc trước dối trá; việc sau dối trá. Pāli: *atītena paṭisamtharati anāgatena paṭisamtharati,* hoan nghinh bằng việc quá khứ... bằng việc vị lai.

Bàn suông, việc nay hỏng;

Nói làm, nhưng không làm;

Biết chẳng thân như thân;

Nên xa lìa kẻ ấy

Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn trường hợp bạn dẫn đến chỗ ác, dù chẳng phải thân cận in tuồng như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là xúi các việc bài bạc. Hai là xúi đi rong chơi không phải thời. Ba là xúi uống rượu. Bốn là xúi thân cận kẻ ác."

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Xúi đủ thứ bài bạc

Uống rượu, lấy vợ người;

Thói thấp, không vươn lên;

Nó diệt như trăng tàn.

[640c] Nên xa lìa kẻ ấy

Như đường có hiểm họa.

"Này con nhà Cư sĩ, nên biết, có bốn hạng bạn lành[1]. Những gì là bốn? Một là cùng chịu khổ vui, nên biết đó là bạn lành.

Hai là thương tưởng, nên biết đó là bạn lành. Ba là khuyên điều lợi, nên biết đó là bạn lành. Bốn là giúp đỡ, nên biết đó là bạn lành.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cùng khổ cùng vui. Bốn trường hợp đó là gì? Một là quên mình, vì bạn. Hai là quên tài sản vì bạn. Ba là quên vợ con vì bạn. Bốn là biết nghe lời."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Xả dục, tài, vợ, con,
Lời nói hay kham nhẫn;
Biết thân cùng khổ vui,
Kẻ trí nên làm thân.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà thương tưởng, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là dạy cho diệu pháp[2]. Hai là ngăn cấm

---

[1] Hán: *thiện thân* 善親. Pāli: *mittā suhadā*, bạn tâm giao.

[2] Tức pháp thiện.

ác pháp. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là khước từ oán gia[1]*."*

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Dạy lành, cản việc ác,
Khen trước mặt, tránh thù;
Biết bạn lành thương tưởng,
Kẻ trí nên làm thân.

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà cầu lợi[3]*, nên biết là bạn lành. Những gì là bốn? Một là bộc lộ việc kín ra. Hai là không che giấu việc kín. Ba là được lợi nên vui mừng. Bốn là không được lợi, không buồn."*

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Việc mật, bày không giấu;
Lợi vui; không, chẳng buồn.
Biết bạn lành cầu lợi,
Kẻ trí nên thường thân.

---

[1] Ba và bốn, bản Pāli: khuyên người nói tốt bạn; ngăn người nói xấu bạn.

[3] Tức mong điều lợi cho bạn. Pāli: *atthakkhayī.*

"Này con nhà Cư sĩ, do bốn việc mà giúp đỡ, nên biết bạn lành. Những gì là bốn? Một là biết bạn hết của cải. Hai là biết của cải hết, liền cung cấp vật. Ba là thấy buông lung nên khuyên ngăn. Bốn là thường thương tưởng."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Biết của hết, cho thêm;

Buông lung khuyên; thương tưởng.

Biết bạn lành giúp đỡ,

Kẻ trí nên làm quen.

"Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh, có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, Trên, Dưới.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. ***[641a]*** *Người con phải có năm điều thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ. Năm điều đó là gì? Một là tăng thêm của cải. Hai là cáng đáng mọi việc. Ba là dâng lên cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều dâng*

hết cha mẹ. Người con làm năm việc như trên để phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ.

"Cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cấp không thiếu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ bằng năm điều ấy mà chăm sóc các con.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con và cha mẹ. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ hiếu với cha mẹ, chắc chắn có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Đông, phương Nam có hai trường hợp phân biệt.

"Học trò đối với thầy nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo cung kính vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ, hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn là nghề nghiệp giỏi. Năm là hay thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng Sư trưởng.

"Sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nên nghề. Hai là dạy dỗ nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là đặt để ở những chỗ lành. Năm là gửi gấm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là giữa học trò và thầy. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ thuận đối với Sư trưởng, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Tây, người chồng đối với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm việc mà yêu thương, cấp dưỡng vợ. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chồng lấy năm việc để thương yêu, cấp dưỡng vợ.

"Người vợ phải lấy mười ba điều[1] khéo léo kính thuận chồng. Mười ba điều ấy là gì? Một là thương yêu kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là trông nom các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt đưa mắt hầu đợi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là [641b] không khóa kín cửa phòng. Mười là thấy đến thì ca ngợi. Mười một là trải sẵn giường mà đợi. Mười hai là bày dọn đồ ăn uống ngon lành, sạch sẽ, dồi dào. Mười ba là cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn. Người vợ lấy mười ba việc ấy để khéo léo kính trọng chồng.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ với chồng. Này con nhà Cư sĩ, nếu người từ mẫn với vợ, chắc có sự tăng ích, chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy[2]. Người chủ nhà nên

---

[1] No.1(16) và Pāli, chỉ có năm.

[2] Pāli: quan hệ bằng hữu ở phương Bắc, quan hệ chủ tớ ở phương dưới.

lấy năm điều thương mến chu cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc cho uống. Bốn là hết ngày thì cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cho thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc trên mà thương xót cung cấp cho tôi tớ.

"Tôi tớ cũng nên lấy chín điều[1] *mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì? Một là tùy thời mà làm việc. Hai là chuyên tâm vào công việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là đi phương xa thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà là dễ dãi. Tôi tớ lấy chín điều ấy khéo léo phụng sự chủ nhà.*

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là giữa chủ nhà và tôi tớ. Này con nhà Cư sĩ, nếu có người thương xót tôi tớ, chắn chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

---

[1] No.1(16) có năm.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Dưới, bằng hữu đối với bằng hữu[1] *cũng vậy. Thân hữu nên lấy năm việc để ái kính cung cấp thân hữu. Năm việc ấy là gì? Một là ái kính. Hai là không khinh mạn. Ba là không dối gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là tìm cách giúp đỡ. Thân hữu lấy năm việc trên để ái kính, cung cấp thân hữu.*

"Thân hữu này[2] *cũng lấy năm việc để nhớ nghĩ đến thân hữu. Năm việc đó là gì? Một là biết của cải hết. Hai là khi biết của cải hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy buông lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhớ. Năm là gặp hoạn nạn thì cho nương tựa. Thân hữu lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thân hữu.*

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy, phương Dưới có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong pháp luật của bậc Thánh là thân hữu đối với thân hữu vậy. ***[641c]*** *Này con nhà Cư sĩ, nếu người*

---

[1] Nguyên Hán: *thân hữu quán thân hữu thần* 親友觀親友臣. Ý muốn phân biệt người bạn này đối với người bạn kia, rồi người kia đối lại. Pāli nói rõ hơn: một thiện nam tử đối với bạn hữu, kula-puttena (....) mittāmaccā (....) và ngược lại. Hán: *thân hữu thần*, Pāli: mittāmacca, trong đó, amacca có nghĩa bằng hữu, cũng có nghĩa người phụ tá hay thần thuộc (mahāmacca: quan đại thần).

[2] *Thân hữu thần*: xem chú thích trên.

thương xót thân hữu, chắc chắn có sự tăng ích chứ không phải có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, cũng như phương Trên, thí chủ đối với Sa-môn, Bà-la-môn cũng vậy. Thí chủ nên lấy năm điều để tôn kính, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn. Năm điều đó là gì? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là trải giường mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon sạch, dồi dào, mà cúng. Năm là đúng như pháp mà hộ trì. Người thí chủ lấy năm điều trên cung kính cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn.

"Sa-môn, Bà-la-môn cũng lấy năm việc để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm việc ấy là gì? Một là dạy cho có tín, hành tín và niệm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có tuệ, hành tuệ và lập tuệ. Sa-môn, Bà-la-môn lấy năm việc ấy để nhớ nghĩ đến thí chủ.

"Này con nhà Cư sĩ, như vậy phương Trên có hai trường hợp phân biệt. Này con nhà Cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương trên là giữa thí chủ và Sa-môn, Bà-la-môn. Này con nhà Cư sĩ, nếu người

nào tôn kính cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn thì chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao.

"Này con nhà Cư sĩ, có bốn nhiếp sự[1]. Bốn việc ấy là gì? Một là huệ thí. Hai là lời nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là có lợi cùng chia[2]."

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

"Huệ thí và ái ngôn,
Thường vì người lợi hành,
Với tất cả đồng lợi,
Khắp nơi đều vang danh.
Sự này duy trì đời
Cũng như người đánh xe.
Nhiếp sự này vắng mặt,
Mẹ không nhân bởi con
Mà được kính phụng dưỡng.
Con đối cha cũng vậy.

---

[1] Nhiếp sự 攝事, bốn nhiếp pháp.

[2] Huệ thí, ái ngôn, hành lợi, đẳng lợi 惠施愛言行利等利. Pl.: *dānaṃ, peyyavajjaṃ, atthacariyā, samānattatā.*

Nếu có nhiếp sự này,
Phước hựu thật to lớn;
Chiếu soi như ánh nhật,
Tiếng tốt truyền đi nhanh.
Thông minh, không nói cộc
Như vậy, làm nên danh
Định vững, không cao ngạo;
Tiếng loan truyền đi nhanh
Thành tựu tín và giới[1],
Như vậy làm nên danh.
Hăng hái, không giải đãi;
Thường cho người uống ăn;
Dìu dắt vào nẻo chánh;
Như vậy làm nên danh.
Bạn bè cùng lân tuất,
[642a]Ái lạc có giới hạn;
Giữa người thân, nhiếp sự

[1] Thi lại 尸賴, phiên âm, Pāli: sīla.

Thù diệu như sư tử.
Học nghề, học buổi đầu,
Kiếm lợi, kiếm sau đó.
Sản nghiệp đã dựng thành,
Phân chia làm bốn phần.
Phần cung cấp ẩm thực;
Phần điền giả nông canh;
Phần kho tàng chất chứa,
Phòng khi hữu sự cần;
Gom nông tang, thương cổ,
Thu xuất, lợi một phần.
Thứ năm để cưới vợ;
Thứ sáu làm nhà cửa.
Tại gia sáu sự này,
Hưng thịnh, sống khoái lạc.
Tiền tài sẵn càng đầy,
Như nước xuôi biển cả.
Đời mưu sinh như vầy,

Như ong hút nhụy hoa;
Đời mưu sinh lâu dài,
Sống an lạc hưởng thọ.
Xuất tiền, không xuất xa;
Không tản mác tung ra.
Không thể đem tài vật
Cho hung bạo, ngoan tà.
Phương Đông là cha mẹ;
Phương Nam là tôn sư;
Phương Tây là thê tử;
Phương Bắc là nô tỳ;
Phương Dưới bằng và hữu;
Phương Trên bậc tịnh tu;
Nguyện lễ các phương ấy,
Phước đời này đời sau.
Do lễ các phương ấy,
Thí chủ sanh trời cao."

Lược giải

Mỗi người, tùy theo vị trí và mối quan hệ của mình để thực hành lời dạy của Đức Phật qua kinh Thiện Sanh. Khi chúng ta càng thực tập, thiện pháp sẽ càng tăng trưởng ở nơi tâm và dẫn sinh qua thân, khẩu. Vì thiện pháp được sinh khởi và tăng trưởng nên chúng ta sẽ gặt hái được quả lành trong đời sống của hiện tại cũng như trong những đời sống tương lai.

27

TRÍCH KINH ANH VŨ[1], SỐ 152

Chánh văn

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử kính bạch Đức Thế Tôn rằng: "Tôi lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho, tôi mới dám tỏ bày." Đức Thế Tôn bảo:

"Tùy ý, ông cứ hỏi."

"Bạch Cù-đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Bạch Cù-đàm, tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yểu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có,

[1] Bản Hán, quyển 11. Pāli, M. 99 Subhasuttaṃ.

có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí." Đức Thế Tôn trả lời:

"Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp."[1]

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch Thế Tôn rằng:

*"Sa-môn Cù-đàm nói vắn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể hiểu hết được. Mong Sa-môn Cù-đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe [**705a**] để tôi được hiểu rõ ý nghĩa." Đức Thế Tôn bảo:*

"Này Ma-nạp, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho ông nghe."

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch: "Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe." Đức Phật nói:

---

[1] Pāli (M.iii.204): *kammassakā sattā kammadāyādā kammayonī kammabandhū kammappaṭisaraṇā. kammaṃ satte vibajati yadidaṃ hīnappaṇītatāyāti.* "chúng sanh là sở hữu chủ của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp, là thai sanh của nghiệp, lấy nghiệp làm quyến thuộc, nghiệp làm sở y. Nghiệp phân biệt chúng sanh thành cao quý hay hạ liệt."

"Này Ma-nạp, do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhơn gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm tàm, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài.

Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Ma-nạp, nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nhiễu hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy thọ nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiễu hại chúng sanh.[1] *Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, người ấy không dùng tay nắm, không dùng cây đá,

---

[1] Pāli : *sattānaṃ viheṭhakajātiko hoti,* người có bẩm tính ưa bức hại chúng sanh.

không dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến hưởng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

*"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu [**705b**] có kẻ nam hay người nữ mà tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam*

hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc.[1] *Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cục cằn không nổi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không nhiều bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính, cúng dường liền sanh lòng tật đố; nếu thấy kẻ khác có của thì muốn làm

[1] Pāli: *kodhano hoti upāyāsabahulo*, người hay phẫn nộ, nhiều bực dọc.

sao của ấy được về mình. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố.[1] *Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn? Nếu có kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của, không có lòng ham muốn của ấy được về ta. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

---

[1] Pāli: *issāmanako hoti*, người có tâm tật đố, hay ganh tị.

*"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi ti tiện? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phụng thờ thì không phụng thờ, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng nhường lối thì không nhường lối,[1] đáng nhường chỗ ngồi thì không [**705c**] nhường chỗ ngồi, đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì không chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi ti tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, đại mạn.[2] Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý? Nếu có

---

[1] Pāli: *maggārahassa na maggaṃ deti*.

[2] Pāli: *thaddho hoti atimānī*, cao ngạo, kiêu mạn.

kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, đại mạn, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chắp tay hướng về lễ bái thăm hỏi thì chắp tay hướng về lễ bái thăm hỏi. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian nhằm dòng dõi tôn quý. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không kiêu ngạo, đại mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy

tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, không có của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không biết làm người thí chủ, không thực hành bố thí.[1] *Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.*

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí. Người ấy bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa tới xin những thứ như đồ, ăn thức uống, áo quần, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có

[1] Pāli: *na dātā hoti*, không phải là người cho, không phải là người hay bố thí.

nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào làm người chủ bố thí, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

*"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà [**706a**] kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo nghĩa, rằng: 'Thưa Chư Tôn, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào là đen? Trắng đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào?' Giả sử có hỏi nhưng không chịu thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, nghĩa là kẻ nam hay người nữ ấy không*

có thường đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

"Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩa, rằng: 'Thưa Chư Tôn, thế nào là nghiệp thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào?' Hỏi xong lại thường thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

*"Ma Mạp nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoản thọ, tất chịu đoản thọ. Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh. Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh. Tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với oai đức, tất được oai đức. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi ti tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi ti tiện. Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý. Tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị [**706b**] trí tuệ kém cỏi. Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp.*

"Này Ma-nạp, đó là những điều Ta đã nói từ trước rằng: 'Chúng sanh do hành nghiệp của

chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp."

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu! Thế Tôn, nay con tự quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Kể từ ngày nay, trọn đời tự quy y cho đến tận mạng. Bạch Đức Thế Tôn, bắt đầu ngày nay, mong Ngài vào nhà Đô-đề như vào nhà Ưu-bà-tắc khác tại Xá-vệ, để cho nhà Đô-đề được lợi nghĩa, được lợi ích an ổn, khoái lạc lâu dài[1]*."*

Lược giải

Nhân - duyên - quả là một sự thật. Do đó, nếu chúng ta tạo bất thiện nghiệp thì sẽ thọ quả khổ đau. Còn nếu chúng ta tạo thiện nghiệp thì sẽ thọ quả vui. Vì vậy, trong đời hiện tại này, chúng ta tu học thì cần phải tu tập để điều phục, đoạn trừ các bất thiện pháp và phát triển các thiện pháp. Để làm

[1] No.79 kết luận, Phật nói: Đời sau ai nghe kinh này mà lông dựng đứng, nước mắt chảy sẽ được gặp Phật Di-lặc trong tương lai.

được như vậy, chúng ta cần phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế bao gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở kinh Thánh Đạo.

28

TRÍCH KINH BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG[1], SỐ 154

Chánh văn

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo rằng:

"Này Bà-tư-tra, có một lúc tất cả thế gian này đều hoại diệt. Khi thế gian này hoại, các chúng sanh sanh lên cõi trời Hoảng dục[2]; ở trong cõi ấy, sắc vi diệu, do ý hóa sanh. Tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm món ăn, tự thân phát sáng, bay lên hư không, sống lâu trong tịnh sắc[3].

---

[1] Bản Hán, quyển 39. Pāli, D.27 Agaññasuttanta. Hán, biệt dịch, Trường A-hàm 5, "Kinh Tiểu Duyên"; No.10 Phật Thuyết Bạch Y Kim Tràng Nhị Bà-la-môn Duyên Khởi Kinh, Tống, Thi Hộ dịch.

[2] Hoảng dục thiên 晃 昱 天. Pāli: Ābhassara. cũng dịch là Quang âm thiên, hay Cực quang thiên.

[3] Pāli: subhaṭṭhāyin, sống trong phước lạc thuần tịnh.

"Này Bà-tư-tra, trong một thời gian quả đất này tràn ngập nước[1]*, do gió thổi qua và khuấy động trên mặt nước đóng lại một lớp tinh, hòa hiệp giống như sữa chín đóng váng và đông lại thành một lớp tinh. Cũng vậy, Bà-tư-tra, có một thời gian quả đất này tràn ngập nước, do gió thổi và khuấy động, trên mặt nước đông lại và hợp tụ hòa hợp thành một lớp tinh, từ đó sanh ra vị của đất*[2]*, có sắc, có hương vị. Sắc nó như thế nào? Giống như sắc của sanh tô, và sắc của thục tô. Và vị của nó như thế nào? Như vị mật ong.*

"Này Bà-tư-tra, có một thời gian khi thế giới này trở lại thời kỳ thành lập, có những chúng sanh, sanh trên cõi trời Hoảng dục, tuổi thọ hết, nghiệp hết, phước hết, mạng chung, sanh trở lại làm người, sanh vào thế gian này, cũng với sắc tướng thù diệu và do hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ lạc làm thức ăn, tự thân phát sáng, bay trong hư không, sống lâu dài trong tịnh sắc.

---

[1] Bản Pāli: ekodakī-bhūtaṃ… andhakāro andhakāra-timisā, chỉ toàn nước, một màu đen sẫm, tối tăm.

[2] Pāli: rasa-paṭhavī, vị đất, hay đất dưới dạng dịch vị (thể lỏng).

"Này Bà-tư-tra, bấy giờ ở trong thế giới đó không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng hay nửa tháng, không có ngày giờ, không có năm. Này Bà-tư-tra, ngay vào lúc đó, không có cha, không có mẹ, không có trai hay gái, lại cũng không có chủ nhân và tôi tớ, chỉ một loại chúng sanh như nhau mà thôi. Rồi có một chúng sanh tham ăn, không liêm khiết, đã nghĩ như thế này: 'Vị của đất như thế nào? Ta thử dùng ngón tay móc một ít đất này nếm thử.' Khi ấy, chúng sanh này bèn dùng ngón tay móc đất đó mà nếm thử. Như vậy, chúng sanh đã biết vị của đất. Người ấy lại muốn được ăn. Bấy giờ chúng sanh đó lại nghĩ như thế này: 'Sao lại phải nếm vị của đất bằng ngón tay cho nhọc sức. Ta hãy dùng bàn tay vốc lấy vị đất này mà ăn.' Khi đó chúng sanh này bèn dùng tay vốc lấy vị đất này mà ăn.

"Trong số các chúng sanh kia lại có những chúng sanh khác thấy các chúng sanh này mỗi người dùng tay vốc lấy vị đất mà ăn, bèn nghĩ như thế này: 'Cái này thật là hay, cái này thật là khoái, chúng ta có thể dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn.' Rồi các chúng

sanh liền dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn. Khi họ đã dùng tay vốc lấy vị đất này để ăn như vậy và như vậy, thân họ trở thành dày, trở thành nặng, thành cứng. Nếu trước kia họ có sắc thanh tịnh, thì lúc ấy bị mất, tự nhiên sanh ra tối tăm.

"Này Bà-tư-tra, pháp của thế gian tự nhiên có điều này: nếu sự tối tăm đã sanh ra, thì mặt trời, mặt trăng tất xuất hiện. Mặt trời, mặt trăng đã xuất hiện, thì các tinh tú cũng xuất hiện; tinh tú xuất hiện, tức thì thành ngày đêm, thành ngày đêm rồi, thì liền có một tháng hay nửa tháng có ngày giờ và có năm. Họ ăn vị của đất và sống đời rất lâu.

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào ăn nhiều vị của đất, thì sắc da thành xấu, nếu ăn ít vị của đất thì sắc da đẹp; từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân màu sắc hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh có những lời khinh mạn lẫn nhau, 'Sắc da của ta hơn, sắc của ông không bằng.' Nhân màu sắc hơn kém mà sanh ra sự khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền mất. Khi vị của đất đã mất, các chúng sanh kia liền tụ tập nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: 'Hỡi ôi vị đất! Hỡi ôi vị đất!'

Cũng như người đời nay ngậm tan vật ngon; chúng không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa[1]. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

"Này Bà-tư-tra, sau khi vị của đất mất, chất béo của đất[2] có sắc, hương, vị sanh ra cho các chúng sanh kia. Sắc nó như thế nào? Như sắc của sanh tô và thục tô. Vị như thế nào? Như vị của mật ong. Chúng sanh kia ăn chất béo của đất này mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu dài.

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào ăn chất béo của đất nhiều thì sắc da xanh xấu, người ăn chất béo của đất ít thì có sắc da đẹp, từ đó có sự phân biệt hơn kém về sắc da. Nhân màu sắc có hơn kém cho nên mỗi mỗi chúng sanh cùng nói nhau lời khinh mạn: 'Sắc của ta hơn, sắc của ông không bằng.' Do sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp,

---

[1] Pāli: tad eva porāṇaṃ aggaññaṃ akkharaṃ anupatanti, na tv ev' assa atthaṃ ājānanti, chúng nói theo văn tự ấy của thượng cổ, mà không biết ý nghĩa của nó.

[2] Hán: địa phì 地肥. Pāli: bhūmi-pappaṭaka, một thứ bánh (sữa bò trộn với gạo) của đất. No.1(5) dịch là địa bính 地餠. Bà-la 婆羅. Pāli: badālatā, một loại dây leo hay bò. No.1(5) dịch là lâm đằng 林藤, dây sắn, hay dây leo rừng.

cho nên chất béo của đất liền tiêu mất. Khi chất béo của đất tiêu mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: 'Hỡi ơi chất béo của đất! Hỡi ơi chất béo của đất!' Cũng như người đời nay bị người khác mắng; chúng không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa[1]. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

"Này Bà-tư-tra, sau khi chất béo của đất tiêu mất, một loại bà-la[2] có sắc, có hương vị sanh ra cho các chúng sanh kia. Sắc nó như thế nào? Như sắc hoa đàm. Vị nó như thế nào? Như vị mật ong tinh chất. Họ ăn dây bà-la này mà tồn tại ở thế gian trong thời gian lâu dài.

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào ăn bà-la nhiều thì sắc da thành xấu, người ăn ít bà-la thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu da. Nhân sắc có hơn kém, cho nên mỗi mỗi chúng sanh nói lời khinh mạn với nhau rằng: 'Sắc ta hơn,

---

[1] Xem chú thích 1 trang 239.

[2] Bà-la 婆 羅. Pāli: badālatā, một loại dây leo hay bò. No.1(5) dịch là lâm đằng 林 藤, dây sắn, hay dây leo rừng.

sắc ông không bằng.' Nhân sắc có hơn kém mà sanh khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền diệt mất. Khi bà-la đã diệt mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: 'Hỡi ơi bà-la! Hỡi ơi bà-la!' Cũng như người đời nay bị người khác mắng; chúng không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa. Sự quán sát ý nghĩa cũng được nói như vậy.

"Này Bà-tư-tra, sau khi bà-la diệt mất, loại nếp tự nhiên[1] sanh ra cho các chúng sanh kia. Trắng tinh, không vỏ cũng không có cám, trấu; dài bốn tấc. Sớm mai cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh; lúa chín có vị muối, không có mùi sống. Chúng sanh ăn loại nếp tự nhiên này. Sau khi họ ăn nếp tự nhiên này, tức thì sanh ra sự khác nhau về thân hình. Hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con trai, hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con gái. Sau khi các chúng sanh này trở thành hình trai và hình gái, họ thấy nhau bèn nói như thế này: 'Ôi, ác chúng sanh ra đời! Ác chúng sanh ra đời!'

---

[1] Tự nhiên canh mễ 自 然 粳 米. Pāli: akaṭṭhapāko sāli, thứ thóc lúa tự chín, không cần canh tác.

"Này Bà-tư-tra, ác chúng sanh đó là nói người đàn bà. Khi chúng sanh kia đã trở thành hình trai và hình gái, thì họ nhìn ngắm nhau. Nhìn ngắm nhau rồi, nhìn kỹ nhau bằng mắt; mắt nhìn kỹ rồi, thì họ nhiễm nhau; nhiễm nhau rồi, liền sanh bứt rứt; bứt rứt rồi thì ái trước nhau; ái trước nhau rồi, họ làm chuyện dâm dục. Nếu họ bị bắt gặp trong lúc hành dục, người ta bèn dùng cây, đá, hoặc dùng gậy, đất cục mà đánh, ném, và nói như thế này: 'Ôi, bọn họ xấu xa, làm việc phi pháp! Tại sao chúng sanh làm chung nhau chuyện như vậy?' Cũng như người thời nay khi rước vợ mới người ta rải hoa, hay buông rũ những tràng hoa và nói như thế này: 'Chúc cô dâu bình an! Chúc cô dâu bình an!'[1] *Đó là việc mà xưa kia thì người ta ghét, còn nay thì người ta yêu.*

"Này Bà-tư-tra, cũng có chúng sanh ghét pháp bất tịnh, ghê tởm, sỉ nhục, hổ thẹn, người đó liền xa

[1] Trong bản Pāli: bị những người khác ném tro, bùn đất, hay phân bò và nhiếc mắng.

đám đông[1] *từ một ngày, hai ngày, đến sáu bảy ngày, nửa tháng, một tháng cho đến một năm.*

"Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào muốn làm việc bất tịnh này thì người ấy bèn làm nhà và nói như thế này: 'Ta làm chuyện xấu trong này! Ta làm chuyện xấu trong này!' Này Bà-tư-tra, đó là nhân duyên đầu tiên trong thế gian có pháp dựng nhà. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người[2]*.*

"Ở đây, có một chúng sanh lười biếng. Người ấy nghĩ như thế này: 'Tại sao ta phải mỗi bữa đi lấy nếp tự nhiên? Sao ta không lấy luôn cho đủ ăn một ngày?' Người ấy bèn gom lấy gạo ăn cho một ngày. Khi ấy, có một chúng sanh khác nói với người ấy rằng: 'Này chúng sanh, ông đi lấy gạo với tôi chăng?' Vị ấy trả lời: 'Tôi đã gom đủ. Ông đi lấy một mình vậy.'

---

[1] Trong bản Pāli, những con người hành dâm đầu tiên bị cộng đồng xa lánh.

[2] Pāli: dhammo hi… seṭṭho jane tasmiṃ diṭṭhe c' eva dhamme abhisamparāyañ ca, "Pháp là tối thượng trong đời, trong hiện tại và trong đời sau".

"Chúng sanh kia nghe rồi, liền nghĩ như thế này: 'Thật là hay, thật là khoái! Ta cũng có thể lấy luôn gạo ăn cho ngày mai chăng?' Người này bèn lấy luôn gạo cho ngày mai.

"Lại có một chúng sanh khác nói với người này rằng: 'Này chúng sanh! Ông hãy đi lấy gạo với tôi chăng?' Chúng sanh kia đáp: 'Tôi đã lấy luôn gạo cho ngày mai, ông đi một mình vậy.' Chúng sanh này nghe rồi, bèn nghĩ như thế này: 'Thật là hay, thật là khoái! Ta nay nên lấy gạo ăn luôn trong bảy ngày.' Khi chúng sanh này lấy loại lúa tự nhiên tích tụ rất nhiều; lúa nếp được cất bèn sanh ra vỏ và cám, cắt lấy cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ và cám. Cắt đến đâu, chỗ ấy không còn mọc trở lại nữa.

"Bấy giờ, các chúng sanh mới cùng nhóm họp, khóc lóc não nề mà nói thế này: 'Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác, bất thiện; bọn chúng ta cất chứa gạo để lâu. Vì sao? Bởi lẽ, chúng ta trước kia có sắc tướng thù diệu, và do ý hóa sanh; tất cả chi tiết và các căn đều đầy đủ, dùng hỷ làm thức ăn, tự nhiên chói sáng, bay trong hư không, sống lâu dài với tịnh sắc. Chúng ta sanh ra vị của đất có sắc, hương, vị.

Sắc như thế nào? Như sắc của sanh tô và thục tô. Vị thế nào? Vị như mật ong. Chúng ta ăn vị của đất và tồn tại trong một thời gian lâu dài. Chúng ta nếu ăn nhiều vị của đất, sắc da thành xấu. Người ăn vị của đất ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân màu sắc hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Nhân sắc có hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền tiêu mất. Sau khi vị của đất tiêu mất, loại chất béo của đất, có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào? Như sắc của sanh tô, thục tô. Vị như thế nào? Vị như mật ong. Chúng ta ăn chất béo của đất mà tồn tại ở thế gian trong một thời gian lâu dài. Người nào ăn chất béo của đất nhiều thì sắc da thành xấu; người ăn chất béo của đất ít thì sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Vì sắc có hơn kém, cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Vì sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên chất béo của đất liền tiêu mất. Sau khi chất béo của đất tiêu mất, loại bà-la, có sắc, hương, vị sanh ra cho

chúng ta. Sắc như thế nào? Sắc như hoa đàm. Vị như thế nào? Như vị mật ong tinh chất. Chúng ta ăn bà-la mà tồn tại ở thế gian lâu dài. Người nào nếu ăn bà-la nhiều, thì sắc da thành xấu, người ăn bà-la ít, thì có sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân sắc có hơn kém cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: 'Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.' Nhân sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liền tiêu mất. Sau khi bà-la mất, loại nếp tự nhiên sanh ra cho chúng ta, trắng tinh, không vỏ, cũng không cám, trấu, dài bốn tấc, sáng cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh, lúa chín có chất muối, không có mùi sống. Chúng ta ăn nếp tự nhiên kia. Khi chúng ta tích tụ loại nếp tự nhiên rất nhiều; nếp lúa được cất liền sanh vỏ, cám, cắt cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ, cám; cắt đến đâu, chỗ đó không còn mọc trở lại nữa. Vậy chúng ta phải làm thành ruộng và cắm mốc chăng?'

"Rồi các chúng sanh ấy làm ruộng, gieo giống và cắm mốc. Trong khi đó có một chúng sanh đã có lúa của mình, còn vào ruộng người khác mà lấy

trộm lúa. Người chủ ruộng thấy vậy bèn nói như thế này: 'Chao ôi! Chúng sanh xấu ác đã ra đời! Tại sao ngươi làm như vậy? Ngươi có lúa của ngươi mà còn vào ruộng của người khác lấy trộm lúa; hãy đi đi. Về sau đừng làm như vậy nữa.' Song chúng sanh kia vẫn đi lấy trộm lúa của người khác hai ba lần nữa. Người chủ ruộng cũng hỏi hai ba lần, thấy rồi, liền nắm tay thoi chúng sanh kia, lôi đến chỗ đông người và nói với mọi người rằng: 'Chúng sanh này có lúa của nó mà còn vào ruộng tôi lấy trộm lúa tôi.' Chúng sanh kia cũng nói với mọi người rằng: 'Chúng sanh này nắm tay tôi, thoi tôi, lôi tôi đến chỗ đông người.' Khi ấy, các chúng sanh kia cùng nhau nhóm họp, khóc lóc não nề và nói như thế này: 'Chúng ta sanh pháp ác bất thiện, đó là phải giữ ruộng vậy. Vì sao? Vì gìn giữ ruộng, cho nên mới cùng nhau tranh tụng, có mất mát, kiệt tận, có nói chuyện nhau bằng lời, có thoi nhau bằng nắm tay. Trong số đông này chúng ta hãy cử ra một người đoan chánh, có hình sắc rất đẹp đẽ, lập làm điền chủ. Nếu người nào đáng quở trách thì phải để cho ông ấy quở trách. Nếu người nào đáng đuổi thì để cho ông ấy đuổi.

Còn lúa bọn chúng ta thu được thì nên theo đúng như pháp chở đến cho ông ấy.'

"Khi ấy trong số chúng sanh kia có một người đoan chánh, hình sắc đẹp đẽ đệ nhất, họ bèn cử ra, lập làm điền chủ. Nếu có ai đáng quở trách thì ông ấy quở trách; nếu có ai đáng đuổi, thì ông ấy đuổi. Nếu có lúa thì họ đúng như pháp chở đến cho điền chủ. Điền chủ đó tức là Sát-lợi[1]. Làm cho chúng sanh hoan lạc đúng như pháp, thủ hộ và hành giới là vua[2]. Vua được gọi là vua vậy.

"Này Bà-tư-tra, đó la nhân duyên đầu tiên của dòng Sát-lợi trong thế gian. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

"Khi ấy, có chúng sanh cho rằng sự thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, liền từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự[3], làm nhà lá

---

[1] Định nghĩa từ sát-đế-lị; Pāli: khettānaṃ patīti…khattiyo, "Khattiya (sát-đế-lị), là người chủ của ruộng đất". Pāli: dhammena pare rañjetiit… rājā, "Vua, là người đúng như pháp mà làm vui lòng mọi người".

[2] Định nghĩa từ vua, trong Pāli, từ rājā (vua) được nói là xuất xứ từ động từ rañjeti, làm vui lòng.

[3] Pāli: araññāyatane, trong khu rừng vắng.

để ở và học Thiền. Người ấy từ chỗ vô sự, mỗi buổi sáng vào thôn ấp hay vương thành mà khất thực. Số đông chúng sanh kia thấy vậy liền bố thí cho, cung kính, tôn trọng và nói như thế này: 'Chúng sanh này cho rằng thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, nên đã từ bỏ thủ hộ, nương nơi vô sự làm nhà lá để ở và học Thiền. Này chư Tôn, người này đã xả bỏ sự gây hại, pháp ác, bất thiện.' Đó là Phạm chí. Do đó, Phạm chí được gọi là Phạm chí vậy[1].

"Chúng sanh kia học Thiền mà không đắc Thiền, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không đắc viễn ly, học nhất tâm mà không đắc nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn, liền bỏ chỗ vô sự, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Các chúng sanh kia thấy vậy, bèn không bố thí, không cung kính, tôn trọng nữa và nói như thế này: 'Chúng sanh này trước kia coi thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là

---

[1] Định nghĩa ngữ nguyên của từ Bà-la-môn; Pāli: pāpake akusale dhamme bāhentīti... brāhmaṇā, "Bà-la-môn là những người loại bỏ pháp ác bất thiện". Từ brāhmaṇa được giải thích là do động từ bāheti: loại bỏ, tống khứ.

mũi tên đâm, bèn từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự, làm nhà lá để ở và học Thiền, nhưng không thể đắc Thiền, học khổ hạnh mà không đắc khổ hạnh, học viễn ly mà không được viễn ly, học nhất tâm mà không được nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn liền bỏ nơi vô sự, trở về thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Này chư Tôn, người này lại học sự bác văn, không học Thiền nữa. Bác văn do đó được gọi là bác văn vậy[1].

"Này Bà-tư-tra, đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Phạm chí trong thế gian. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

"Bấy giờ, các chúng sanh khác, mỗi người đến mỗi phương mà làm ruộng; người thì đi về phương này mà làm nghề làm ruộng; người thì đi về phương kia mà làm nghề làm ruộng. Đó là dòng Phệ-xá.

---

[1] Pāli, định nghĩa ajjhāyaka, hạng người có học thức: na dān' ime jhāyantī i.. ajjhāyaka, "Họ không tu thiền, nên gọi họ là ajjhāyaka". Theo ngữ nguyên này, ajjhāyaka (người bác văn) là do động từ jhāyati, tu thiền.

"Này Bà-tư-tra, đây là nhân duyên đầu tiên có dòng Phệ-xá trong đời. Đó là trí bậc nhất kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người.

"Này Bà-tư-tra, khi thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư[1]*. Tại sao trong thế gian có ba chủng tánh này rồi liền biết có dòng Sa-môn thứ tư? Trong dòng tộc Sát-lợi có những thiện nam tử hay tự quở trách mình, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình học đạo, và suy nghĩ thế này: 'Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh.' Người ấy bèn làm Sa-môn, tu Phạm hạnh. Thiện nam tử trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá cũng vậy, cũng tự quở trách, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cũng nghĩ như thế này: 'Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh,' bèn làm Sa-môn và tu Phạm hạnh.*

[1] Trong bản Pāli, giai cấp thứ tư là suddā (Thủ-đà-la).

"Này Bà-tư-tra, như vậy, trong thế gian khởi lên ba chủng tánh này rồi, thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư."

Lược giải

Trên lộ trình tu học Phật pháp, đoạn kinh văn trên thật sự rất cần thiết và lợi ích để giúp mỗi chúng ta có thể nhìn nhận đúng đắn về sự hình thành y báo (vũ trụ) và chánh báo (con người…) của chúng sinh trong các giới loại. Qua đó, chúng ta biết rằng sự hình thành y báo và chánh báo chính là do nghiệp thiện ác của chúng ta và tất cả chúng sinh ở nơi mỗi quốc độ. Vì vậy, trong đời sống hiện tại này, những người nam hay người nữ nào tạo nghiệp cực ác có nghĩa là đang hỗ trợ cho sự hình thành y báo thuộc các cõi khổ. Sau khi xả báo thân thì những vị ấy sẽ sinh vào các cõi khổ đó để thọ quả. Còn những thiện nam, thiện nữ nào có tín tâm với Tam Bảo, rồi phát tâm thực tập năm giới có nghĩa là đang hỗ trợ cho sự hình thành y báo thuộc các cõi người. Sau khi xả báo thân thì những vị ấy sẽ sinh về các cõi đó để thọ quả. Những hành giả thực tập

mười thiện pháp cho đến bốn mươi thiện pháp nghĩa là đang hỗ trợ cho sự hình thành y báo thuộc các cõi trời Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân, những vị ấy sẽ sinh lên các quốc độ đó để thọ quả. Những hành giả tu tập đạt được định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền có nghĩa là đang hỗ trợ cho sự hình thành y báo thuộc các cõi trời Sắc giới. Sau khi xả báo thân thì những vị ấy sẽ sinh lên các quốc độ đó để thọ quả. Những hành giả tu tập đạt được các định tâm như Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ có nghĩa là đang hỗ trợ sự hình thành y báo thuộc các cõi trời Vô sắc giới. Sau khi xả báo thân thì những vị đó sẽ sinh lên các quốc độ ấy để thọ quả. Những hành giả tu tập thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm có nghĩa là đang hỗ trợ để hình thành y báo thuộc các cõi trời Dục giới. Sau khi xả báo thân thì các ngài sẽ sinh lên các quốc độ đó để thọ quả. Những bậc thánh giả tu tập đạt được bậc thánh A-na-hàm có nghĩa là đang hỗ trợ cho sự hình thành y báo thuộc cõi Ngũ tịnh cư thiên. Sau khi xả báo thân thì các

Ngài sẽ sinh lên các quốc độ ấy để thọ quả. Còn các bậc thánh giả A-na-hàm tu tập thành tựu những bậc thánh giả A-la-hán có nghĩa là đang hỗ trợ cho sự hình thành y báo thuộc quốc độ của chư Phật. Do đó, sau khi xả báo thân thì các Ngài sẽ sinh lên các quốc độ đó để thọ quả.

29

TRÍCH KINH TU-ĐẠT-ĐA[1], SỐ 155

Chánh văn

Một thời Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt-đa[2] đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

"Gia đình của Cư sĩ có thực hành hạnh bố thí chăng?

Cư sĩ trả lời:

"Dạ có, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí. Nhưng chỉ bố thí những thức thô xấu, không được

[1] Pāli, A.9.20 Velāma. Hán, tham chiếu, No.72-No.74; No.125(27.3).

[2] Tu-đạt-đa 須達哆; tên thật của ông ấp Cô Độc 給孤獨. Pāli: Sudatta.

mỹ diệu, như cơm lẫn với cám, canh lá gai, chỉ có một miếng gừng, một lá rau." Đức Thế Tôn bảo:

"Này Cư sĩ, dù bố thí những thức thô xấu, hay bố thí những thức mỹ diệu, thảy đều có quả báo. Nhưng này Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu, không tín mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn[1] được nhà đẹp, không muốn được xe cộ đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

"Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức thô xấu nhưng có tín mà bố thí, có tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe cộ đẹp, muốn được áo

[1] Hán: bất dục 不欲. Pāli: *na cittaṃ namati*, không hướng tâm đến.

chăn đẹp, muốn được đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.

*"Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, không tín mà bố thí, không cố tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, [**677b**] không muốn được xe cộ đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm mà hành bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.*

"Này Cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu, lại có tín mà bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí, thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe cộ đẹp, muốn áo chăn đẹp, muốn đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức

tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này Cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế."

Lược giải

Những người có tín tâm đối với Tam Bảo và những người không có tín tâm đối với Tam Bảo mà thực hành bố thí như tiền bạc, dược liệu trị bệnh, gạo, sữa, dầu, thức ăn thức uống, giường nệm, áo chăn, nhà cửa, ruộng vườn… cho những người khác thì đều có quả báo. Tuy vậy, quả báo của những người có tín tâm đối với Tam Bảo mà thực hành hạnh bố thí và lại khởi tâm để hồi hướng thì sẽ thù thắng, tốt đẹp hơn những người không có tín tâm đối với Tam Bảo mà thực hành bố thí và không khởi tâm để hồi hướng. Chính vì thế, mỗi khi chúng ta thực hành bố thí (tài thí, pháp thí) dù ít hay nhiều thì cần phải khởi tâm hồi hướng để mong cầu thành tựu những quả báo tốt đẹp. Nhờ vậy, chúng ta mới gặt hái được những quả báo tốt đẹp theo ý muốn của chính mình.

30

TRÍCH KINH A-LAN-NA[1], SỐ 160

Chánh văn

"Lại nữa, Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử:

*"'Này các Ma-nạp ma, giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu. [**863b**] Cũng vậy, này Ma-nạp ma, sanh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'*

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"'Này các Ma-nạp ma, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoạt hiện thoạt biến; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng

[1] Pāli, tham chiếu, A. 7. 70. Araka; A. 7. 69. Suneta.

như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn rất lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"'Này các Ma-nạp ma, giống như cây gậy ném xuống nước, nó sẽ trồi trở lên rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như cây gậy ném xuống nước, trồi lên rất nhanh, rất khó giữ được rất ít, quá ít vị ngọt, mà tai hoạn, khổ đau lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"'Này các Ma-nạp ma, giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng người cũng như miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn rất nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"–'Này các Ma-nạp ma, giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trói dẫn đến dưới cây nêu để sát hại, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống;

cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

*"Tôn sư A-lan-na [**683c**] đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:*

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; cũng vậy này Ma-nạp ma, mạng sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Này Ma-nạp ma, mạng sống con người cũng như dòng nước chảy nhanh, rất khó

giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:

"– 'Này các Ma-nạp ma, giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp ma, chúng sanh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sanh vào địa ngục, sanh vào súc sanh hay loài ngạ quỷ, hoặc sanh cõi trời, hoặc sanh cõi người. Cũng vậy, này Ma-nạp ma, mạng sống con người như trong tối mà liệng gậy xuống đất, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!'

"Này các Tỳ-kheo, các ngươi nghĩ sao, Tôn sư A-lan-na thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Các Tỳ-kheo nên biết, vị ấy chính là Ta vậy. Bấy giờ Ta tên là Tôn sư A-lan-na.

Lược giải

Đức Phật dạy: "*Mạng sống của tất cả chúng sinh hữu tình ví như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất; cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoạt hiện thoạt biến; cũng như cây gậy ném xuống nước, trồi lên rất nhanh, rất khó giữ được; giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai hoạn quá nhiều.*" Vì vậy, chúng ta cần phải tư duy sâu sắc ý nghĩa vô thường, khổ đau về mạng sống

của chúng ta và tất cả chúng sinh như vậy. Nhờ đó, chúng ta mới khởi tâm dũng mãnh tu học đạo thánh đế để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm chứng đắc diệt thánh đế.

Chánh văn

"Này các Tỳ-kheo, nay Ta là Bậc Xuất Thế, Như Lai, Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nay Ta tự làm lợi cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn, khoái lạc cho Trời và Người. Nay Ta thuyết pháp đã đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh. Nay Ta đã xa lìa sự sanh, sự già, tật bệnh, sự chết, khóc lóc, ảo não. Nay Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau.

"Này các Tỳ-kheo, nếu có người nói đúng, thì sẽ nói rằng: 'Mạng sống con người ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác; do đó cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra không thể

*không chết.' Này các Tỳ-kheo, nay nói như thế là nói đúng. Vì sao? Vì nay có ai trường thọ thì lâu lắm là một trăm tuổi, hoặc quá hơn một ít nữa mà thôi. Nếu ai trường thọ, thì sống được ba trăm mùa, một trăm mùa xuân, một trăm mùa hạ, một trăm mùa đông. Như vậy sống được một ngàn hai trăm tháng; bốn trăm tháng mùa xuân, bốn trăm tháng mùa hạ, bốn trăm tháng mùa đông. Sống một ngàn hai trăm tháng là sống hai ngàn bốn trăm nửa tháng, tám trăm mùa xuân, tám trăm mùa hạ, tám trăm mùa đông. Sống [**684c**] hai ngàn bốn trăm nửa tháng là ba vạn sáu ngàn ngày đêm; một vạn hai ngàn mùa xuân, một vạn hai ngàn mùa hạ, một vạn hai ngàn mùa đông. Sống ba vạn sáu ngàn ngày đêm là bảy vạn hai ngàn lần ăn với nghỉ ăn và bú sữa mẹ.*

"Về sự nghỉ ăn[1], đó là khổ không ăn, sân không ăn, bệnh không ăn, bận việc không ăn, đi đường

[1] Pāli: *bhattantarāya*, thực chướng ngại, sự gián đoạn hay cản trở bữa ăn.

không ăn, đến chỗ nhà vua không ăn, ngày trai không ăn, thất bại[1] *không nên ăn.*

"Này các Tỳ-kheo, đó là sự sống trong một trăm năm. Trong một trăm năm ấy với bao nhiêu mùa; với bấy nhiêu mùa có bao nhiêu tháng, với bấy nhiêu tháng nửa tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, bao nhiêu ngày đêm, bao nhiêu lần ăn, bao nhiêu lần nghỉ ăn, bao nhiêu lần ăn và nghỉ ăn.

"Này các Tỳ-kheo, như một Tôn sư khởi tâm đại bi đoái tưởng, xót thương, mưu cầu thiện lợi ích, an ổn khoái lạc cho đệ tử; sự việc ấy Ta đã làm xong. Các ngươi hãy nên làm như vậy: Hãy đến nơi rừng vắng, nơi rừng sâu núi thẳm, hay dưới gốc cây, nơi yên tĩnh an ổn mà tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, luôn luôn tinh tấn, đừng để hối hận về sau.

Đó là lời khuyến giáo của Ta. Đó là huấn thị của ta."

---

[1] Hán: bất đắc giả bất thực 不得者不食. Pāli: *alābhakena,* do không được lợi lộc nên không ăn.

Lược giải

Đức Phật dạy: *"Mạng sống của chúng ta rất ngắn ngủi và mong manh dễ tan vỡ ví như hạt sương mai trên ngọn cỏ, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoạt hiện thoạt biến, nếu có ai trường thọ thì lâu lắm là một trăm tuổi."* Vì thế, chúng ta cần phải tu tập tất cả thiện pháp. Thiện pháp bao gồm thiện pháp hữu lậu và thiện pháp vô lậu. Trong đó, thiện pháp hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn thiện pháp vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu nhằm đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

31

KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN[1], SỐ 165

Chánh văn

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại thành Vương xá, trong rừng Trúc, vườn Ca-lan-đa[2].

Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề[3] cũng đi trú ở thành Vương xá, tại Ôn tuyền lâm[4].

---

[1] Tương đương Pāli, M.133 Mahā-Kaccānabhadhekaratta-sutta. Hán tham chiếu, No.77 Phật Thuyết Tôn Thượng Kinh, Tây Tấn, Trúc Pháp Hộ dịch.

[2] Bản Pāli nói tại Tapodārāna, cũng trong Rājagaha (Vương xá), xem thêm chú thích (4) ở sau.

[3] Tam-di-đề 三彌提. Pāli: Samiddhi, thuộc một gia đình phú hào tại Vương xá.

[4] Ôn tuyền lâm 溫泉林. Pāli: Tapodārāma (tinh xá Ôn tuyền), ở cạnh hồ Ôn tuyền (Tapodā), dưới chân núi Vebhāra, ngoài thành Vương xá.

Bấy giờ, đêm gần tàn, trời sắp sáng, Tôn giả Tam-di-đề từ phòng bước ra, đi đến Ôn tuyền, cởi y để trên bờ rồi xuống hồ Ôn tuyền tắm. Sau khi tắm xong, Tôn giả lên bờ lấy khăn lau mình và mặc y vào.

Bấy giờ có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhắm lúc trời sắp rạng đông, đi đến Tôn giả Tam-di-đề, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả Tam-di-đề rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn tuyền.

Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với Tôn giả Tam-di-đề rằng:

"Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế[1] chăng?

Tôn giả Tam-di-đề trả lời vị thiên thần kia rằng:

"Tôi không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế." Rồi Tôn giả hỏi lại thiên thần:

---

[1] Bạt-địa-la-đế 跋地羅帝. Pāli: Bhaddekaratta: một đêm hạnh phúc, nhất dạ hiền giả.

"Nhưng ngài có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng?" Thiên thần trả lời:

"Tôi cũng không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế." Tôn giả Tam-di-đề lại hỏi vị thiên thần kia:

"Ai thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế?" Thiên thần kia đáp:

"Đức Thế Tôn đang trú trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ, hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này." Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân của Tôn giả Tam-di-đề, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó.

Sau khi thiên thần biến mất không lâu, Tôn giả Tam-di-đề đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay khi trời sắp rạng đông, con ra khỏi phòng, đi đến Ôn tuyền, cởi y để trên bờ rồi xuống hồ Ôn tuyền tắm. Sau khi tắm xong, lên bờ lấy khăn lau mình và mặc y vào. Bấy giờ có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhắm lúc trời sắp rạng đông, đi đến con, cúi đầu đảnh lễ con rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn tuyền. Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với con: 'Này Tỳ-kheo, thầy có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng?' Con trả lời vị thiên thần kia rằng: 'Tôi không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế.' Rồi con hỏi lại thiên thần: 'Nhưng ngài có thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng?' Thiên thần trả lời: 'Tôi cũng không thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế.' Con lại hỏi vị thiên thần kia: 'Ai thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế?' Thiên thần kia đáp: 'Đức Thế Tôn đang trú trong thành Vương xá này, tại Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa. Chính Ngài thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp có nghĩa, là căn bản của phạm hạnh, hướng đến trí tuệ,

hướng đến giác ngộ và hướng đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.' Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân con, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó." Đức Thế Tôn hỏi rằng:

"Này Tam-di-đề, ngươi có biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng?" Tôn giả Tam-di-đề đáp rằng:

"Bạch Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết tên gì."

Đức Thế Tôn bảo:

"Này Tam-di-đề, vị thiên thần kia tên là Chánh Điện[1], làm tướng quân ở cõi trời Tam thập tam thiên."

Khi ấy, Tôn giả Tam-di-đề bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho

[1] Chánh Điện 正 殿. Bản Pāli không nhắc đến vị thiên thần này.

Tỳ-kheo bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ ghi nhớ kỹ." Đức Thế Tôn bảo:

"Này Tam-di-đề, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ nói cho ông nghe." Tôn giả Tam-di-đề bạch:

"Xin vâng, bạch Thế Tôn!"

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời chỉ giáo mà lắng nghe.

Đức Thế Tôn đọc bài tụng:

"Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;
Tương lai cũng chớ mong cầu.
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư.
Niệm niệm mong manh không chắc,
Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;

Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

Như vậy thực hành tinh tấn,

Ngày đêm không chút biếng lười.

Vì vậy phải thường tụng đọc

Bạt-địa-la-đế kệ này."

Sau khi nói bài kệ như vậy, Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất mà tĩnh tọa.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: "Này chư Hiền, nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt lời dạy này, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất nhập định.

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;

Tương lai cũng chớ mong cầu.

Quá khứ đã qua, đã mất,

Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có

Thì nên quán sát suy tư.

Niệm niệm mong manh không chắc,

Người khôn biết vậy nên tu.

Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này."

Các vị ấy lại nghĩ rằng: "Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?" Các vị ấy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên[1] thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì."

[1] Đại Ca-chiên-diên 大迦旃延. Pāli: Mahā-Kaccāna.

Thế rồi các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên thưa rằng:

"Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt lời dạy này, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất nhập định.

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;

Tương lai cũng chớ mong cầu.

Quá khứ đã qua, đã mất,

Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có

Thì nên quán sát suy tư.

Niệm niệm mong manh không chắc,

Người khôn biết vậy nên tu.

Nếu có làm theo hạnh Thánh,

Ai hay nỗi chết ưu sầu.

Nhất định tránh xa sự chết;

Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

Như vậy thực hành tinh tấn,

Ngày đêm không chút biếng lười.

Vì vậy phải thường tụng đọc

Bạt-địa-la-đế kệ này.

*"Chúng tôi suy nghĩ rằng: 'Chư Hiền, vị nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược?' Chúng tôi lại nghĩ: 'Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi." Bấy giờ, Tôn giả [**697c**] Đại Ca-chiên-diên nói rằng:*

"Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ. Người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa.

"Này chư Hiền, cũng như người muốn tìm lõi cây. Vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy cây đại thọ có đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư

Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn.

"Này chư Hiền, hãy đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này: 'Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?' Đức Thế Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo léo thọ trì thế ấy." Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Đức Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn. Chúng tôi đáng lẽ phải đến chỗ Thế Tôn mà hỏi về điều đó như vầy: 'Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gì?' Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các đồng phạm hạnh có tri tán thán. Như vậy, Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-

chiên-diên thương xót mà giải thích rộng rãi cho." Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Này chư Hiền, nếu vậy xin hãy nghe tôi nói.

"Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, xứng ý, sắc ái, tương ưng với dục, tâm lạc[1], do đó mò tìm cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục[2]. Do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, xứng ý, sắc ái, tương ưng với dục, tâm lạc, do đó mò tìm cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, xứng ý, sắc ái,

---

[1] Pāli thành cú: *cakkhuviññeyyā rūpā iṭṭhā kantā manāpā piyarūpā kāmūpasaṃhitā rajanīyā*, "sắc được nhận thức bởi mắt, đáng ưa thích, đáng ham muốn, dễ xứng ý, đáng yêu, liên hệ dục, dễ đắm nhiễm".

[2] Pāli : *tattha chandarāgappaṭibaddhaṃ hoti viññāṇaṃ*, ở đây thức bị trói chặt bởi dục tham.

*tương ưng với dục, tâm lạc, do đó mò tìm [**698a**] cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục, nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không nhiễm trước dục, vị ấy không hoan lạc. Do không hoan lạc, vị ấy không truy niệm quá khứ.*

Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo mong ước vị lai? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mắt, nũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được. Đã được thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước

vị lai. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì không muốn được, đã được rồi thì tâm không mong ước. Do tâm không mong ước nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy đó gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do thức bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, có ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại.

"Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, Tỳ-kheo có mắt,

*sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi ấy. Do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nếu ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục [**698c**] nên không hoan lạc nơi ấy. Do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại.*

"Này chư Hiền, phần này được Thế Tôn nói vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa."

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ;

Tương lai cũng chớ mong cầu.

Quá khứ đã qua, đã mất,

Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có

Thì nên quán sát suy tư.

Niệm niệm mong manh không chắc,

Người khôn biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu.
Nhất định tránh xa sự chết;
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười.
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.

"Phần này được Thế Tôn nói vắn tắt mà không phân biệt một cách rộng rãi. Tôi bằng những câu này nói một cách rộng rãi như vậy đó. Này chư Hiền, có thể đến trình bày đầy đủ lên Đức Phật. Nếu Đức Thế Tôn có nói ý nghĩa như thế nào, chư Hiền hãy thọ trì."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như vậy, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên mà thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa, sau đó Tôn giả Đại Ca-chiên-diên với cú như thế, văn như thế đã giải thích rộng rãi về điều đó."

Đức Thế Tôn nghe như vậy, liền tán thán rằng:

"Lành thay! Lành thay! Trong số đệ tử của Ta, đó là vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì Đạo sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử, mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, văn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên những gì mà Ca-chiên-diên đã nói, các ngươi hãy thọ trì như vậy. Vì sao? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy[1]*."*

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

Lược giải

Y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng và

[1] Pāli, thành cú: *eso cevetassa attho*.

hành (sự tập khởi của năm thủ uẩn). Nghĩa là, tùy theo nhân duyên tập khởi năm thủ uẩn của mỗi chúng ta để dẫn tâm suy nghĩ về quá khứ, hiện tại và tương lai nên mới có sự trói buộc, dẫn sinh ra nhiều khổ đau. Để không bị trói buộc như thế thì chúng ta cần phải tu tập đạo thánh đế. Tuy đạo thánh đế gồm có 37 pháp, nhưng trong đó Bát chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thâu tóm ý nghĩa của các đạo đế còn lại như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực và thất giác chi. Lại nữa, Bát chánh đạo gồm có Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, chúng ta tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Do chúng ta an trụ trong định và tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nên tâm không bị trói buộc bởi quá khứ, hiện tại và vị lai. Còn các bậc thánh giả tu tập Bát chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Do các bậc thánh giả an trụ trong định - tuệ vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nên tâm sẽ không bị trói buộc bởi quá khứ, hiện tại và vị lai. Cho nên, nếu chúng ta an trụ trong định - tuệ để tư duy về quá khứ, hiện tại và tương

lai thì đó là thiện pháp. Vì thế, trong kinh *La-hầu-la*, số *14*, Đức Phật dạy: *"Cũng vậy, này La-hầu-la, nếu ngươi sắp hành động với thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta sắp làm với thân nghiệp; thân nghiệp ấy hại hay không hại cho mình hay cho người?' Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta sắp làm với thân nghiệp, nghiệp ấy hại cho mình, hoặc hại cho người; đó là thân nghiệp bất thiện, nó sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Này La-hầu-la, ngươi nên bỏ thân nghiệp bất thiện sắp được làm ấy đi.*

(ii.1.b) "Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta sắp làm với thân nghiệp; thân nghiệp ấy không hại mình hay hại người; đó là thân nghiệp thiện, nó sẽ đưa đến lạc quả và sẽ thọ lấy lạc báo.' Này La-hầu-la, ngươi hãy thực hiện thân nghiệp sẽ làm ấy.

(ii.2.a) "Này La-hầu-la, ngươi hiện tại đang hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy hại hay không hại cho mình hay cho người?' Này La-hầu-la, khi quán sát như vậy mà biết rằng:

'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp này hại mình hay hại người; đó là thân nghiệp bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và thọ lấy khổ báo.' Này La-hầu-la, ngươi nên bỏ thân nghiệp đang làm ấy đi.

(ii.2.b) "Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy không hại mình hay hại người; đó là nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo.' Này La-hầu-la, ngươi hãy nên thực hiện thân nghiệp đang làm ấy.

(ii.3.a) "Này La-hầu-la, nếu ngươi đã hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, đã diệt tận, đã biến dịch. Nó là hại hay không hại cho mình hay cho người?' Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy hại cho mình hay cho người khác; đó là nghiệp ấy bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo.' Này La-hầu-la, ngươi hãy đến nơi đồng phạm hạnh là thiện tri thức, chí tâm phát lộ ***[437a]*** *thân nghiệp đã tạo ra, xin ăn năn*

lỗi lầm, cẩn thận không giấu giếm, rồi phải khéo léo giữ gìn.

(ii.3.b) "Này La-hầu-la, nếu khi quán sát như vậy, mà rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp. Thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; thân nghiệp ấy không hại mình hay người; nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo.' Này La-hầu-la, ngươi nên ngày đêm vui mừng, an trụ chánh niệm, chánh trí.

"Với khẩu nghiệp và ý nghiệp cũng lại như vậy.

32

TRÍCH KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP[1], SỐ 171

Chánh văn

"Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Ấy là nếu trước kia nó đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ, cho nên ở trong đời hiện tại thọ báo xong, họ sanh về nơi đó (cõi lành). Hoặc do hậu báo cho nên người kia không vì nhân này, không vì duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về chốn lành,

[1] Tương đương Pāli, M.136. Mahā-Kammavibhaṅga-suttam.

sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do xả ly và thủ hộ nên chưa tiêu hết, cần phải thọ báo ở chốn lành; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc khi chết khởi các tâm, và tâm sở hữu pháp thuộc thiện[1] *tương ưng với chánh kiến; kia nhờ nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.*

"Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Người ấy do trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, do sự xả ly, thủ hộ cho nên ở trong đời hiện tại họ thọ báo xong, cho nên sanh về nơi đó. Hoặc do bởi hậu báo cho nên họ không vì nhân này, duyên này mà thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do không xả ly và không thủ hộ nên chưa tiêu hết, phải thọ báo ở

[1] Tức khi chết với tâm và tâm sở thiện.

địa ngục; họ do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh tâm và các tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, do nhân này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

"Này A-nan, nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không xả ly, không thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Kia do chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp bất thiện, tác đã thành rồi, do sự không xả ly, không thủ hộ mà chưa tiêu hết, nên phải thọ báo ở địa ngục; kia do nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. Hoặc khi chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp bất thiện tương ưng với tà kiến, kia do nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh trong địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy.

"Này A-nan, nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự xả ly, thủ hộ này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Kia nhờ chính nhân này, duyên này thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tác đã thành rồi, nhờ có xả ly, có thủ hộ mà chưa tiêu hết, phải được thọ báo thiện; kia nhờ nhân này, duyên này cho nên thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. Hoặc đến lúc chết sanh các tâm và tâm sở hữu pháp thiện tương ưng với chánh kiến, kia do nhơn này, duyên này, thân hoại mạng chung sanh về chốn lành, sanh trong cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy."

Lược giải

Đức Phật dạy một người khi chết được dẫn sinh bởi các loại nghiệp như sau:

a. Hạng người thứ nhất

Nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ

nói láo, không từ bỏ nói thô ác, không từ bỏ nói lưỡi đôi chiều, không từ bỏ nói lời thêu dệt, không từ bỏ tham, không từ bỏ sân và không từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này không y vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại của vị ấy thọ quả đã hết.
2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp, có những thiện nghiệp đã chín thành quả và có những thiện nghiệp chưa thành quả, chính các thiện nghiệp này là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy để dẫn sinh về cõi lành.
3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi chánh kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

b. Hạng người thứ hai

Nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói thô ác,

từ bỏ nói lưỡi đôi chiều, từ bỏ nói lời thêu dệt, từ bỏ tham, từ bỏ sân và từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này không y vào nghiệp nhân hiện tại để thọ quả, vì nghiệp nhân hiện tại của vị ấy thọ quả đã hết.
2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp, có những bất thiện nghiệp đã chín thành quả và có những bất thiện nghiệp chưa thành quả, chính các bất thiện nghiệp này là nhân thuộc về quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy để dẫn sinh về cõi xấu.
3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi xấu.

c. Hạng người thứ ba

Nếu có một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ nói thô ác, không từ bỏ nói lưỡi đôi chiều, không từ bỏ nói lời thêu dệt,

không từ bỏ tham, không từ bỏ sân và không từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi xấu. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này y vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi xấu.
2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các bất thiện nghiệp nhưng vì các bất thiện nghiệp đó là nhân thuộc quả của hậu báo, cho nên khi chết dẫn sinh về cõi xấu.
3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi tà kiến nên y vào nhân này dẫn sinh về cõi xấu.

d. Hạng người thứ tư

Nếu có một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói thô ác, từ bỏ nói lưỡi đôi chiều, từ bỏ nói lời thêu dệt, từ bỏ tham, từ bỏ sân và từ bỏ tà kiến, khi lâm chung thì vị này sinh vào cõi lành. Quả báo này sẽ được dẫn sinh do từ một trong ba nguyên nhân sau:

1. Khi chết, vị này y vào nghiệp nhân hiện tại để dẫn sinh vào cõi lành.
2. Hoặc trong các đời quá khứ, vị này đã tạo các thiện nghiệp nhưng vì các thiện nghiệp đó là nhân thuộc về quả của hậu báo, cho nên khi chết y vào nhân ấy dẫn sinh về cõi lành.
3. Hoặc khi lâm chung, tâm vương và tâm sở của vị này sinh khởi chánh kiến nên y vào nhân này để dẫn sinh về cõi lành.

Lời kết:

Bởi vì vô minh, tham ái chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả báo sinh tử khổ đau trong các giới loại. Trong tiến trình sinh tử ấy, chúng ta đã từng sinh ra trong các giới loại, nhưng rồi sau đó cũng phải dẫn đến già, bệnh và chết hàng triệu triệu lần. Bởi vì hiểu được điều đó nên chúng ta cần phải tha thiết tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập

Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

33

TRÍCH KINH PHÙ-DI[1], SỐ 173

Chánh văn

Tôn giả Phù-di hỏi:

"Bạch Thế Tôn, bốn ví dụ ấy là những gì?" Đức Thế Tôn nói:

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến cố định[2], người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy?

[1] Tương đương Pāli, M.126 Bhūmija-sutta.

[2] Bản Hán: tà kiến, tà kiến định 邪見, 邪見定. Pāli, nêu tám tà chi, từ *tà kiến* cho đến *tà định.*

Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối[1].

"Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng con bò vậy. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến cố định, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

---

[1] Hán: vô đạo 無道. Pāli: *ayoni hesā*.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên, chắc chắn không thể có tô.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống, nên chắc chắn không có được dầu.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có lửa, bèn lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi nên chắc chắn không có được lửa. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến, tà kiến cố định, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối."

Lược giải

Nếu hành giả an trụ trong tà kiến, tà tư duy cho đến tà định để tu tập, rồi từ đó có sinh tâm

ước nguyện, hay không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện để đạt được quả báo tốt đẹp của nhân thiên cho đến tứ thánh quả, thì điều ấy chắc chắn sẽ không thành tựu được.

Chánh văn

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa, cho bò ăn uống no nê rồi vắt sữa nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa, cho bò ăn no nê

rồi vắt nơi vú nó, thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách chân chánh, là vắt nơi vú con bò. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn được tô.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua, rồi ép xuống nên chắc chắn có được dầu.

"Này Phù-di, ví như có người muốn có lửa bèn lấy củi khô làm mồi lửa, dùng dùi khô mà dùi nên chắc chắn có được lửa. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến

kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối."

Lược giải

Nếu chúng ta có niềm tin vào Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới và thực tập năm thiện pháp (năm giới của cư sĩ tại gia), rồi từ đó có sinh tâm ước nguyện, hay không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện để thành tựu quả báo được làm thân người thì chắc chắn cũng thành tựu được quả báo ấy. Nếu chúng ta thực tập mười thiện pháp, bốn mươi thiện pháp, rồi từ đó có sinh tâm ước nguyện, hay không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện để thành tựu quả báo được làm chư thiên trong Dục giới, thì chắc chắn cũng thành tựu được quả báo ấy. Nếu chúng ta tu tập đạt được

định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, rồi từ đó có sinh tâm ước nguyện, hay không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện để thành tựu quả báo được làm chư thiên ở trong Sắc giới, thì chắc chắn cũng thành tựu được quả báo ấy. Nếu chúng ta tu tập đạt được định tâm của Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rồi từ đó có sinh tâm ước nguyện, hay không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện để thành tựu quả báo được làm chư thiên ở trong Vô sắc giới, thì chắc chắn cũng thành tựu được quả báo ấy. Nếu chúng ta kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu tu tập, rồi từ đó có sinh tâm ước nguyện, hay không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện để thành tựu được tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật, thì những thánh quả ấy chắc chắn cũng sẽ thành tựu.

34

TRÍCH KINH THỌ PHÁP[1], SỐ 175

Chánh văn

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

"Thế gian này chân thật có bốn thọ pháp[2]. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc.

"Thế nào là pháp thọ hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ? Hoặc có một người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc sát sanh. Do nhân sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người đó tự

---

[1] Tương đương Pāli, M.46. Mahā-Dhammasamādāna-suttam. Hán, biệt dịch, No.83 Phật Thuyết Ứng Pháp Kinh, Trúc Pháp Hộ dịch.

[2] Bốn thọ pháp 四受法. Pāli: *cattārimāni dahammasamādānāni*. Cf. *Tập dị 8* (tr. 398c06): bốn pháp thọ 四法受.

mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc lấy của không cho, nói láo, cho đến tà kiến, nhân nơi tà kiến mà sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc, bất thiện, từ bất thiện mà sanh ra, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

"Đó là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai chịu quả báo khổ. Cũng như thuốc a-ma-ni-dược[1], một phần có sắc, có hương, có vị, nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống thì sắc, hương và vị ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong, vào trong bụng rồi lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu lấy quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật liền tập hành không đoạn trừ. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh;

[1] A-ma-ni-dược 阿摩尼藥. M 46: *āpānīyakaṃsa*, bình đựng nước uống. Trong bản Hán, *dược*, có lẽ phiên âm từ *-yakaṃsa*, không có nghĩa là *thuốc*.

pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si."

Lược giải

Ở trong đời, có những người không tin Tam Bảo, không tin nhân quả, không tin đời này và đời sau. Vì thế, những vị ấy sống với những tâm hành bất thiện như tham, sân, si nên dẫn sinh lời nói của miệng bất thiện là nói láo, nói lời thô ác, nói lời ly gián, nói lời thêu dệt; hành động của thân bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà dâm làm niềm vui. Do đó, sau khi xả bỏ báo thân, những vị ấy sẽ sinh vào những cõi xấu để thọ quả khổ. Đó gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai sẽ chịu quả báo khổ.

Chánh văn

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai được quả báo lạc? Hoặc có người tự mình khổ, tự mình ưu, đoạn trừ việc sát sanh, do sự đoạn trừ việc sát hại mà sanh khổ, sanh ưu, người đó tự khổ, tự ưu; đoạn trừ việc lấy của không cho,

tà dâm, nói láo, cho đến đoạn trừ tà kiến, do đoạn tà kiến mà sanh khổ sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, thiện từ thiện sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

"Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ đặng quả báo lạc.

"Cũng như đại tiểu tiện[1] có hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh uống; khi uống, sắc xấu, hôi thối, không mùi vị, không ngon miệng mà hại đau cuống họng, nhưng uống vào trong bụng lại thành thuốc. Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

[1] Pāli: *pūtimuttam*, nước đái quỷ, tức a-ngùy, thường dùng làm thuốc.

Lược giải

Chúng ta tu học là muốn điều phục, đoạn trừ các tâm hành bất thiện như tham, sân, si và phát triển các tâm hành thiện như vô tham, vô sân, vô si. Vì thế, chúng ta kiên nhẫn chịu đựng để tu tập, nhằm điều phục những tâm hành bất thiện tập khởi không cho chúng dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân. Với sự kiên nhẫn chịu đựng tu tập để hàng phục, đoạn trừ các tâm hành bất thiện như vậy nên tâm sinh khởi ưu phiền, sinh khởi khổ và thân thể trở nên mệt mỏi. Tuy nhiên, nhờ sự kiên trì đó, chúng ta đã điều phục được những tâm hành bất thiện và phát triển các tâm hành thiện như vô tham, vô sân, vô si. Vì thế, sau khi xả bỏ báo thân, chúng ta sẽ sinh về những cõi lành để thọ quả báo lạc. Đó gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc.

Chánh văn

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng thọ quả báo khổ? Hoặc có người tự khổ, tự ưu và sát sanh, do sát sanh mà khổ, sanh ưu. Người đó

*tự khổ, tự ưu và lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến. Nhân tà kiến mà sanh khổ, sanh **[713a]** ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, bất thiện từ bất thiện mà sanh, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.*

"Đó gọi là pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng phải thọ quả báo khổ.

*"Cũng như đại tiểu tiện[1] lại trộn lẫn độc, hoặc có người bị bệnh cho nên uống. Khi uống thì nhơ nhớp, hôi thối, không có mùi vị, không ngon miệng mà lại tổn thương cuống họng, uống vào trong bụng lại chẳng thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại khổ, tương lai cũng chịu quả báo khổ. **[713b]** Đã không biết như thật, bèn tập hành sự không đoạn trừ. Do tập hành sự không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si."*

---

[1] Xem chú thích 1 trang 309 trên.

Lược giải

Ở trong đời, có những người do nghiệp bất thiện thuộc đời quá khứ nên dẫn sinh quả báo hiện tại này phải thọ nhiều khổ đau. Rồi đời hiện tại này, những vị ấy sống với những tâm hành bất thiện như tham, sân, si nên dẫn sinh lời nói của miệng bất thiện là nói láo, nói lời thô ác, nói lời ly gián, nói lời thêu dệt; hành động của thân bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Vì vậy, sau khi xả báo thân, những vị ấy sẽ sinh vào những cõi xấu để thọ quả khổ. Đó gọi là hiện tại thọ quả báo khổ mà tương lai cũng phải thọ quả báo khổ.

Chánh văn

"Sao gọi là thọ pháp hiện tại an vui mà tương lai cũng thọ quả báo an vui? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ sát sanh, do đoạn trừ sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình vui thích đoạn trừ lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến. Do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy,

thân lạc và tâm lạc, thiện từ thiện mà sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

"Như thế gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc.

"Cũng như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh nên uống; khi uống, nó có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng; uống vào bụng, nó lại thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết một cách như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ; pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

Lược giải

Ở trong đời, có những người do thiện nghiệp thuộc đời quá khứ nên dẫn sinh quả báo hiện tại này được khả ái và tâm được thuần thiện. Cho nên, đời hiện tại này, những vị ấy vui thích với sự

tu tập các thiện pháp như tài thí, pháp thí đối với mọi người. Cho nên, sau khi xả báo thân, những vị ấy sẽ sinh lên những cõi lành để thọ quả lạc. Đó gọi là hiện tại thọ quả báo lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc.

35

TRÍCH KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ[1], SỐ 179

Chánh văn

"Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.

"Này Vật chủ, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Thế nào gọi là tâm? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này.

"Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

[1] Tương đương Pāli, M.78 Samaṇamaṇḍikā-sutta.

"Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

"Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.

"Vì sao vậy? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh chí[1]*, nhân chánh chí nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh phương tiện*[2]*, nhân chánh phương tiện nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si.*

---

[1] Chánh chí, tức chánh tư duy.

[2] Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn.

"Này Vật chủ, Hiền thánh đệ tử đã chánh tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Đó gọi là học kiến đạo[1] thành tựu tám chi, và A-la-hán lậu tận đã thành tựu mười chi[2].

"Này Vật chủ, thế nào gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là học chánh kiến cho đến chánh định. Như vậy gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi.

"Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí[3]. Như vậy gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi.

"Này Vật chủ, nếu người nào có mười chi, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện,

---

[1] Hán: học kiến tích 學見跡, chỉ giai đoạn kiến đạo của hàng hữu học. Xem thêm chú thích dưới.

[2] Hàng hữu học ở địa vị kiến đạo, tu tập và thành tựu tám chi Thánh đạo để thấy lý Tứ đế. Bậc A-la-hán lậu tận thành tựu mười vô học chi. Xem Tỳ-bà-sa 92 (No.1545, trang Đại 27, tr.479 a và tt).

[3] Tám vô học chi của Thánh đạo, thứ 9 vô học chánh giải thoát và 10 vô học chánh trí (xem giải thích Tập dị 20 Đại 26, trang 452 c).

đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.”

Lược giải

Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu

Để tu tập giới - định - tuệ hữu lậu thì chúng ta phải chọn một phương pháp để tu tập như phương pháp niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú, v.v... Rồi từ đó, chúng ta cần phải thực tập phương pháp ấy trong đời sống hằng ngày mỗi khi đi, đứng, nói năng hay im lặng.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ đó, chúng ta mới có thể điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ,

tưởng, hành, thức (tức năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc nhóm giới; chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44*). Cho nên, khi tâm chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Đây chính là giới - định - tuệ hữu lậu.

Nhờ chúng ta thực tập chánh định và chánh tuệ nơi hơi thở vào ra được thuần thục nên đạt được các tầng định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền,

Tam thiền và Tứ thiền. Sơ thiền gồm có năm chi là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiền gồm có ba chi là hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiền gồm có hai chi là lạc và nhất tâm. Tứ thiền chỉ có một chi là nhất tâm và tương ưng với xả thọ. Nghĩa là, tâm của hành giả an trụ trong định và tuệ hữu lậu tương ưng với các cõi trời thuộc về Sắc giới. Như ba cõi trời thuộc Sơ thiền là Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị thiền là Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam thiền là Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên; bốn cõi trời thuộc Tứ thiền là Vô văn thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên. Rồi từ đó, chúng ta an trụ trong chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) như vậy nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Đây cũng chính là giới - định - tuệ hữu lậu.

Bởi vì giới - định - tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ khổ đế - tập đế để đạt được các thánh quả, nên có những vị tuy tu tập đạt được các tầng thiền

định như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền nhưng rồi sau đó vẫn dẫn đến việc phải xả giới và từ bỏ đời sống tu tập của người xuất gia. Với ý nghĩa này nên trong kinh Đức Phật dạy như sau:

"Này chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những

gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

"Này chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiền; được Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

"Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiền; được Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm,

không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo".

(Trích *Trung A-hàm*, kinh *Chi-Ly-Di-Lê*, số *82*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch)

Bởi ý nghĩa đó nên trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết*, Đức Phật dạy:

"Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trụ nơi yểm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ

này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ

nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng, không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà

không chứng đắc Lậu tận tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

"Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này

Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'."

(Trung A-hàm, kinh *Ngũ Hạ Phần Kết,* số *205*, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch*)*

Theo ý nghĩa của bản kinh trên, Đức Phật dạy: Khi chúng ta tu tập đạt được định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền… thì hãy an trụ trong các định tâm ấy quán sát cảm thọ là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả để kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu. Sau khi kiến đạo rồi (Tu-đà-hoàn), chúng ta an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để hướng đến Tư-đà-hàm và đạt được quả Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hàm và đạt được quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán và đạt được quả A-la-hán (chứng đắc Lậu tận).

Vì thế, chúng ta tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong

định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Vì vậy, nếu y cứ vào ý nghĩa của Bát chánh đạo thì chúng ta sẽ khẳng định rằng: Chính tâm an trú trong chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Hay nói cách khác, do chúng ta sống trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nhận thức được những điều thiện (y vào các giới học) và những điều bất thiện (trái với các giới học) nên mới dẫn sinh đến việc giữ giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, từ nơi định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Chứ không phải từ nơi giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng) để dẫn sinh ra chánh định (chánh tinh tấn,

chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy).

Bởi vì giới - định - tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt được Diệt thánh đế cho nên chúng ta phải tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Chỉ có giới - định - tuệ vô lậu mới đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt được tứ thánh quả.

Tu tập giới - định - tuệ vô lậu

Các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên

đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Cho nên, trong *Trung A-hàm,* kinh *Thánh Đạo,* số *189,* Đức Phật dạy: *"Bậc Thánh hữu học thành tựu tám chi phần Bát chánh đạo; còn bậc Thánh vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là chánh giải thoát và chánh trí."*

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng tâm vô lậu của bậc thánh A-la-hán không chỉ thành tựu mười chi vô lậu mà còn thành tựu lục độ ba-la-mật, hoặc thập độ ba-la-mật. Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*: *"Tôn giả Ca-diếp hỏi tôn giả A-nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?*

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:

"Chớ làm các điều ác,
Vâng làm các điều thiện.
Tự thanh tịnh tâm ý,
Là lời Chư Phật dạy."

"Thế nào, A-nan? Chỉ có Tăng Nhất A-hàm mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là 4 bộ A-hàm khác cũng xuất sinh?"

Tôn giả A-nan đáp: "Trong bài kệ này đã thâu tóm đầy đủ giáo nghĩa của Chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và giáo nghĩa của bốn bộ A-hàm" (Kinh *Tăng Nhất A-hàm*, *phẩm Tựa*, Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch).

36

KINH CÙ-ĐÀM-DI[1] , SỐ 180

Chánh văn

"Lại nữa, này A-nan, có bảy loại bố thí cho Tăng chúng, và có mười loại bố thí riêng cho từng người,[2] sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

"Này A-nan, thế nào là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn?

"Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm, khi Phật còn tại thế, Phật là vị đứng đầu, mà bố thí cho Phật và Chúng Tỳ-kheo, như vậy gọi là loại bố thí

[1] Tương đương Pāli, M.142 Dakkhiṇāvibhaṅga-sutta. Hán, biệt dịch, No.84 Phật Thuyết Phân Biệt Bố Thí Kinh, Tống Thi Hộ dịch.

[2] No.84: 14 loại giảo lượng bố thí 十四種較量布施. M 142: *cuddasa pāṭipuggalikā dakkhiṇā*, 14 loại bố thí phân loại theo từng hạng người.

thứ nhất cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

*"Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng, bố thí cho Chúng Tỳ-kheo, bố thí cho Chúng Tỳ-kheo-ni; đi vào tinh xá Tỳ-kheo bạch với Chúng rằng: 'Mong trong Chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí'; đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni bạch với Chúng rằng 'Mong trong Chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được bố thí.' Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, [**722b**] được quả báo rộng lớn.*

"Này A-nan, trong thời tương lai, có Tỳ-kheo thuộc loại danh tánh[1]*, khoác áo cà-sa mà không tinh tấn. Người ấy tuy đã không tinh tấn, không tinh cần mà vẫn được bố thí vì có ở trong Chúng, duyên nơi Chúng, ở trên Chúng, nhân nơi Chúng, Ta nói lúc bấy giờ thí chủ sẽ được phước vô lượng, không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc;*

---

[1] Danh tánh chủng, chỉ Tỳ-kheo chỉ có danh tự, chứ không có thực chất (?). Pāli: Gotrabhuno.

huống nữa là bố thí cho Tỳ-kheo thành tựu hành sự[1]*, thành tựu trừ sự*[2]*, thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực*[3]*, thành tựu nhu nhuyến*[4]*, thành tựu cả chất trực và nhu nhuyến, thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh kỹ, thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du*[5]*, thành tựu cả oai nghi và hành lai du*[6]*, thành tựu tín, thành tựu giới, thành tựu đa văn,*

---

[1] Tức bốn hành: không an ổn, an ổn, điều phục và tịch tịnh. Chúng đệ tử Phật hành ba loại sau. Tham chiếu Pāli, D. 33. Saṅgīti-suttanta: catasso paṭipadā: akkhamā paṇipadā (không kham nhẫn), khamā paṭipadā (kham nhẫn), damā paṭipadā (điều phục), samā paṭipadā (tịch tĩnh).

[2] Trừ sự, trong kinh 215, tám thắng xứ được gọi là tám trừ xứ, nhưng ở đây trừ sự có thể chỉ cho bốn thông hành (xem kinh số 215 ở sau).

[3] Cf. *Pháp uẩn 2* (tr. 463a27): chất trực hành 質直行.

[4] Nhu nhuyến 柔軟; cf. *Pháp uẩn 2* (tr. 463b15): hòa kính hành 和敬行.

[5] Hành lai du 行來遊, cf *Pháp uẩn 3* (No.1537, tr. 463 b), được gọi là *tùy pháp hành*, tức tám chi Thánh đạo. Chúng đệ tử của Phật tùy thuận du lịch thiệp hành trong đó.

[6] Mười sự thành tựu trên đây, trừ những thành tựu: *nhu nhuyến*, *nhẫn* và *lạc*, còn lại có thể so với những đức tánh Tăng bảo thường được tán thán, mà theo văn của *Tập dị* và *Pháp uẩn* (tr. 463b5) như vầy: Cụ túc diệu hành, chất trực hành, như lý hành, pháp tùy pháp hành, hòa kính hành, tùy pháp hành 具足妙行, 質直行, 如理行, 法隨法行, 和敬行. 隨法行. Cf. Pāli thành cú: *suppaṭipanno, ujuppaṭipanno, ñāyappaṭipanno, sāmīcippaṭipanno*.

thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu cả tín, giới, đa văn, thí, tuệ. Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

"Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

"Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người được đại phước, được đại quả, được đại công đức, quả báo rộng lớn?

"Thiện nam tử hay thiện nữ có tín nhân bố thí cho Đức Như Lai, bố thí cho Duyên giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục, bố thí cho người tinh tấn, bố thí cho người không tinh tấn, bố thí cho súc sanh.

"Này A-nan, bố thí cho súc sanh được phước trăm lần hơn.

"Bố thí cho người không tinh tấn được phước ngàn lần hơn.

"Bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn.

"Bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục được phước ức trăm ngàn lần hơn.

"Bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc A-na-hàm được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng.

"Bố thí cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng.

"Huống nữa là bố thí cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

"Đây là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo."

Lược giải

Tùy theo khả năng vật chất vốn có của mỗi chúng ta để thực hành bố thí cho đại chúng và cho cá nhân của từng vị, như trong bản kinh Cù-đàm-di đã dạy.

Chánh văn

"Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bố thí và chỉ ba loại được thanh tịnh.

*"Những gì là bốn? Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận. Có loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, chứ không phải do [**722c**] thí chủ. Có loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy.*

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận? Thí chủ tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo[1]. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.' Còn người thọ nhận thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.' Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận.

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Thí chủ không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.' Còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.' Như vậy gọi

---

[1] Kiến lai kiến quả見來見果; Xem Tập dị (No.1536, tr. 402a18): hữu y kiến, hữu quả kiến 有依見, 有果見.

là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ.

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận? Thí chủ không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.' Người thọ nhận cũng không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.' Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận.

"Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy? Thí chủ tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.' Người thọ nhận cũng tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng: 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí.'

Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy."

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

"Tinh tấn thí người không tinh tấn,
Thí đúng pháp được tâm hoan hỷ.
Vì tin có nghiệp và quả báo:
Loại thí này thí chủ thanh tịnh.
Không tinh tấn thí người tinh tấn;
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ.
Vì không tin nghiệp và quả báo:
Loại thí này người nhận thanh tịnh.
Người giải đãi thí không tinh tấn;
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ.
Vì không tin nghiệp và quả báo:
Loại thí này không được quả báo.
Người tinh tấn thí người tinh tấn,
Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ.
Vì tin có nghiệp và quả báo:

Loại thí này đạt được quả báo.

*[**723a**] Kẻ nô tỳ và kẻ bần cùng,*

Hoan hỷ tự mình làm bố thí;

Vì tin có nghiệp, có quả báo:

Bố thí như vậy thiên nhân khen.

Khéo léo giữ gìn cả thân miệng;

Đưa tay cầu xin đúng Chánh pháp;

Người ly dục thí người ly dục:

Đó chính là tài thí đệ nhất."

Lược giải

Ngày nay, chúng ta tu học, cần dựa vào ý nghĩa của đoạn kinh văn trên để quán xét lại chính mình thuộc hạng người nào để thực tập. Bởi vì nội dung của bản kinh đã được Đức Phật chỉ dạy rất rõ ràng và dễ hiểu, nên người viết không chia sẻ thêm.

37

TRÍCH KINH ĐA GIỚI[1], SỐ 181

Chánh văn

Tôn giả A-nan bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ phi xứ?"

Thế Tôn đáp:

"Tỳ-kheo thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này A-nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển luân vương cùng cai trị, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời có một Chuyển luân vương cai trị, trường hợp này tất có.

*"Này A-nan, nếu [**724a**] trong đời có hai Đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không có.*

[1] Tương đương Pāli, M.115 Bahudhātuka-sutta. Đối chiếu Pháp Uẩn 10 (No.1537, Đại 26 trang 501b-505a).

Nếu trong đời này có một Đức Như Lai, trường hợp này tất có.

"Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý[1] mà có ý hại cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật làm Như Lai đổ máu, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý hại cha, hại mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật làm Như Lai đổ máu, trường hợp này tất có xảy ra.

"A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này tất có.

"Nếu có một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó, trường hợp này tất có.

---

[1] Kiến đế nhân, đây chỉ vị Tu-đà-hoàn.

"A-nan, nếu người thấy đế lý mà tái sanh lần thứ tám, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu tái sanh lần thứ tám, trường hợp này tất có.

*"Này A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý [**724b**] ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này tất có.*

"A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ lạc báo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ khổ báo, trường hợp này tất có.

"A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ khổ báo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ lạc báo, trường hợp này tất có.

Lược giải

Ý nghĩa của đoạn kinh trên, Đức Phật dạy rất rõ ràng và dễ hiểu, nên người viết không cần phải chia sẻ thêm. Tuy nhiên, có một điều đặc biệt mà chúng ta cần phải để ý: Đó là khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn. Với chánh kiến đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn sẽ không bao giờ tạo tác những nghiệp bất thiện thuộc về nhân của ba đường ác; sẽ không bao giờ xả giới, bỏ đạo để trở lại đời sống cư sĩ tại gia; sẽ không bao giờ mất niềm tin đối với Tam Bảo để tôn thờ ngoại đạo; và sẽ không bao giờ tái sinh lần thứ tám.

38

KINH THÁNH ĐẠO[1], SỐ 189

Chánh văn

Tôi nghe như vầy:

*Một thời Đức Phật trú tại nước Câu-lâu-lấu, ở Kiếm Ma-sắt-đàm, [**735c**] đô ấp Câu-lâu.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

"Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có cận tập, có trợ bạn và cũng có tư cụ[2], bao gồm bảy chi. "Thế nào nói là Thánh chánh định có cận tập, có trợ bạn và có tư cụ gồm bảy chi?

---

[1] Tương đương Pāli M.117 Mahā-cattārīsaka suttaṃ.

[2] Hữu tập, hữu trợ, hữu cụ 有習, 有助, 有具. M . 117 (iii. 71): *arriyaṃ sammāsamādhiṃ saupanisaṃ saparrikkhāraṃ*, Thánh chánh định cùng với cận duyên, tư cụ.

Đó là, chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ[1], khéo hướng đến tâm chuyên nhất[2], đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Chánh kiến sanh chánh tư duy[3], chánh tư duy sanh chánh ngữ, chánh ngữ sanh chánh nghiệp, chánh nghiệp sanh chánh mạng, chánh mạng sanh chánh tinh tấn[4], chánh tinh tấn sanh chánh niệm, chánh niệm sanh chánh định. Hiền Thánh đệ tử với tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền Thánh đệ tử với chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.'

"Trong các chi ấy, chánh kiến đứng ngay hàng đầu.[5] Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là

---

[1] Nhờ bảy chi này làm phương tiện và hỗ trợ cho chánh định.

[2] Tâm đắc nhất 心得一; trạng thái tập trung vào một điểm. Pāli: *cittassa ekaggatā*, tâm nhất cảnh tánh.

[3] Nguyên hán: chánh chí 正志.

[4] Nguyên Hán: chánh phương tiện 正方便.

[5] Pāli: *sammādiṭṭhi pubbaṅgamā hoti*.

chánh kiến. Nếu thấy rõ chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

"Thế nào là tà kiến? Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, ác, không có quả báo của nghiệp thiện, ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.

"Thế nào gọi là chánh kiến?[1] *Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là chánh kiến.*

---

[1] M 117: có hai loại chánh kiến: 1. Hữu lậu, dẫn đến phước báo, dị thục hữu dư y (*sāsavā puññabhāgiyā upadhivepakkā*), tức là có quan điểm: có bố thí, có nghiệp thiện ác v.v. 2. Thánh đạo vô lậu, xuất thế, thuộc đạo chi (*ariyā anāsavā lokuttarā maggaṇgā*), đó là tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, v.v.

"Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là chánh kiến. Thấy chánh kiến là chánh kiến; đó cũng gọi là chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phải cầu học để đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến[1], thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh kiến, tùy tùng phương tiện của kiến[2]. Vì thế cho nên bảo chánh kiến là đứng ngay ở hàng đầu.

"Nếu thấy tà tư duy là tà tư duy, thì đó là chánh tư duy. Nếu thấy chánh tư duy là chánh tư duy thì đó cũng là chánh tư duy.

*"Thế nào gọi là tà tư duy? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm [**736a**] hại, được gọi là tà tư duy.[3]*

---

[1] M 117: *so sato micchādiṭṭhim pajahati,* Tỳ-kheo có chánh niệm mà đoạn trừ tà kiến.

[2] M 177: *ime tayo dhammā sammādiṭṭhiṃ anuparidhāvanti anuparivattanti*, ba pháp này tùy hành quanh chánh kiến, vận hành tùy thuận chánh kiến.

[3] Pāli: *kāmasaṅkappo vyāpādasaṇkappo vihiṃsāsaṅkappo*, tư duy dục, tư duy sân, tư duy hại; ba bất thiện tư duy.

"Thế nào gọi là chánh tư duy? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là chánh tư duy.

"Thấy rõ tà tư duy là tà tư duy, thì đó là chánh tư duy. Thấy rõ chánh tư duy là chánh tư duy, thì đó cũng là chánh tư duy. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy. Đó gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà tư duy, thành tựu chánh tư duy. Đó gọi là chánh niệm.

"Tất cả ba chi này đi theo chánh tư duy, tùy tùng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ, thì đó là chánh ngữ. Nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ, thì đó cũng chính là chánh ngữ.

"Sao gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ.

"Thế nào là chánh ngữ? Xa lìa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, thì gọi là

chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ, cũng gọi là chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ. Đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp, thì đó là chánh nghiệp. Nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, thì đó cũng chính là chánh nghiệp.

"Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học để đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, tùy tùng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là chánh mạng. Nếu thấy chánh mạng là chánh mạng, thì cũng gọi là chánh mạng.

"Thế nào là tà mạng? Có sự mong cầu mà không mãn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sanh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, mà bằng phi pháp. Đó là tà mạng.

*"Thế nào là chánh mạng? Không có sự mong cầu không mãn ý; không [**736b**] dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng là tà mạng thì gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng, cũng gọi là chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; đó là chánh tinh tấn. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi*

là chánh niệm. Ba chi này đi theo chánh mạng, tùy tùng phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

"Thế nào là chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sanh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần, dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sanh thì không sanh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sanh thì sanh nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sanh tồn tại, không bị quên, không thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến mãn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là chánh tinh tấn.

"Thế nào là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán, cho đến, thọ, tâm, pháp như pháp; đó gọi là chánh niệm.

"Thế nào là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ; đó gọi là chánh định.

"Thế nào là chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là chánh trí.

"Đó là bậc hữu học thành tựu tám chi. Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

"Thế nào là hữu học thành tựu tám chi? Là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là hữu học thành tựu tám chi.

"Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy cần phải đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.

"Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.

"Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và Ma, Phạm, và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, người ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích.

"Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có tà kiến, mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào

phi bác, vị ấy đối với như pháp đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

"Hoặc chê bai, cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

"Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, và các hạng thế gian khác ấy, mà phi bác; thì người ấy đối với như pháp có mười điều bị chỉ trích.

"Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn khác sống ngồi chồm hỗm[1], thuyết giảng sự ngồi chồm hỗm; sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp; nghĩa là đối với thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây, những người ấy đối với bốn đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chận đứng, dù là Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các hạng thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi."

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

[1] Tồn cứ 蹲 踞. Pāli: Okkalā Vessa-Bhanna, những người ở Ukkalā, Vassa và Bhanna, được coi như theo chủ trương vô nhân (*ahetuvāda*), vô tác (*akiriyavāda*), và vô sở hữu (*natthikavādā*). Bản Hán đọc Ukkalā như là Ukkūla, ngồi chồm hỗm.

Lược giải

Bát chánh đạo

Tám Thánh đạo chính là con đường thánh gồm tám yếu tố hay tám thành phần. Tám yếu tố này đã tạo thành con đường tu tập để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Nội dung tám chi phần của Bát chánh đạo

Chánh kiến

Chánh kiến là nhận thức đúng đắn về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Chánh kiến chính là nhận biết rõ chánh kiến và tà kiến, chánh tư duy và tà tư duy, chánh ngữ và tà ngữ, chánh nghiệp và tà nghiệp, chánh mạng và tà mạng, chánh tinh tấn và tà tinh tấn, chánh niệm và tà niệm, chánh định và tà định, chánh giải thoát và tà giải thoát, chánh trí và tà trí. Ngược lại, tà kiến là không nhận thức rõ chánh kiến và tà kiến, chánh tư duy và tà tư duy, chánh ngữ và

tà ngữ, chánh nghiệp và tà nghiệp, chánh mạng và tà mạng, chánh tinh tấn và tà tinh tấn, chánh niệm và tà niệm, chánh định và tà định, chánh giải thoát và tà giải thoát, chánh trí và tà trí. Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, Đức Phật dạy: Đây là bốn mươi đại pháp mà không một ai có thể chế ngự, bài xích, phỉ bác.

Lại nữa, chánh kiến gồm chánh kiến thuộc văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Ý nghĩa chánh kiến của ba giai đoạn này, người viết đã trình bày ở phần thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-hi-la*, số *29*, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Đại Câu-hi-la:

> *"Này Hiền giả Đại Câu-hi-la, có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó mà Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến?*
>
> *Tôn giả Đại Câu-hi-la trả lời rằng: "Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất. Đó là có Tỳ-kheo biết bất thiện và biết căn của bất thiện. Đó là có Tỳ-kheo biết thiện và biết căn của thiện.*

"Này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến.

Đó là có Tỳ-kheo biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo".

Trong *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Hữu Vô*, kinh số *10*, Đức Phật dạy: *"Có hai nhân duyên khởi lên chánh kiến. Những gì là hai? Nhận pháp giáo hóa, bên trong tư duy chỉ quán. Tỳ-kheo, đó gọi là có hai nhân duyên khởi lên chánh kiến."*

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Đại Câu-Hy-La*, số *211*, Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời với Tôn giả Xá-lợi-phất:*"Có hai nhân duyên sanh chánh kiến. Những gì là hai? Một là duyên từ người khác, hai là nội tâm tư duy. Đó là có hai nhân duyên sanh chánh kiến."*

Trong *Trung A-hàm*, Kinh *Phù-Di*, số *173*, Đức Phật dạy:

"Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến, chánh kiến kiên định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên tất sẽ chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, thì tất sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối."

Trong *Trung Bộ Kinh*, Kinh *Phù-di*, số 126, Đức Thế Tôn dạy:

"Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì cớ sao?

Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị."

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh kiến như sau:

"Thế nào là chánh kiến? Chánh kiến có hai: chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh kiến vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Nếu người nào thấy có bố thí… cho đến biết thế gian có A-la-hán… Đó là chánh kiến hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện. Thế nào là Chánh kiến vô lậu vô lậu của bậc Thánh, không thủ, hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, quán sát tỏ ngộ. Đó gọi là chánh kiến vô lậu, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Chánh tư duy

Chánh tư duy là tư duy, chiêm nghiệm đúng đắn về khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế và đạo thánh đế. Chánh tư duy gồm có chánh tư duy hữu lậu và chánh tư duy vô lậu. Do đó, nếu chánh kiến hữu lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh chánh tư duy hữu lậu. Còn nếu chánh kiến vô lậu sinh khởi thì sẽ dẫn sinh chánh tư duy vô lậu.

Thế nên, trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh tư duy như sau:

> *"Thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy có hai loại: chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh tư duy vô lậu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*
>
> *Thế nào là chánh tư duy hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Chánh tư duy về xuất yếu, vô nhuế, bất hại. Đó gọi là chánh tư duy thuộc về hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.*

Thế nào là chánh tư duy vô lậu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu. Đó gọi là chánh tư duy vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Chánh ngữ

Chánh ngữ là lời nói đúng đắn với sự thật của khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Chánh ngữ là không nói dối, không nói thêm thắt (thêu dệt), không nói lời ly gián (hai lưỡi), không nói lời thô ác.

Nếu chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh ngữ. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà ngữ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh ngữ như sau:

"Thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ có hai loại: chánh ngữ hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành? Lời nói đúng, xa lìa lời nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, lời nói thêu dệt. Đó là chánh ngữ hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là chánh ngữ vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là hành động đúng đắn. Đó là hành động không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm.

Nếu chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh nghiệp. Còn nếu

chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà nghiệp.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh nghiệp như sau:

"Thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp có hai loại: chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Xa lìa sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đó gọi là chánh nghiệp hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh nghiệp vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng vô lậu, viễn ly, không dính trước. Đó gọi là chánh nghiệp vô lậu của bậc thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Chánh mạng

Chánh mạng nghĩa là sống, hay nuôi dưỡng sinh mạng một cách đúng đắn, hợp lý, tức những phương tiện mưu sinh, nghề nghiệp chân chánh, không sống bằng những nghề phi pháp.

Chánh mạng là nuôi dưỡng sinh mạng đúng đắn bằng đoàn thực, xúc thực, ý tư thực, thức thực, cũng như sử dụng y phục, trú xứ, dược liệu trị bệnh đúng đắn, hợp lý. Hoặc đời sống thiểu dục, tri túc. Thiểu dục là ít ham muốn đối với tiền tài, sắc dục, danh lợi, thực (ăn uống), thùy (ngủ nghỉ); tri túc là biết đủ với những nhu yếu của đời sống. Hoặc nuôi dưỡng sinh mạng bằng giới, định, tuệ hữu lậu và giới, định, tuệ vô lậu, chứ không nuôi dưỡng sinh mạng bằng các dục hay ép xác khổ hạnh.

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích bốn loại thức ăn:

- *Đoàn thực, đặc tính của nó là biến hoại. Đó là ba thứ hương, vị, xúc trong Dục giới hệ. Khi biến hoại chúng được dùng làm thức ăn.*

- *Xúc thực, mà đặc tính là xúc chạm đối tượng. Xúc hữu lậu, khi tiếp thu đối tượng, làm phát sinh hỷ các thứ, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Xúc này tương ưng với tất cả các thức.* Theo *Câu Xá Luận: "Xúc phát sinh từ tổ hợp ba"*. Theo bài viết *"Thức ăn để tồn tại"* của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ: *"Thức ăn do tiếp xúc, do xúc chạm. Hình thái của xúc là tiếp xúc ngoại cảnh, tức căn và cảnh tiếp xúc nhau ngay khi đó nhận thức khởi lên. Căn, cảnh, thức, ba thứ này hòa hiệp thành tổ hợp xúc. Xúc trong căn, cảnh, thức mới là xúc thực."*
- *Ý tư thực, có đặc tính là hy vọng. Đó là tư hữu lậu, cùng vận hành với dục. Khi nó hy vọng đối tượng khả ái, bấy giờ nó trở thành thức ăn. Tư này tuy tương ưng với tất cả thức, nhưng đặc biệt khi liên hệ với ý thức nó mới trở thành thức ăn. Theo Câu Xá Luận: Tư thực là ý nghiệp.*
- *Thức thực, có đặc tính là chấp trì. Đó là thức hữu lậu*. Theo chú thích 190 trong *Luận Thành Duy Thức*: *"Thức thực, do lực chấp trì của thức A-lại-da mà thân tồn tại."*

Nếu chúng ta an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh mạng. Còn nếu chúng ta sống với tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh tà mạng.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh mạng như sau:

> *"Thế nào là chánh mạng? Chánh mạng có hai loại: có loại chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.*
>
> *Thế nào là chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tìm cầu y, thực, ngọa cụ, thuốc thang theo bệnh đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Đó gọi là chánh mạng hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.*
>
> *Thế nào là chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng vô lậu. Đó gọi là chánh mạng vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ."*

Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn là sự nỗ lực đúng đắn. Nó được biểu hiện qua bốn phạm trù (tứ chánh cần):

Nỗ lực đoạn trừ những điều ác đã sinh, khiến cho chúng vĩnh viễn bị đoạn trừ.

Nỗ lực làm cho những điều ác chưa sinh khởi, khiến cho chúng không thể sinh khởi.

Nỗ lực phát triển những điều thiện chưa sinh, khiến cho chúng sinh khởi.

Nỗ lực làm cho những điều thiện đã sinh, khiến cho chúng được tăng trưởng.

Nếu chúng ta luôn an trụ trong chánh kiến và chánh tư duy thì sẽ dẫn sinh chánh tinh tấn. Còn nếu chúng ta sống tà kiến và tà tư duy thì sẽ dẫn sinh ra sự giải đãi, tức tăng trưởng bất thiện pháp.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh tinh tấn như sau:

"Thế nào là chánh tinh tấn? Chánh tinh tấn có hai loại: chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; có chánh tinh

tấn vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện? Tinh tấn, xác lập vững chắc thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện.

Thế nào là chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu, thường không ngừng nghỉ. Đó gọi là chánh tinh tấn vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ".

Chánh niệm

Chánh niệm là sự nhớ nghĩ đúng đắn.

"Chánh niệm là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm hơi thở, niệm thân vô thường, niệm chết, niệm Niết-bàn" (Kinh *Tăng Nhất A-hàm*, phẩm *Một pháp*).

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích về niệm, định và tuệ như sau:

"Niệm là gì? Tự tính của nó là sự nhớ rõ không quên mất của tâm đối với cảnh đã quen thuộc. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho định. Tức là thường xuyên ghi nhớ cảnh đã từng được tiếp nhận không để cho quên mất, có thể dẫn đến định. Đối với cảnh mà thể và loại của nó chưa hề được tiếp nhận, niệm hoàn toàn không phát khởi. Giả sử đối tượng đã từng được tiếp nhận nhưng không được ghi nhận rõ ràng, niệm cũng không phát sinh.

Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho trí.

Tuệ là gì? Tính giản trạch đối với đối tượng được quan sát. Nghiệp dụng của nó là đoạn trừ nghi."

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Quảng Thuyết Bát Thánh Đạo*, Đức Phật dạy chánh niệm như sau:

"Thế nào là chánh niệm? Chánh niệm có hai loại: chánh niệm hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.

Thế nào là chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành? Hoặc niệm, hoặc tùy niệm, không quên lãng. Đó gọi là chánh niệm hữu lậu, hướng đến đường lành.

Thế nào là chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với vô lậu. Đó gọi là chánh niệm vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ."

Chánh định

Chánh định là sự an trú tâm vào một đối tượng thuần nhất, không dao động.

Theo *Luận Thành Duy Thức* định nghĩa: *"Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú*

trên đối tượng được quán sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là sở y cho trí."

Vì vậy, bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ chánh kiến và chánh tư duy thì loại định đó mới gọi là chánh định. Vì chính nó (chánh định) mới có khả năng điều phục, đoạn trừ được khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên, tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Còn bất cứ loại định nào được dẫn sinh từ tà kiến và tà tư duy thì loại định đó gọi là tà định. Bởi vì chính nó không thể đoạn trừ được khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên và tứ thánh quả.

Lại nữa, chánh định gồm hai loại: chánh định thuộc về hữu lậu và chánh định thuộc về vô lậu.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Quảng Thuyết Bát Chánh Đạo*, Đức Phật đã dạy về chánh định như sau:

> *"Thế nào là chánh định? Chánh định có hai loại: chánh định hữu lậu, chuyển hướng đến cõi thiện; chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ.*

Thế nào là chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành? Tâm trụ không loạn, không động, nhất tâm. Đó gọi là chánh định hữu lậu, hướng đến đường lành?

Thế nào là chánh định vô lậu của bậc Thánh, không thủ, chuyển hướng đến thoát khổ? Thánh đệ tử tư duy về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế; tâm tương ưng với tư duy vô lậu, an trụ không tán loạn, nhất tâm. Đó gọi là chánh định vô lậu của bậc Thánh, chuyển hướng đến thoát khổ."

Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu

Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là chúng ta sống trong chánh kiến hữu lậu để tu tập các thiện pháp qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. Các thiện pháp bao gồm Quy y Tam bảo, thực tập tất cả các học giới do Đức Phật thiết lập, bố thí và các định tâm hữu lậu thuộc Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền... nhằm mục đích để đạt được kiến đạo, tức bước tới tu tập bát chánh đạo vô lậu.

Khi chúng ta chú tâm vào nơi các công việc như quét nhà, nấu ăn, rửa chén bát, làm vườn,… thì sẽ nhận thấy tâm tập khởi thiện ác hỗn tạp để dẫn sinh qua lời nói của miệng và hành động của thân (tam nghiệp). Bởi vì đối tượng chú tâm luôn thay đổi nên định tâm sẽ không được chuyên chú vào một đối tượng duy nhất. Nhiều lúc, chúng ta sẽ nhận thấy tâm bất thiện sinh khởi nhiều hơn tâm thiện. Tùy thuộc vào tâm thiện và bất thiện ấy để hình thành nên đạo đức của mỗi con người (nhân tính) trong đời sống hiện tại. Cho nên, chúng ta cần phải chọn một phương pháp để thực tập định tâm. Nhờ đó, thiện tâm mới được tăng trưởng để thành tựu thiện pháp của nhân tính cho đến thiên tính.

Để có được định tâm thì chúng ta cần phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú. Rồi sau đó, chúng ta cần phải ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống để tu tập thì mới có thể điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm

thủ uẩn. Do đó, việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn chính là nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú. Vì vậy, chúng ta là những người tu tập thì nhất định cần phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

Bởi vì chánh niệm và chánh định thuộc về nhóm định nên chúng sẽ có chung đối tượng duy nhất là pháp môn đã chọn, còn đối tượng của tuệ là tri nhận tất cả các pháp xảy ra làm sở duyên cho nó. Vả lại, chánh định và chánh tuệ được ví như ngọn đèn và ánh sáng, ngọn đèn ví cho định, còn ánh sáng ví cho tuệ.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng,

hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng*, *Trung Bộ I*, số *44*). Nghĩa là, trong Bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc về tâm và phân làm hai nhóm: nhóm định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và nhóm tuệ (chánh kiến và chánh tư duy); ba chi còn lại là chánh ngữ, chánh nghiệp

và chánh mạng thuộc về thân và khẩu được gom chung làm nhóm giới. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Tu tập Bát chánh đạo vô lậu

Để tu tập Bát chánh đạo vô lậu thì chúng ta phải kiến đạo tức là cần phải lãnh hội chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Muốn chứng nghiệm được chân lý đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để lãnh hội, chứ không thể dừng lại ở trên mặt nhận thức, tư duy thuộc về khái niệm.

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh

tử (tâm hữu lậu), nhưng cũng chính ngay nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

Thế nào là tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu (hay chân tâm) ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại… mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây chính là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân… mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây chính là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa… mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây chính là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi sự

phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thiệt căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng… mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây chính là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng… mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây chính là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tạp niệm chỉ là tạp niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Nghĩa của kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận mà có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ thánh đế gọi là *kiến đế*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Kinh *Vô tri* gọi là *như thật tri*. Kinh *Vô minh* gọi là *minh*. Trong kinh *Bahiya* gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã Tâm Kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là *trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo *Luận Thành Duy Thức* gọi là *trí vô phân biệt*.

Tiếp theo ý nghĩa trên, trong *Trung A-hàm,* kinh số *30,* Đức Phật dạy: *"Ai thấy được duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được duyên khởi."* Ý nghĩa của *"thấy được pháp"* ở đây là chỉ cho kiến đạo.

Nghĩa của kiến đạo cũng được mô tả qua các bài kệ truyền pháp của các Tổ sư như sau:

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại cho tổ Ma-Noa-La:

Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo
(Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch)

Tổ Sư-Tử truyền lại cho tổ Bà-Xá-Tư-Đa:

Thánh nhân nói tri kiến,
Ngay cảnh không phải quấy,
Nay ta ngộ tánh ấy,
Không đạo cũng không lý
(Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch)

Nghĩa của kiến đạo cũng được diễn tả thông qua các công án của các bậc Thánh nhân như sau:

Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị thị giả rằng:

- Này con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, Thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.

Vị thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gắp lửa lên liền hỏi:

- Con có hội chăng?

Vị thị giả thưa:

- Dạ, con chẳng lãnh hội.

Hòa thượng Thường Quán hỏi một vị Thầy:

- Thầy từ đâu đến?

Vị Thầy thưa:

- Con từ trang trại đến.

Hòa thượng hỏi:

- Thầy có thấy trâu không?

Vị Thầy thưa:

- Bạch hòa thượng con có thấy.

Hòa thượng hỏi:

- Con thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị Thầy không đáp được. Hòa thượng Thường Quán liền nói:

- Này con! Cái thấy không phải trái.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu (hay chân tâm) là định - tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v.. gọi là tuệ. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới – định – tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu

(chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Tu tập Bát chánh đạo liên hệ với sự tu tập Tứ vô lượng tâm

Tứ vô lượng tâm là tâm từ vô lượng, tâm bi vô lượng, tâm hỷ vô lượng và tâm xả vô lượng.

Tâm từ vô lượng

Chúng ta an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) để nhận biết khổ đế - tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) để quán sát khổ đế - tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ vô lượng.

Tâm bi vô lượng

Chúng ta an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) để quán sát khổ đế - tập đế của chính mình và tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển trong sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ. Từ nơi tâm từ sẽ dẫn sinh tâm bi, đó là tâm nguyện muốn cứu giúp

mọi người. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc hữu lậu.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) để quán sát khổ đế - tập đế của tất cả chúng sinh đang còn lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại nên dẫn sinh tâm từ vô lượng. Bởi vì từ nơi tâm từ vô lượng nên dẫn sinh tâm bi vô lượng, đó chính là tâm nguyện muốn cứu giúp tất cả chúng sinh. Tâm bi ấy được biểu hiện cụ thể qua hành động của chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc vô lậu. Có nghĩa là các ngài đã dùng tài thí và pháp thí (thuyết pháp) để dạy dỗ cho tất cả chúng sinh biết tu tập tất cả thiện pháp.

Chính ý nghĩa đó nên những bậc A-la-hán, các bậc đại Bồ-tát và Đức Thế Tôn đều từ trong định vô lậu và tuệ vô lậu để nguyện lực sinh thân trong ba cõi nhằm giáo hóa chúng sinh với những phương tiện như tài thí và pháp thí.

Tâm hỷ vô lượng

Nhờ chúng ta an trụ trong định hữu lậu và tuệ hữu lậu nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ. Từ đó, chúng ta mới vui thích, hoan hỷ trước tất cả nhân thiện và quả lành của mọi người.

Cũng vậy, các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu và tuệ vô lậu nên dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ thuộc về vô lậu. Cho nên, các ngài luôn hoan hỷ khi thấy tất cả chúng sinh biết tu tập các thiện pháp và thọ quả lành.

Tâm xả vô lượng

Theo *Luận Thành Duy Thức*: *"Hành xả là gì? Đó là tinh tấn cùng với ba thiện căn."*

Nhờ chúng ta an trụ trong định hữu lậu và tuệ hữu lậu nên mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn.

Cũng vậy, bậc thánh Tu-đà-hoàn đã xả ly được thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Bậc thánh Tư-đà-hàm đã làm mỏng, giảm tham, sân và si câu sinh đối với năm thủ uẩn. Bậc thánh A-na-hàm đã xả ly được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ

uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới). Bậc thánh A-la-hán đã xả ly hoàn toàn khổ đế - tập đế (chấp ngã). Duy chỉ có Đức Thế Tôn mới xả ly hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài đã thành tựu viên mãn tâm đại từ, tâm đại bi, tâm đại hỷ và tâm đại xả.

Tu tập Bát chánh đạo vô lậu liên hệ với sự thành tựu Tứ thánh quả

Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai)

Nghĩa của kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ thánh đế gọi là *kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Trong kinh vô tri gọi là *như thật tri*. Trong kinh Vô minh gọi là *minh*. Trong kinh Bahiya gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm* và *trong cái biết chỉ là cái nhận biết*.

Trong kinh *Lăng Nghiêm* gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong *Bát-nhã tâm kinh* và kinh *Kim Cang* gọi là *trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo *Luận Thành Duy Thức* gọi là *trí vô phân biệt*.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Lê-Tê-Đạt-Đa,* số *570*, Tôn giả Lê-Tê-Đạt-Đa dạy:

"Thế nào là thân kiến?"

"Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Này Trưởng giả, đó gọi là thân kiến."

"Làm thế nào để không có thân kiến này?"

"Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến." Cũng vậy, Đức Phật dạy: *"Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Này Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau."* (*Tạp A-hàm*, kinh *Phân biệt*, số *54)*

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông… không phải là nguyên nhân để sinh thiên, mà cho đó là nguyên nhân để

sinh thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thọ quả báo ở chư thiên… Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhiều kinh chỉ ghi gọn là nghi Tứ thánh đế.

Vì sao bậc thánh Sơ quả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi? Bởi vì bậc thánh Sơ quả an trú trong chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã nên đoạn trừ được thân kiến. Nhờ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn nhận biết được như thật khổ đế - tập đế cần phải đoạn, diệt đế cần phải chứng và đạo đế cần phải tu tập nên đoạn trừ được Giới cấm thủ. Chính vì, chánh kiến vô lậu nhận biết được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì đây là nhận biết được như thật khổ đế và tập đế. Còn tâm nhận biết được như thật về khổ đế và tập đế thì đây chính là chánh kiến vô lậu tức đạo đế vô lậu. Nghĩa là, bậc thánh Tu-đà-hoàn đã nhận biết như thật khổ đế - tập đế và chứng

nghiệm đạo đế vô lậu tu tập để đạt Diệt đế nên đoạn trừ được tâm nghi về giáo pháp Tứ thánh đế. Bởi vì không còn nghi về giáo pháp Tứ thánh đế nên bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả) sẽ không còn nghi Phật, nghi Tăng và nghi Thánh giới. Cho nên, Đức Phật dạy:

> *"Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ."* (Trích *Tạp A-hàm*, kinh *Hồ Nghi Đoạn*, số *137*)

Bậc thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi trời và cõi người (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy:

"Ta chưa từng thấy một người đệ tử của ta kiến đế mà phải trải qua đến đời thứ tám." Như trong *Trung A-hàm*, kinh *Thủy Dụ*, Đức Phật dạy: *"Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ."*

Theo *Luận Câu Xá*, trang 392, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa "Thất lai" của bậc thánh Sơ quả (Tu-đà-hoàn) như sau:

"Ở đây chứng cứ nào nói mỗi thú bảy lần chứ không phải bảy lần trong cả hai. Trong khi kinh được đọc như vậy: 'Bảy lần chư thiên và loài người.'

Các vị Ẩm quang bộ (tức Luận chủ đã dẫn Ẩm quang bộ) *cũng đọc 'bảy lần chư thiên và loài người' như là 'mỗi thú riêng biệt'. Ở đây không nên cố chấp.*

Vị đắc quả dự lưu giữa loài người sẽ trở lại đây mà nhập Niết-bàn. Nếu đắc quả giữa chư thiên, cũng sẽ trở lại nơi ấy."

Trong *Tạp A-hàm*, *kinh số 398 – 399 – 401*, Đức Phật dạy:

"*Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:*

'Như một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối, đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người. Vì không biết như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

Giống như cây trụ nhân-đà-la dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với Tứ Thánh Đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học.'

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành." (*Kinh *Nhân-đà-la-trụ,* số *398)*

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

'Giống như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống đất tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với Tứ Thánh Đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học.'

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành." (Kinh *Luận Xứ,* số *399)*

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ,

nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

'Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: 'Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?' Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với Tứ Thánh Đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm

phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.'

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành." (Kinh *Bách Thương,* số *401)*

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Xá-Lợi-Phất*, số 844, Ngài Xá-Lợi-Phất đã trả lời Đức Thế Tôn như sau:

"Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: 'Bảo là dòng; thế nào là dòng?'

Xá-lợi-phất bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo.'

Lại hỏi Xá-lợi-phất: 'Gọi là Nhập lưu phần, vậy thế nào là Nhập lưu phần?'

Xá-lợi-phất bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp.'

Lại hỏi Xá-lợi-phất: 'Người Nhập lưu phải thành tựu bao nhiêu pháp?'

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: 'Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.'

Phật bảo Xá-lợi-phất: 'Như những gì ông đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới.'

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành."

Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)

Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân thì Ngài sẽ sinh lên nơi các cõi trời thuộc Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi trời đó, Ngài sẽ sinh lại trong nhân gian để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo *Luận Câu Xá*, trang 399, do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa "Nhất lai" của bậc thánh Nhị quả (Tư-đà-hàm) như sau: *"Đây là đắc quả thứ hai, gọi là quả nhất lai, vì sau khi sinh lên chư thiên, rồi sinh trở lại nhân gian một lần duy nhất, sau đó không còn đời nào nữa. Kinh nói là làm mỏng tham, sân và si."*

Thánh quả A-na-hàm

Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn

(thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân thì Ngài sẽ sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới như: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên (thuộc tầng thiền thứ tư trong Sắc giới). Ở nơi các cõi trời đó, các Ngài tiếp tục tu tập để đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu bậc thánh A-la-hán.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng, bậc thánh A-na-hàm sẽ đạt được định tâm thuộc tứ thiền vô lậu, chứ không phải định hữu lậu.

Bậc thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc phân biệt ngã chấp. Còn bậc thánh A-na-hàm đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc câu sinh ngã chấp. Trong giai đoạn tu đạo của các bậc thánh giả: bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, rồi thành tựu quả vị Tư-đà-hàm; bậc thánh Tư-đà-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng

đến quả vị A-na-hàm, rồi thành tựu quả vị A-na-hàm; bậc thánh A-na-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-la-hán; trong các tiến trình ấy, cácngài chỉ đoạn trừ được phần nào chứ chưa đoạn trừ được hoàn toàn ngã chấp câu sinh. Cho đến quả vị A-la-hán thì các ngài mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh này.

Thánh quả A-la-hán (Vô học)

Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn tận khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Bởi vì, các bậc thánh như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Hữu học. Còn bậc thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu đó nên các ngài xứng đáng cho chư thiên, loài người đảnh lễ và cúng dường.

Các bậc thánh Hữu học chưa thành tựu được Tam minh. Những bậc thánh Vô học mới thành tựu được Tam minh. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Học Tam Minh*, số 871, Đức Phật dạy:

"Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

"Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: 'Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.' Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

"Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

"Thế nào là Lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, 'Đây là khổ', 'Đây là khổ tập', 'Đây là khổ diệt', 'Đây là khổ diệt đạo.' Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải

thoát tri kiến, biết rằng: 'Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh."

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Sa-môn Pháp Sa-môn Quả*, số *765*, Đức Phật dạy pháp và quả của Sa-môn:

"Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến… cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não."

39

TRÍCH KINH TRÌ TRAI[1], SỐ 202

Chánh văn

Đức Thế Tôn bảo Bà Cư sĩ:

"Này Bà cư sĩ, ở đây với mười sáu đại quốc này, một là Ương-già, hai là Ma-kiệt-đà, ba là Ca-thi, bốn là Câu-tát-la, năm là Câu-lâu, sáu là Ban-xà-la, bảy là A-nhiếp-bối, tám là A-hòa-đàn-đề, chín là Chi-đề, mười là Bạt-kỳ, mười một là Bạt-ta, mười hai là Bạt-la, mười ba là Tô-ma, mười bốn là Tô-ma-tra, mười lăm là Dụ-ni, mười sáu là Kiếm-phu. Trong các nước này những sở hữu tiền tài, bảo vật, kim ngân, ma ni, chơn châu, lưu ly, tương-già[2],

[1] Tương đương Pāli: A.8.43. Visākhā-sutta. Biệt dịch No.87 Phật Thuyết Trai Kinh, Ngô, Chi Khiêm dịch; No.88 Ưu-ba-di Đọa-xá-ca Kinh, khuyết danh dịch; và 89 Phật Thuyết Bát Quan Trai Kinh, Lưu Tống, Trở Cừ Kinh Thanh dịch.

[2] Tương-già 儴伽. Pāli: saṃkha, vỏ sò hay xa-cừ.

bích ngọc, san hô, lưu-thiệu[1] *, bệ-lưu*[2] *, bệ-lặc*[3]*, mã não, đồi mồi, xích thạch, tuyền châu, và giả sử một người làm vua trong đó, sẽ được xử dụng tự tại, tùy ý.*

"Này Bà Cư sĩ, 'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên.' Nếu nhân gian năm mươi năm, ở trên Tứ vương thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Năm trăm năm như vậy là tuổi thọ của Tứ vương thiên.

*"Này Bà Cư sĩ, do đó mà ta nói như vầy: 'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.' Nếu nhân gian sống một trăm tuổi, thì ở Tam thập tam thiên mới một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm và một nghìn năm như vậy [**772c**] là tuổi thọ của Tam thập tam thiên.*

"Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy: 'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.'

---

[1] Lưu-thiệu 留 邵, không rõ ngọc gì.

[2] Bệ-lưu 鞞 留, không rõ ngọc gì.

[3] Bệ-lặc 鞞 勒, không rõ ngọc gì.

Ở nhân gian hai trăm năm thì Diệm-ma thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Hai nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Diệm-ma thiên.

"Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy: 'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên.' Nhân gian bốn trăm năm thì Đâu-suất-đà thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Bốn ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Đâu-suất-đà thiên.

"Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy: 'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.' Nhân gian sống tám trăm tuổi, thì Hóa lạc thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tám ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Hóa lạc thiên.

"Này Bà Cư sĩ, Ta nhân đó mà nói rằng: 'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên.' Nhân gian một ngàn sáu trăm năm, thì Tha hóa lạc thiên mới một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm,

một vạn sáu ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Tha hóa lạc thiên.

Lược giải

Trí và phước của loài người so với trí và phước của hàng chư thiên trong Dục giới… thì không thể nào so sánh bằng. Chính vì thế, ngày nay, chúng ta tu học theo Phật Pháp, là muốn thành tựu được quả báo tốt đẹp của nhân thiên cho đến tứ thánh quả, thì cần phải tu tập đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu nhằm điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế để thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập đạo thánh đế vô lậu nghĩa là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến thành tựu quả vị Phật. Với ý nghĩa tu tập Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu, người viết đã trình bày ở phần kinh Thánh Đạo.

40

TRÍCH KINH BÔ-ĐA-LỊ[1], SỐ 203

Chánh văn

Thế Tôn bảo cư sĩ Bô-đa-lị rằng:

"Này Cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm, mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tỉa hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói. Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: 'Dục vọng như bộ xương khô. Thế Tôn nói dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đầy rẫy nguy hiểm, nên xa lánh đi.'

[1] Tương đương Pāli: M.54. Potaliya-suttaṃ.

"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống; hoặc quạ hoặc diều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những quạ diều khác đuổi theo để tranh giành. Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: 'Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt; hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lìa đi.'

"Này Cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy không liệng bỏ tức khắc, nhất định có cháy tay và các chi thể khác chăng?"

Cư sĩ đáp:

"Thật sự như vậy, Cù-đàm."

"Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: 'Dục vọng như bó đuốc đang cháy; Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy xa lánh đi.'"

"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến thấy

hầm lửa liền nghĩ rằng: 'Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chớ không hoài nghi. Dù không chết, nhất định chịu đựng đau đớn vô cùng.' Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc xa lìa, ước mong xa lìa, xả ly.

"Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: 'Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, hoan lạc ít mà khổ não nhiều đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi.'

*"Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc địa, [**774c**] màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến thấy con rắn bèn nghĩ rằng: 'Nếu ta thò tay và các chi thể khác cho con rắn nó mổ, nhất định phải chết chớ không hoài nghi. Dù không chết thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng.' Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly.*

"Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: 'Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như con rắn độc, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi.'

"Này Cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc, năm thứ dục lạc thỏa thích. Nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này Cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: 'Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi.'"

Lược giải

Bởi vì tất cả chúng sinh do sống với vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã nên mới dẫn sinh hỷ thọ và lạc thọ của thân và tâm. Đức Phật ví hỷ thọ và lạc thọ này như "*Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói; như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi; như giấc mộng hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm*". Vì vậy, ngày nay, chúng ta tu học thì cần phải tìm cầu hỷ thọ và lạc thọ của diệt thánh đế và đạo thánh đế. Đạo thánh đế gồm có đạo thánh đế hữu lậu và đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập đạo thánh

đế hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm dẫn sinh hỷ thọ, lạc thọ của thân và tâm. Với lạc thọ ấy, lạc thọ của chúng sinh thuộc về nhân tính sẽ không bằng lạc thọ của chư thiên thuộc Dục giới. Lạc thọ của chư thiên thuộc Dục giới sẽ không bằng lạc thọ của chư thiên thuộc Sắc giới như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Lạc thọ của chư thiên thuộc Sắc giới sẽ không bằng lạc thọ của chư thiên thuộc về Vô sắc giới như Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Chính ý nghĩa này, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Ưu-đà-di*, Đức Phật dạy:

> *"Này Ưu-đà-di, có hai thọ: thọ dục và thọ ly dục. Thế nào là thọ dục? Thọ do nhân duyên năm công đức của dục sanh ra, đó gọi là thọ dục. Thế nào là thọ ly dục? Tỳ-kheo ly dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, thành tựu và an trụ Sơ thiền, đó gọi là thọ ly dục.*

"Nếu có người nói: 'Chúng sanh nương vào Sơ thiền này, chỉ có đây là lạc, ngoài ra không còn gì khác.' Điều này không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn cái lạc này. Đó là gì? Tỳ-kheo lìa có giác, lìa có quán, nội tĩnh, có hỷ lạc do định sanh, thành tựu và an trụ Nhị thiền; đó gọi là lạc thù thắng. Như vậy, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, càng lên càng thù thắng hơn.

"Nếu có người nói: 'Chỉ có những xứ này, cho đến, Phi tưởng phi phi tưởng là cực lạc, không còn chỗ nào khác.' Như vậy cũng lại không đúng. Vì sao? Vì còn có cái lạc thù thắng hơn những nơi này nữa. Đó là gì? Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng nhập xứ, tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng thành tựu; đó là cái lạc thù thắng hơn cái lạc trên."

Còn các bậc thánh giả tu tập đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm dẫn sinh hỷ thọ, lạc thọ của thân và tâm. Với hỷ thọ và lạc thọ ấy, lạc thọ của bậc thánh

Tu-đà-hoàn sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh Tư-đà-hàm; lạc thọ của bậc thánh Tư-đà-hàm sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh A-na-hàm; lạc thọ của bậc thánh A-na-hàm sẽ không bằng lạc thọ của bậc thánh A-la-hán. Tuy nhiên, nếu y cứ vào Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì bậc thánh A-la-hán đã đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nhưng các ngài vẫn chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng). Còn theo lộ trình tu chứng của tứ thánh quả Thanh văn và năm mươi mốt địa vị Bồ-tát thì bậc thánh A-la-hán tương đương với hàng Bồ-tát Bát địa ở trong hàng thập địa. Cho nên, lạc thọ của bậc thánh A-la-hán sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa (địa thứ 9); lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Thiện Tuệ địa sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Pháp Vân địa (địa thứ 10); lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Pháp Vân địa sẽ không bằng lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Đẳng Giác; lạc thọ của hàng Bồ-tát thuộc Đẳng Giác sẽ không bằng lạc thọ của Đức Thế Tôn, tức Diệu Giác.

TRUNG A HÀM
Lược Giải

Tác giả: Thích Thắng Giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024)37822845
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc - ThS. Nguyễn Hữu Có**
Chịu trách nhiệm nội dung: **Tổng biên tập - Lê Hồng Sơn**
Biên tập viên nhà xuất bản: **Nguyễn Thị Thanh Thủy**

Sửa bản in:	Quế Chi
Thiết kế bìa:	Hoàn Thanh Tú
Trình bày:	Thu Hằng

Đối tác liên kết
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ
119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238
Website: www.thaihabooks.com

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thích Thắng Giải

Trung A Hàm lược giải / Thích Thắng Giải. - H. : Tôn giáo ; Công ty Sách Thái Hà, 2025. - 420 tr. ; 21 cm

1. Đạo Phật 2. Kinh Trung A Hàm

294.382 - dc23

TOM0013p-CIP

In 300 bản khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn. Địa chỉ: Số 262 Phúc Diễn, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Số đăng ký KHXB: 148-2025/CXBIPH/03-02/TG. Quyết định xuất bản số: 149/QĐ-NXBTG cấp ngày 26 tháng 02 năm 2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-604-941-192-2